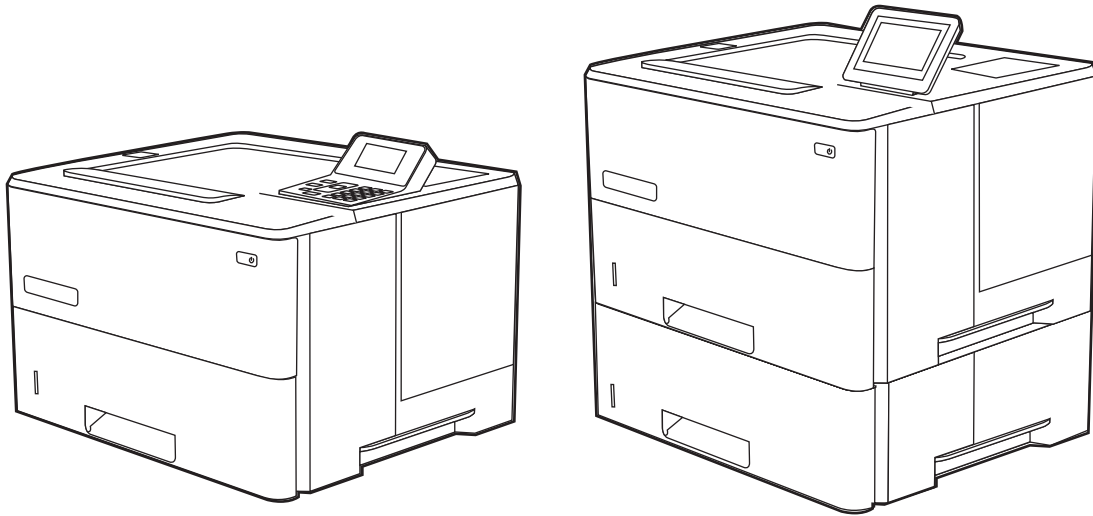




LaserJet Enterprise M507

Hướng dẫn Sử dụng



www.hp.com/videos/LaserJet
www.hp.com/support/ljM507



HP LaserJet Enterprise M507

Hướng Dẫn Sử Dụng

Bản quyền và giấy phép

© Copyright 2019 HP Development Company, L.P.

Nghiêm cấm sao chép, phóng tác hoặc biên dịch mà không có văn bản cho phép trước, trừ khi được cho phép theo luật bản quyền.

Thông tin có trong tài liệu này có thể thay đổi mà không cần phải thông báo.

Các bảo hành duy nhất dành cho sản phẩm và dịch vụ HP đều được nêu rõ trong các điều khoản bảo hành rõ ràng đi kèm sản phẩm và dịch vụ tương ứng. Không có điều nào trong tài liệu này được hiểu là bảo hành bổ sung. HP sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý đối với các lỗi hoặc sai sót về kỹ thuật hoặc biên tập trong tài liệu này.

Edition 1, 4/2019

Công nhận nhãn hiệu

Adobe®, Adobe Photoshop®, Acrobat® và PostScript® là các nhãn hiệu của Adobe Systems Incorporated.

Apple và logo Apple là nhãn hiệu của Apple Inc., đã được đăng ký ở Hoa Kỳ và các quốc gia khác.

macOS là nhãn hiệu của Apple Inc., đã được đăng ký ở Hoa Kỳ và các quốc gia khác.

AirPrint là nhãn hiệu của Apple Inc., đã được đăng ký ở Hoa Kỳ và các quốc gia khác.

Google™ là nhãn hiệu của Google Inc.

Microsoft®, Windows®, Windows® XP và Windows Vista® là các nhãn hiệu đã đăng ký của Microsoft Corporation.

UNIX® là nhãn hiệu đã đăng ký của The Open Group.

Mục lục

1 Tổng quan máy in	1
Biểu tượng Cảnh báo	1
Nguy cơ điện giật tiềm ẩn	3
Giao diện máy in	4
Mặt trước của máy in	4
Mặt sau của máy in	5
Các cổng giao tiếp	5
Giao diện bảng điều khiển (màn hình LCD màu QVGA 2,7 inch với bàn phím có 24 phím, kiểu n và dn)	6
Giao diện bảng điều khiển (màn hình cảm ứng, chỉ có ở các kiểu x)	9
Cách sử dụng bảng điều khiển màn hình cảm ứng	10
Thông số kỹ thuật của máy in	12
Thông số kỹ thuật	12
Các hệ điều hành được hỗ trợ	13
Giải pháp in di động	15
Kích thước máy in	16
Mức tiêu thụ điện, thông số kỹ thuật về điện và mức phát thải âm thanh	17
Phạm vi môi trường sử dụng	17
Lắp đặt phần cứng máy in và cài đặt phần mềm	17
2 Khay giấy	19
Giới thiệu	19
Nạp giấy vào Khay 1	20
Nạp giấy vào Khay 1 (khay đa năng)	20
Hướng giấy Khay 1	21
Dùng chế độ in sẵn đầu đề khác	22
Bật Chế độ in sẵn đầu đề khác bằng các menu trên bảng điều khiển của máy in	22
Nạp giấy vào Khay 2 và các khay 550 tờ	23
Nạp giấy vào Khay 2 và các khay 550 tờ	23
Hướng giấy Khay 2 và các khay 550 tờ	25

Dùng chế độ in sẵn đầu đề khác	22
Bật Chế độ in sẵn đầu đề khác bằng các menu trên bảng điều khiển của máy in	22
Nạp và in phong bì	27
In phong bì	27
Định hướng phong bì	27
Nạp và in nhãn	28
Tiếp nhãn theo cách thủ công	28
Hướng nhãn	28
3 Mục in, phụ kiện và bộ phận	29
Đặt hàng mực in, phụ kiện và bộ phận	30
Đặt hàng	30
Mực in và phụ kiện	30
Các bộ phận khách hàng tự sửa chữa	31
Cấu hình các cài đặt nguồn cung cấp bảo vệ hộp mực in HP	32
Giới thiệu	32
Bật hoặc tắt tính năng Cartridge Policy (Chính sách hộp mực)	33
Sử dụng bảng điều khiển máy in để bật tính năng Cartridge Policy (Chính sách hộp mực)	33
Sử dụng bảng điều khiển máy in để tắt tính năng Cartridge Policy (Chính sách hộp mực)	33
Sử dụng Máy chủ web nhúng (EWS) của HP để bật tính năng Cartridge Policy (Chính sách hộp mực)	33
Sử dụng Máy chủ web nhúng (EWS) của HP để tắt tính năng Cartridge Policy (Chính sách hộp mực)	34
Xử lý các thông báo lỗi về Chính sách hộp mực trên bảng điều khiển	35
Bật hoặc tắt tính năng Cartridge Protection (Bảo vệ hộp mực)	37
Sử dụng bảng điều khiển máy in để bật tính năng Cartridge Protection (Bảo vệ hộp mực)	37
Sử dụng bảng điều khiển máy in để tắt tính năng Cartridge Protection (Bảo vệ hộp mực)	37
Sử dụng Máy chủ web nhúng của HP (EWS) để bật tính năng Cartridge Protection (Bảo vệ hộp mực)	38
Sử dụng Máy chủ web nhúng của HP (EWS) để tắt tính năng Cartridge Protection (Bảo vệ hộp mực)	39
Xử lý các thông báo lỗi về Bảo vệ hộp mực trên bảng điều khiển	40
Thay thế hộp mực in	41
Thông tin về hộp mực	41
Tháo và thay thế hộp mực	42

4 In	45
Thao tác in (Windows)	46
Cách in (Windows)	46
In tự động trên hai mặt (Windows)	46
In thủ công trên cả hai mặt (Windows)	47
In nhiều trang trên một trang giấy (Windows)	48
Chọn loại giấy (Windows)	48
Tác vụ in bổ sung	49
Tác vụ in (macOS)	50
Cách in (macOS)	50
Tự động in trên cả hai mặt (macOS)	50
In thủ công trên cả hai mặt (macOS)	50
In nhiều trang trên một tờ giấy (macOS)	51
Chọn loại giấy (macOS)	51
Tác vụ in bổ sung	49
Lưu các lệnh in trên máy in để in sau hoặc in riêng	53
Giới thiệu	53
Tạo lệnh in đã lưu (Windows)	53
Tạo lệnh in đã lưu (macOS)	54
In lệnh in đã lưu	55
Xóa lệnh in đã lưu	56
Xóa một lệnh được lưu trên máy in	56
Thay đổi giới hạn lưu trữ lệnh	56
Thông tin được gửi đến máy in cho mục đích Kế toán lệnh in	56
In di động	57
Giới thiệu	57
In Wi-Fi, Wi-Fi Direct Print, NFC và BLE	58
Kích hoạt chức năng in không dây	58
Thay đổi tên Wi-Fi Direct	58
HP ePrint qua email	59
AirPrint	60
In nhúng của Android	60
In từ ổ USB flash	61
Bật cổng USB để in	62
Phương pháp một: Bật cổng USB từ bảng điều khiển máy in	62
Phương pháp hai: Bật cổng USB từ máy chủ Máy chủ web nhúng của HP (chỉ các máy in kết nối mạng)	62
In tài liệu USB	64
In tài liệu USB (bảng điều khiển bàn phím)	64
In tài liệu USB (bảng điều khiển màn hình cảm ứng)	64

In bằng cổng USB 2.0 tốc độ cao (có dây)	66
Bật cổng USB tốc độ cao để in	67
Phương pháp một: Bật cổng USB 2.0 tốc độ cao từ các menu trên bảng điều khiển máy in	67
Phương pháp hai: Bật cổng USB 2.0 tốc độ cao từ Máy chủ web nhúng của HP (chỉ các máy in kết nối mạng)	67
5 Quản lý máy in	69
Cấu hình nâng cao với Máy chủ web nhúng của HP (EWS)	70
Giới thiệu	70
Cách truy cập Máy chủ web nhúng của HP (EWS)	70
Các tính năng của máy chủ web nhúng của HP	72
Tab Information (Thông tin)	72
Tab General (Chung)	72
Tab Print (In)	73
Tab Supplies (Mực in)	74
Tab Troubleshooting (Xử lý sự cố)	74
Tab Security (Bảo mật)	75
Tab HP Web Services (Dịch vụ web HP)	75
Tab Networking (Hoạt động mạng)	76
Danh sách Other Links (Liên kết khác)	77
Định cấu hình cài đặt mạng IP	78
Từ chối dùng chung máy in	78
Xem hoặc thay đổi cài đặt mạng	78
Đổi tên máy in trên mạng	79
Lập cấu hình các thông số IPv4 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công	80
Định cấu hình các thông số IPv6 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công	80
Cài đặt in hai mặt và tốc độ liên kết	81
Các tính năng bảo mật của máy in	83
Giới thiệu	83
Tuyên bố bảo mật	83
Gán mật khẩu của quản trị viên	84
Sử dụng Máy chủ web nhúng (EWS) của HP để cài đặt mật khẩu	84
Cung cấp thông tin đăng nhập truy cập của người dùng trên bảng điều khiển của máy in	85
bảo mật IP	85
Hỗ trợ mã hóa: Ổ cứng bảo mật hiệu suất cao của HP	85
Khóa bộ định dạng	85
Các cài đặt bảo tồn năng lượng	86
In bằng EconoMode	87

Cấu hình EconoMode (Chế độ tiết kiệm) từ trình điều khiển in	87
Cấu hình EconoMode (Chế độ tiết kiệm) từ bảng điều khiển của máy in	87
Đặt hẹn giờ nghỉ và lập cấu hình máy in để dùng nguồn điện 1 watt hoặc ít hơn	87
HP Web Jetadmin	88
Cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở	88

6 Giải quyết sự cố 89

Hỗ trợ khách hàng	90
Hệ thống trợ giúp bảng điều khiển	90
Xác lập lại cài đặt gốc	92
Giới thiệu	92
Phương pháp một: Xác lập cài đặt gốc từ bảng điều khiển của máy in	92
Phương pháp hai: Xác lập cài đặt gốc từ Máy chủ web nhúng của HP (chỉ dành cho các máy in kết nối mạng)	92
Thông báo “Cartridge is low” (Hộp mực in ở mức thấp) hoặc “Cartridge is very low” (Hộp mực in gần hết) hiển thị trên bảng điều khiển của máy in	94
Thay đổi cài đặt “Very Low” (Gần hết)	95
Thay đổi cài đặt “Very Low” (Gần hết) trên bảng điều khiển	95
Đối với các máy in có tính năng fax	95
Đặt hàng mực in	95
Máy in không nhặt được giấy hoặc nạp giấy sai	96
Giới thiệu	96
Máy in không nạp giấy	96
Máy in nạp nhiều giấy	98
Xử lý kẹt giấy	102
Giới thiệu	102
Vị trí giấy kẹt	102
Tự động điều hướng để tháo giấy kẹt	103
Bạn gặp phải tình trạng kẹt giấy thường xuyên hoặc tái diễn?	103
Gỡ giấy kẹt trong khay 1—13.A1	103
Gỡ giấy kẹt trong khay 2, khay 3, khay 4, khay 5—13.A2, 13.A3, 13.A4, 13.A5	105
Gỡ bỏ giấy kẹt ở ngăn giấy ra—13.E1	109
Gỡ giấy bị kẹt trong bộ in hai mặt—13.CX.XX, 13.DX.XX	109
Gỡ bỏ giấy kẹt ở khu vực hộp mực in	114
Gỡ giấy kẹt trong cuộn sấy—13.B9, 13.B2, 13.FF	116
Xử lý vấn đề về chất lượng in	118
Giới thiệu	118
Xử lý sự cố về chất lượng in	119
Cập nhật chương trình cơ sở của máy in	119
In từ một chương trình phần mềm khác	119

Kiểm tra cài đặt loại giấy cho lệnh in	120
Kiểm tra cài đặt loại giấy trên máy in	120
Kiểm tra cài đặt loại giấy (Windows)	120
Kiểm tra cài đặt loại giấy (macOS)	120
Kiểm tra tình trạng hộp mực in	121
Bước một: In trang tình trạng mực in	121
Bước hai: Kiểm tra tình trạng mực in	121
In một trang làm sạch	121
Kiểm tra hộp mực in hoặc hộp mực bằng mắt thường	122
Kiểm tra môi trường in và giấy	123
Bước một: Hãy sử dụng giấy đáp ứng thông số kỹ thuật của HP	123
Bước hai: Kiểm tra môi trường	123
Bước ba: Đặt cạnh chỉnh khay riêng lẻ	123
Thử trình điều khiển in khác	124
Kiểm tra thông số cài đặt EconoMode (Chế độ tiết kiệm)	124
Điều chỉnh mật độ in	125
Xử lý lỗi hình ảnh	125
Giải quyết sự cố xảy ra với mạng có dây	134
Giới thiệu	134
Kết nối vật lý kém	134
Máy tính không thể giao tiếp với máy in	134
Máy in đang sử dụng liên kết và cài đặt in hai mặt không đúng cho mạng này	135
Các chương trình phần mềm mới đã gây ra sự cố tương thích	135
Máy tính của bạn hoặc máy trạm bị cài đặt sai	135
Máy in bị tắt, hoặc các cài đặt mạng khác bị sai	135
Giải quyết sự cố xảy ra với mạng không dây	136
Giới thiệu	136
Danh sách kiểm tra kết nối mạng không dây	136
Máy in không in sau khi định cấu hình mạng không dây hoàn tất	137
Máy in không in và máy tính đã cài đặt tường lửa của bên thứ ba	137
Kết nối không dây không hoạt động sau khi di chuyển bộ định tuyến của mạng không dây hoặc máy in	138
Không thể kết nối thêm máy tính với máy in không dây	138
Máy in không dây mất liên lạc khi được kết nối với VPN	138
Mạng không xuất hiện trong danh sách mạng không dây	138
Mạng không dây không hoạt động	138
Giảm nhiễu trên mạng không dây	139
Bảng chú dẫn	141

1 Tổng quan máy in

Xem lại vị trí của các tính năng trên máy in, thông số vật lý và kỹ thuật của máy in, cũng như vị trí định vị thông tin cài đặt.

- [Biểu tượng Cảnh báo](#)
- [Nguy cơ điện giật tiềm ẩn](#)
- [Giao diện máy in](#)
- [Thông số kỹ thuật của máy in](#)
- [Lắp đặt phần cứng máy in và cài đặt phần mềm](#)

Để được giúp đỡ qua video, hãy xem www.hp.com/videos/LaserJet.

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, hãy xem www.hp.com/support/ljm507.

Để biết thêm thông tin:

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau đây:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về quy định và bảo hành

Biểu tượng Cảnh báo

Hãy thận trọng nếu bạn thấy biểu tượng cảnh báo trên máy in HP, như thể hiện trong định nghĩa biểu tượng.

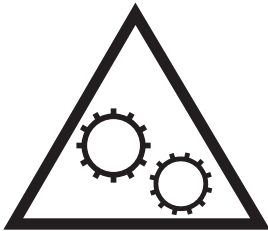
- Chú ý: Điện giật



- Chú ý: Bề mặt nóng



- Chú ý: Giữ các bộ phận cơ thể tránh xa các bộ phận đang di chuyển



- Chú ý: Cảnh sắc nhọn ở khoảng cách gần



- Cảnh báo



Nguy cơ điện giật tiềm ẩn

Xem lại thông tin an toàn quan trọng này.

- Đọc và hiểu rõ các hướng dẫn an toàn sau đây để tránh nguy cơ điện giật.
- Luôn tuân thủ các biện pháp phòng ngừa an toàn cơ bản khi sử dụng sản phẩm này để giảm rủi ro bị thương do hỏa hoạn hoặc điện giật.
- Đọc để hiểu rõ tất cả nội dung trong hướng dẫn sử dụng này.

Tuân thủ tất cả các cảnh báo và hướng dẫn được đánh dấu trên sản phẩm.

- Chỉ sử dụng ổ cắm điện được nối đất khi kết nối sản phẩm với nguồn điện. Nếu bạn không biết liệu ổ cắm có được nối đất hay không, hãy kiểm tra với thợ điện đủ trình độ chuyên môn.
- Không chạm vào các điểm tiếp xúc trên bất kỳ ổ cắm nào trên sản phẩm. Thay dây điện bị hỏng ngay lập tức.
- Rút phích cắm sản phẩm này ra khỏi ổ cắm điện trước khi vệ sinh.
- Không lắp đặt hoặc sử dụng sản phẩm này ở gần nguồn nước hoặc khi bạn bị ướt.
- Lắp đặt sản phẩm một cách an toàn trên bề mặt chắc chắn.
- Lắp đặt sản phẩm ở vị trí được bảo vệ, nơi không ai có thể đạp lên hoặc vướng vào dây nguồn.

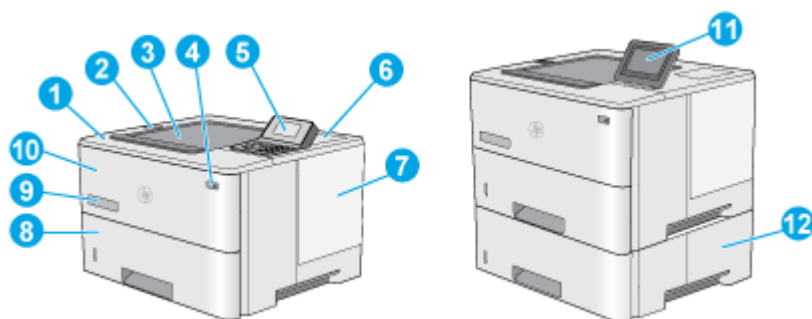
Giao diện máy in

Nhận diện các bộ phận cụ thể của máy in và bảng điều khiển.

- [Mặt trước của máy in](#)
- [Mặt sau của máy in](#)
- [Các cổng giao tiếp](#)
- [Giao diện bảng điều khiển \(màn hình LCD màu QVGA 2,7 inch với bàn phím có 24 phím, kiểu n và dn\)](#)
- [Giao diện bảng điều khiển \(màn hình cảm ứng, chỉ có ở các kiểu x\)](#)

Mặt trước của máy in

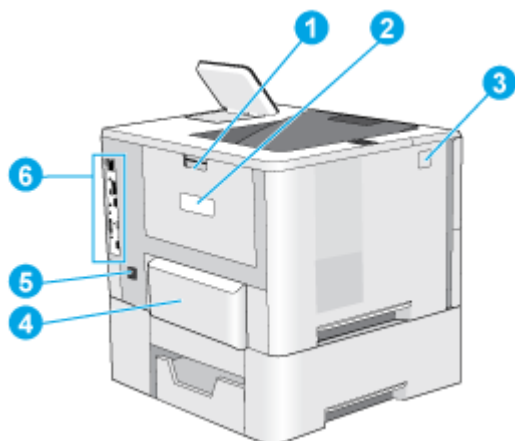
Sử dụng sơ đồ để tìm các bộ phận quan trọng trên máy in.



1	Nắp trên (cửa vào hộp mực in)
2	Cổng Easy-access USB Cắm ổ USB flash để in mà không cần máy tính hoặc để nâng cấp chương trình cơ sở của máy in. GHI CHÚ: Người quản trị phải bật cổng này trước khi sử dụng.
3	Ngăn giấy đầu ra
4	Nút bật/tắt
5	Màn hình LCD màu QVGA 2,7 inch với bàn phím có 24 phím (kiểu n và dn)
6	Ổ tích hợp phần cứng để kết nối phụ kiện và các thiết bị của bên thứ ba GHI CHÚ: Để sử dụng ổ tích hợp phần cứng (HIP), hãy cài đặt phụ kiện cổng USB bên trong của HP (B5L28A). Nếu không, cổng USB bên trong HIP sẽ không hoạt động.
7	Nắp bộ định dạng
8	Khay 2
9	Tên kiểu
10	Khay 1
11	Bảng điều khiển có màn hình cảm ứng màu (chỉ có ở kiểu x)
12	Khay nạp giấy 1 x 550 tờ, Khay 3 (đi kèm với kiểu x, tùy chọn đối với các kiểu khác) GHI CHÚ: Mỗi kiểu máy in chấp nhận tối đa ba khay nạp 1 x 550 tờ tùy chọn (Khay 3, 4 và 5). Khay 3 được kèm theo kiểu x.

Mặt sau của máy in

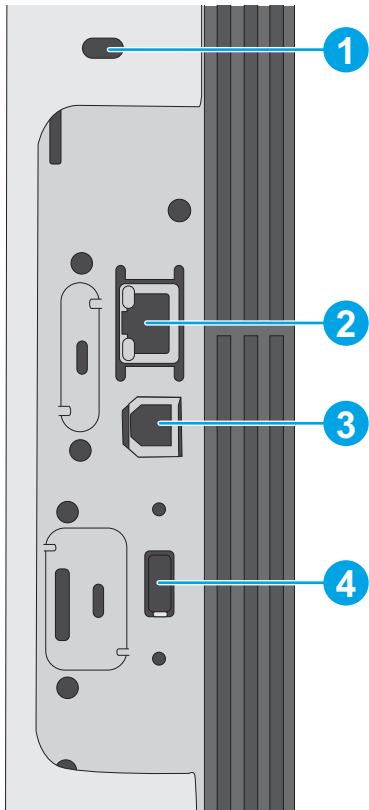
Sử dụng sơ đồ để tìm các bộ phận quan trọng trên máy in.



1	Cửa sau (cửa xử lý kẹt giấy)
2	Nhãn số sê-ri và số sản phẩm
3	Nút tháo nắp trên cùng
4	Nắp che bụi cho khay 2 (lật lên khi nạp vào khổ giấy Legal)
5	Kết nối nguồn
6	Bộ định dạng (chứa các cổng giao tiếp)

Các cổng giao tiếp

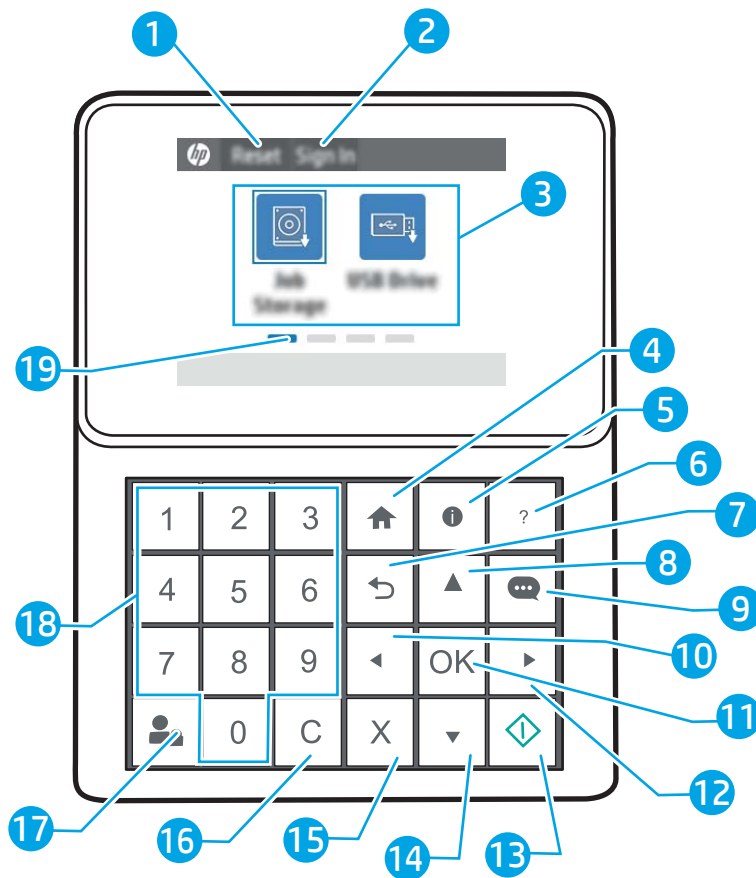
Sử dụng sơ đồ để nhận diện các cổng giao tiếp của máy in.

















-
- | | |
|---|---|
| 1 | Khe khóa an toàn dạng cáp |
| 2 | Cổng mạng Ethernet 10/100/1000 mạng cục bộ (LAN) |
| 3 | Cổng in USB 2.0 tốc độ cao |
| 4 | Cổng USB để kết nối các thiết bị USB bên ngoài (cổng này có thể đóng) |
- GHI CHÚ:** Để in easy-access USB, dùng cổng USB gần bảng điều khiển.
-

Giao diện bảng điều khiển (màn hình LCD màu QVGA 2,7 inch với bàn phím có 24 phím, kiểu n và dn)

Dùng bảng điều khiển 2 dòng để lấy thông tin về máy in và trạng thái lệnh và để lập cấu hình máy in.



1	Nút Reset (Xác lập lại)	Chọn nút Reset (Xác lập lại) để xóa các thay đổi, giải thoát máy in khỏi tình trạng tạm dừng, hiển thị các lỗi bị ẩn và khôi phục các cài đặt mặc định (bao gồm ngôn ngữ và bố cục bàn phím).
2	Nút Sign In (Đăng nhập) hoặc Sign Out (Đăng xuất)	Chọn nút Sign In (Đăng nhập) để mở màn hình Sign In (Đăng nhập). Chọn nút Sign Out (Đăng xuất) để đăng xuất khỏi máy in. Máy in lưu trữ tất cả tùy chọn về cài đặt mặc định.
3	Khu vực Applications (Ứng dụng)	Chọn một trong các biểu tượng để mở ứng dụng. Vuốt màn hình sang hai bên để truy cập vào nhiều ứng dụng hơn. GHI CHÚ: Các ứng dụng có sẵn có thể thay đổi tùy theo máy in. Quản trị viên có thể cấu hình các ứng dụng nào được xuất hiện và thứ tự chúng xuất hiện ra sao.
4	Nút Home (Màn hình chính) 	Chọn nút Home (Màn hình chính)  để trở về Màn hình chính.


5	Nút Information (Thông tin) 	<p>Chọn nút Information (Thông tin)  để truy cập vào một màn hình cung cấp truy cập vào một số loại thông tin máy in. Chọn các nút ở cuối màn hình để biết thông tin sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Display Language (Ngôn ngữ hiển thị): Thay đổi cài đặt ngôn ngữ đối với phiên người dùng hiện tại. • Sleep Mode (Chế độ nghỉ): Đặt máy in vào chế độ nghỉ. • Wi-Fi Direct: Xem thông tin về cách kết nối trực tiếp với máy in bằng cách sử dụng điện thoại, máy tính bảng hoặc thiết bị khác có Wi-Fi. • Wireless (Không dây): Xem hoặc thay đổi các cài đặt kết nối không dây (chỉ các kiểu không dây). • Ethernet: Xem hoặc thay đổi các cài đặt kết nối Ethernet. • HP Web Services (Dịch vụ web HP): Xem thông tin để kết nối và in đến máy in bằng cách sử dụng Dịch vụ web HP (ePrint).
6	Nút Help (Trợ giúp) 	Cung cấp danh sách các chủ đề trợ giúp hoặc thông tin về một chủ đề khi sử dụng Màn hình chính, về một ứng dụng, một tùy chọn hoặc một tính năng.
7	Nút Back (Quay lại) 	Lùi lại một mức trong cây menu.
8	Nút mũi tên lên 	Điều hướng đến mục hoặc công cụ trước đó trong danh sách, hoặc tăng giá trị của các mục số.
9	Nút Message Center (Trung tâm thông báo) 	Hiển thị Trung tâm thông báo.
10	Nút mũi tên trái 	Điều hướng đến mục, công cụ hoặc mức trước đó trong cây menu (nhưng không thoát ứng dụng) hoặc giảm giá trị của các mục số.
11	Nút OK	Chấp nhận giá trị đã chọn cho một mục, kích hoạt nút tiêu điểm, mở bàn phím để chỉnh sửa trường văn bản tiêu điểm hoặc kích hoạt các thao tác chọn tương tự.
12	Nút mũi tên phải 	Điều hướng đến mục, công cụ hoặc mức kế tiếp trong cây menu hoặc tăng giá trị của các mục số.
13	Nút Start (Bắt đầu) 	Bắt đầu lệnh in.
14	Nút mũi tên xuống 	Điều hướng đến một mục hoặc công cụ kế tiếp trong danh sách, hoặc giảm giá trị của các mục số.
15	Nút Cancel (Hủy) 	Tạm dừng máy in và mở Active Jobs (Lệnh hiện hoạt). Từ màn hình Active Jobs (Lệnh hiện hoạt), người dùng có thể hủy công việc hoặc tiếp tục in.
16	Nút Clear (Xóa) 	Xóa toàn bộ mục nhập trong trường nhập.
17	Nút Sign In (Đăng nhập) hoặc Sign Out (Đăng xuất)	<p>Nhấn nút Sign In (Đăng nhập) để mở màn hình Sign In (Đăng nhập).</p> <p>Bấm nút Sign Out (Đăng xuất) để đăng xuất khỏi máy in. Máy in lưu trữ tất cả tùy chọn về cài đặt mặc định.</p>
18	Bàn phím số	Nhập giá trị số.
19	Chỉ báo trang màn hình chính	Cho biết số lượng trang trên Màn hình chính hoặc trong thư mục Màn hình chính. Trang hiện tại sẽ được tô sáng. Vuốt màn hình sang hai bên để cuộn giữa các trang.


Giao diện bảng điều khiển (màn hình cảm ứng, chỉ có ở các kiểu x)


Dùng bảng điều khiển màn hình cảm ứng để lấy thông tin về máy in và trạng thái lệnh và để lập cấu hình máy in.

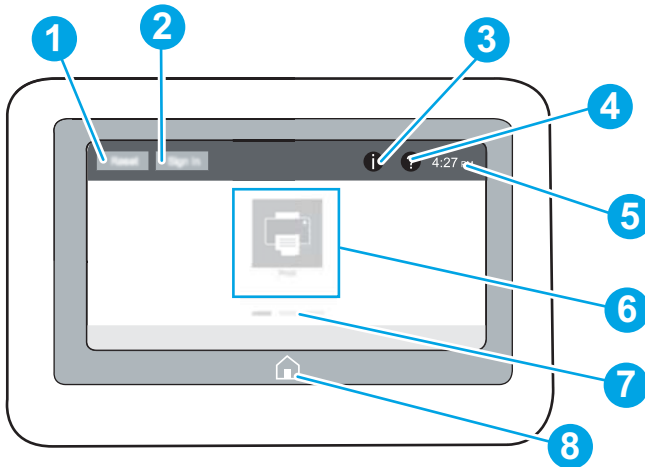
- [Cách sử dụng bảng điều khiển màn hình cảm ứng](#)

 **GHI CHÚ:** Nghiêng bảng điều khiển để dễ xem hơn.

Trở lại Màn hình chính bất kỳ lúc nào bằng cách chọn nút Home (Màn hình chính)  ở dưới cùng của bảng điều khiển máy in.

 **GHI CHÚ:** Để biết thêm thông tin về các tính năng của bảng điều khiển máy in, hãy truy cập www.hp.com/support/ljm507. Chọn **Manuals** (Hướng dẫn) và chọn **General reference** (Tham khảo chung).







 **GHI CHÚ:** Các tính năng xuất hiện trên Màn hình chính có thể khác nhau, tùy thuộc vào cấu hình máy in.



1 Nút **Reset** (Xác lập lại) Chọn nút **Reset** (Xác lập lại) để xóa các thay đổi, giải thoát máy in khỏi tình trạng tạm dừng, hiển thị các lỗi bị ẩn và khôi phục các cài đặt mặc định (bao gồm ngôn ngữ và bố cục bàn phím).

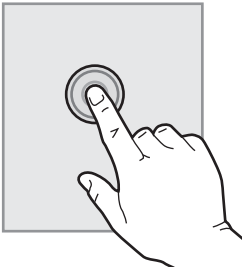
2 Nút **Sign In** (Đăng nhập) hoặc **Sign Out** (Đăng xuất) Chọn nút **Sign In** (Đăng nhập) để mở màn hình Sign In (Đăng nhập).
Chọn nút **Sign Out** (Đăng xuất) để đăng xuất khỏi máy in. Máy in lưu trữ tất cả tùy chọn về cài đặt mặc định.

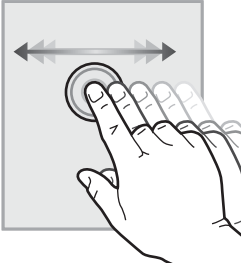
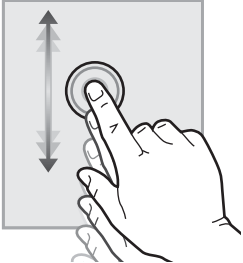
GHI CHÚ: Nút này sẽ chỉ hiển thị nếu quản trị viên đã cấu hình máy in yêu cầu quyền để truy cập vào các tính năng.

3	Nút Information (Thông tin) 	<p>Chọn nút Information (Thông tin)  để truy cập vào một màn hình cung cấp truy cập vào một số loại thông tin máy in. Chọn các nút ở cuối màn hình để biết thông tin sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Display Language (Ngôn ngữ hiển thị): Thay đổi cài đặt ngôn ngữ đối với phiên người dùng hiện tại. • Sleep Mode (Chế độ nghỉ): Đặt máy in vào chế độ nghỉ. • Wi-Fi Direct: Xem thông tin về cách kết nối trực tiếp với máy in bằng cách sử dụng điện thoại, máy tính bảng hoặc thiết bị khác có Wi-Fi. • Wireless (Không dây): Xem hoặc thay đổi các cài đặt kết nối không dây (một số kiểu sản phẩm đòi hỏi có phụ kiện tùy chọn không dây). • Ethernet: Xem hoặc thay đổi các cài đặt kết nối Ethernet. • HP Web Services (Dịch vụ web HP): Xem thông tin để kết nối và in đến máy in bằng cách sử dụng Dịch vụ web HP (ePrint).
4	Nút Help (Trợ giúp) 	<p>Chọn nút Help (Trợ giúp)  để mở hệ thống trợ giúp nhúng.</p> <p>Hệ thống cung cấp danh sách các chủ đề trợ giúp hoặc thông tin về một chủ đề khi sử dụng Màn hình chính, một ứng dụng, một tùy chọn hoặc một tính năng.</p>
5	Current time (Thời gian hiện tại)	Hiển thị thời gian hiện tại.
6	Khu vực Applications (Ứng dụng)	<p>Chọn một trong các biểu tượng để mở ứng dụng. Vuốt màn hình sang hai bên để truy cập vào nhiều ứng dụng hơn.</p> <p>GHI CHÚ: Các ứng dụng có sẵn có thể thay đổi tùy theo máy in. Quản trị viên có thể cấu hình các ứng dụng nào được xuất hiện và thứ tự chúng xuất hiện ra sao.</p>
7	Chỉ báo trang màn hình chính	Cho biết số trang trên Màn hình chính hoặc trong một ứng dụng. Trang hiện tại sẽ được tô sáng. Vuốt màn hình sang hai bên để cuộn giữa các trang.
8	Nút Home (Màn hình chính) 	Chọn nút Home (Màn hình chính)  để trở về Màn hình chính.

Cách sử dụng bảng điều khiển màn hình cảm ứng

Dùng các thao tác sau để sử dụng bảng điều khiển màn hình cảm ứng của máy in.

Thao tác	Mô tả	Ví dụ
<p>Chạm vào</p> 	<p>Chạm vào một mục trên màn hình để chọn mục đó hoặc mở menu đó. Ngoài ra, khi cuộn qua các menu, hãy chạm nhanh vào màn hình để dừng thao tác cuộn.</p>	<p>Chạm vào biểu tượng Settings (Cài đặt) để mở ứng dụng Settings (Cài đặt).</p>

Thao tác	Mô tả	Ví dụ
Vuốt 	Chạm vào màn hình, sau đó di chuyển ngón tay của bạn theo chiều ngang để cuộn màn hình sang hai bên.	Vuốt cho đến khi ứng dụng Settings (Cài đặt) hiển thị.
Cuộn 	Chạm vào màn hình, sau đó di chuyển ngón tay của bạn theo chiều dọc để cuộn lên và xuống màn hình. Khi cuộn qua các menu, hãy chạm nhanh vào màn hình để dừng thao tác cuộn.	Cuộn qua ứng dụng Settings (Cài đặt).

Thông số kỹ thuật của máy in

Sử dụng thông số kỹ thuật của máy in để cài đặt và vận hành máy in.

- [Thông số kỹ thuật](#)
- [Các hệ điều hành được hỗ trợ](#)
- [Giải pháp in di động](#)
- [Kích thước máy in](#)
- [Mức tiêu thụ điện, thông số kỹ thuật về điện và mức phát thải âm thanh](#)
- [Phạm vi môi trường sử dụng](#)

 **QUAN TRỌNG:** Các thông số kỹ thuật sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản, nhưng có thể thay đổi. Để biết thông tin hiện tại, hãy xem www.hp.com/support/ljM507.

Thông số kỹ thuật

Tên kiểu		M507n	M507dn	M507x
Số sản phẩm		1PV86A	1PV87A	1PV88A
Quản lý giấy in	Khay 1 (dung lượng 100 tờ)	Đi kèm	Đi kèm	Đi kèm
	Khay 2 (dung lượng 550 tờ)	Đi kèm	Đi kèm	Đi kèm
	Khay 3 (dung lượng 550 tờ)	Tùy chọn	Tùy chọn	Đi kèm
	GHI CHÚ: Máy in được giới hạn có tổng cộng năm khay tiếp giấy, kể cả khay MP, khay cassette chính và khay xếp chồng, tiếp giấy tối đa 2.300 trang .			
	In hai mặt tự động	Không có sẵn	Đi kèm	Đi kèm
Khả năng kết nối	Kết nối LAN Ethenet 10/100/1000 với IPv4 và IPv6	Đi kèm	Đi kèm	Đi kèm
	USB 2.0 Tốc độ cao	Đi kèm	Đi kèm	Đi kèm
	Máy chủ in để kết nối mạng không dây	Đi kèm	Đi kèm	Đi kèm
	Cổng Walk-up USB	Đi kèm	Đi kèm	Đi kèm
	Ổ tích hợp phần cứng để kết nối phụ kiện và các thiết bị của bên thứ ba	Đi kèm	Đi kèm	Đi kèm
	Bluetooth năng lượng thấp (BLE) khi in từ các thiết bị di động	Không có sẵn	Không có sẵn	Đi kèm
	Cổng USB bên trong của HP	Tùy chọn	Đi kèm	Đi kèm
Phụ kiện HP Jetdirect 3100w BLE/NFC/Wireless	Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn	

Tên kiểu		M507n	M507dn	M507x
Số sản phẩm		1PV86A	1PV87A	1PV88A
	Phụ kiện HP Jetdirect 2900nw Print Server để kết nối không dây	Không có sẵn	Tùy chọn	Tùy chọn
Bộ nhớ	Bộ nhớ cơ bản 1 GB GHI CHÚ: Bộ nhớ cơ bản có thể mở rộng đến 2 GB bằng cách thêm mô-đun bộ nhớ DIMM.	Đi kèm	Đi kèm	Đi kèm
Bộ nhớ dung lượng lớn	Ổ cứng FIPS được mã hóa	Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn
Bảo mật	Mô-đun nền tảng HP Trusted để mã hóa mọi dữ liệu đi qua máy in	Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn
Màn hình và đầu vào của bảng điều khiển	Bảng điều khiển có màn hình đồ họa màu và bàn phím	Đi kèm	Đi kèm	Không có sẵn
	Bảng điều khiển màn hình cảm ứng màu	Không có sẵn	Không có sẵn	Đi kèm
In	In 43 trang mỗi phút (ppm) trên giấy A4 và 45 ppm trên giấy Letter	Đi kèm	Đi kèm	Đi kèm
	In USB	Đi kèm	Đi kèm	Đi kèm
	In di động/nền tảng đám mây	Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn
	Lưu các lệnh in vào bộ nhớ máy in để in sau hoặc in riêng (Yêu cầu ổ USB flash 16 GB trở lên.)	Đi kèm	Đi kèm	Đi kèm

Các hệ điều hành được hỗ trợ

Sử dụng thông tin sau đây để kiểm tra tính tương thích của máy in với hệ điều hành máy tính của bạn.

Linux: Để biết thông tin và trình điều khiển in dành cho Linux, hãy truy cập www.hp.com/go/linuxprinting.

UNIX: Để biết thông tin và trình điều khiển in dành cho UNIX®, hãy truy cập www.hp.com/go/unixmodelscripts.

Thông tin sau đây áp dụng cho các trình điều khiển in Windows HP PCL 6 dùng riêng cho máy in, trình điều khiển in HP cho macOS và cho trình cài đặt phần mềm.


Windows: Tải xuống HP Easy Start từ 123.hp.com/LaserJet để cài đặt trình điều khiển in của HP. Hoặc, truy cập trang web hỗ trợ máy in dành cho máy in này, www.hp.com/support/ljM507, để tải xuống trình điều khiển in hoặc bộ cài đặt phần mềm để cài đặt trình điều khiển in của HP


macOS: Máy in này hỗ trợ máy tính Mac. Tải xuống HP Easy Start từ 123.hp.com/LaserJet hoặc từ trang Printer Support (Hỗ trợ máy in), sau đó sử dụng HP Easy Start để cài đặt trình điều khiển in HP.

1. Truy cập 123.hp.com/LaserJet.
2. Thực hiện theo các bước được cung cấp để tải xuống phần mềm máy in.

Bảng 1-1 Các trình điều khiển in và hệ điều hành được hỗ trợ


Hệ điều hành	Trình điều khiển in được cài đặt (dành cho Windows hoặc trình cài đặt trên web cho macOS)	Lưu ý
Windows 7, 32-bit và 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt "HP PCL 6" được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm.	
Windows 8, 32-bit và 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt "HP PCL 6" được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm.	Hỗ trợ Windows 8 RT được cung cấp qua Microsoft IN OS Phiên bản 4, trình điều khiển 32-bit.
Windows 8.1, 32-bit và 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt "HP PCL-6" V4 được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của quá trình cài đặt phần mềm.	Hỗ trợ Windows 8.1 RT được cung cấp qua Microsoft IN OS Phiên bản 4, trình điều khiển 32-bit.
Windows 10, 32-bit và 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt "HP PCL-6" V4 được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của quá trình cài đặt phần mềm.	
Windows Server 2008 R2, SP 1, 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt PCL 6 có sẵn để tải xuống từ trang web hỗ trợ máy in. Tải xuống trình điều khiển, sau đó sử dụng công cụ Microsoft Add Printer để cài đặt nó.	
Windows Server 2012, 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt PCL 6 có sẵn để tải xuống từ trang web hỗ trợ máy in. Tải xuống trình điều khiển, sau đó sử dụng công cụ Microsoft Add Printer để cài đặt nó.	
Windows Server 2012 R2, 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt PCL 6 có sẵn để tải xuống từ trang web hỗ trợ máy in. Tải xuống trình điều khiển, sau đó sử dụng công cụ Microsoft Add Printer để cài đặt nó.	
Windows Server 2016, 64-bit	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt PCL 6 có sẵn để tải xuống từ trang web hỗ trợ máy in. Tải xuống trình điều khiển, sau đó sử dụng công cụ Microsoft Add Printer để cài đặt nó.	
macOS 10.12 Sierra, macOS 10.13 High Sierra	Tải xuống HP Easy Start từ 123.hp.com/LaserJet , sau đó sử dụng phần mềm này để cài đặt trình điều khiển in.	

 **GHI CHÚ:** Các hệ điều hành được hỗ trợ có thể thay đổi. Để biết danh sách các hệ điều hành được hỗ trợ hiện nay, hãy truy cập www.hp.com/support/ljM507 để được trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in.

 **GHI CHÚ:** Để biết chi tiết về hệ điều hành máy khách và máy chủ và về thông tin hỗ trợ trình điều khiển HP UPD cho máy in này, hãy truy cập www.hp.com/go/upd. Dưới phần **Additional information** (Thông tin bổ sung), hãy nhấp vào liên kết.

Bảng 1-2 Các yêu cầu hệ thống tối thiểu


Windows	macOS
<ul style="list-style-type: none">• Kết nối Internet• Kết nối USB 1.1 hoặc 2.0 chuyên biệt hoặc một kết nối mạng• 2 GB bộ nhớ còn trống trên ổ đĩa cứng• RAM 1 GB (32-bit) hoặc RAM 2 GB (64-bit)	<ul style="list-style-type: none">• Kết nối Internet• Kết nối USB 1.1 hoặc 2.0 chuyên biệt hoặc một kết nối mạng• 1,5 GB bộ nhớ còn trống trên ổ đĩa cứng

 **GHI CHÚ:** Trình cài đặt phần mềm sẽ cài đặt dịch vụ HP Smart Device Agent Base. Kích cỡ tệp khoảng 100 kb. Chức năng duy nhất là để kiểm tra các máy in đã kết nối qua USB hàng giờ. Không có dữ liệu nào được thu thập. Nếu tìm thấy máy in USB, thì dịch vụ này sẽ cố tìm phiên bản Trình kết nối quản lý JetAdvantage (JAMc) trên mạng. Nếu tìm thấy JAMc, HP Smart Device Agent Base sẽ được nâng cấp an toàn lên Smart Device Agent đầy đủ từ JAMc, sau đó, phần này sẽ cho phép tính các trang đã in vào tài khoản Dịch vụ in được quản lý (MPS). Các gói chỉ có trình điều khiển qua web, được tải xuống từ hp.com cho máy in và được cài đặt qua Trình hướng dẫn Add Printer (Thêm Máy in) sẽ không cài đặt dịch vụ này.

Để gỡ cài đặt dịch vụ, hãy mở bảng điều khiển Windows, chọn **Programs** (Chương trình) hoặc **Programs and Features** (Chương trình và tính năng), rồi chọn **Add/Remove Programs** (Thêm/Xóa chương trình) hoặc **Uninstall a Program** (Gỡ cài đặt chương trình) để xóa dịch vụ. Tên tệp là **HPSmartDeviceAgentBase**.

Giải pháp in di động

HP cung cấp nhiều giải pháp di động để cho phép in dễ dàng tới máy in HP từ máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh hoặc từ thiết bị di động khác. Để xem danh sách đầy đủ và xác định lựa chọn tốt nhất, hãy truy cập www.hp.com/go/LaserJetMobilePrinting.

 **GHI CHÚ:** Cập nhật chương trình cơ sở của máy in để đảm bảo tất cả các chức năng in di động đều được hỗ trợ.

- Wi-Fi Direct (chỉ dành cho kiểu máy không dây, có lắp đặt phụ kiện HP Jetdirect 3100w NFC/BLE Không dây)
- Trạm không dây (chỉ dành cho kiểu máy không dây, có lắp đặt phụ kiện HP Jetdirect 3100w NFC/BLE Không dây hoặc máy chủ in không dây HP 2900nw)
- HP ePrint qua email (Dịch vụ web HP phải được bật và máy in phải được đăng ký HP Connected)
- Ứng dụng HP Smart
- Google Cloud Print
- AirPrint

- Android Printing
- HP Roam

Kích thước máy in

Bảng 1-3 Kích thước cho các kiểu M507n và M507dn

	Máy in đóng hoàn toàn	Máy in mở hoàn toàn
Cao	296 mm	296 mm
Sâu	Nắp che bụi khay 2 đóng: 376 mm Nắp che bụi khay 2 mở: 444 mm	569 mm
Rộng	410 mm	410 mm
Trọng lượng	12 kg	

Bảng 1-4 Kích thước của các kiểu M507x

	Máy in đóng hoàn toàn	Máy in mở hoàn toàn
Cao	415 mm	487 mm
Sâu	Nắp che bụi khay 2 đóng: 376 mm Nắp che bụi khay 2 mở: 444 mm	569 mm
Rộng	410 mm	410 mm
Trọng lượng	13,4 kg	

Bảng 1-5 Kích thước cho khay nạp giấy 1 x 550 tờ

Cao	130 mm
Sâu	Khay đóng: 376 mm Khay mở: 569 mm
Rộng	410 mm
Trọng lượng	1,4 kg

Bảng 1-6 Kích thước dành cho tủ/đế

Cao	381 mm
Sâu	Cửa đóng: 632 mm Cửa mở và bánh xe phía sau xoay: 865 mm
Rộng	Cửa đóng: 600 mm Cửa mở và bánh xe phía sau xoay: 630 mm
Trọng lượng	9 kg

Mức tiêu thụ điện, thông số kỹ thuật về điện và mức phát thải âm thanh

Xem www.hp.com/support/ljM507 để biết thông tin mới nhất.

⚠ THẬN TRỌNG: Các yêu cầu về điện năng dựa trên quốc gia/khu vực mà máy in được bán. Xin bạn không chuyển đổi điện thế vận hành. Việc này sẽ gây hư hỏng máy in và làm mất hiệu lực bảo hành của máy in.

Phạm vi môi trường sử dụng

Bảng 1-7 Thông số kỹ thuật về môi trường sử dụng

Môi trường	Khuyến dùng	Được phép
Nhiệt độ	17° đến 25°C	15° đến 30°C
Độ ẩm tương đối	30% đến 70% độ ẩm tương đối (RH)	10% đến 80% RH

Lắp đặt phần cứng máy in và cài đặt phần mềm

Để biết các hướng dẫn cài đặt cơ bản, hãy xem Hướng dẫn cài đặt phần cứng đi kèm với máy in. Để được hướng dẫn thêm, hãy tới mục Hỗ trợ HP trên web.

Hãy truy cập www.hp.com/support/ljM507 để được trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in. Tìm hỗ trợ sau đây:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về quy định và bảo hành

2 Khay giấy

Tìm hiểu cách nạp và sử dụng các khay giấy, bao gồm cách nạp các loại giấy đặc biệt, ví dụ như phong bì và nhãn.

- [Giới thiệu](#)
- [Nạp giấy vào Khay 1](#)
- [Nạp giấy vào Khay 2 và các khay 550 tờ](#)
- [Nạp và in phong bì](#)
- [Nạp và in nhãn](#)

Để được giúp đỡ qua video, hãy xem www.hp.com/videos/LaserJet.

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, hãy xem www.hp.com/support/ljm507.

Để biết thêm thông tin:

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau đây:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về quy định và bảo hành

Giới thiệu

Hãy thận trọng khi nạp giấy vào khay.

⚠ THẬN TRỌNG: Không in nhiều khay giấy một lần.

Không dùng khay giấy làm bậc lên xuống.

Để tay ra ngoài khay giấy khi đóng.

Phải đóng tất cả các khay khi di chuyển máy in.


Nạp giấy vào khay 1


Thông tin sau đây mô tả cách nạp giấy vào khay 1.

- [Nạp giấy vào khay 1 \(khay đa năng\)](#)
- [Hướng giấy khay 1](#)
- [Dùng chế độ in sẵn đầu đề khác](#)

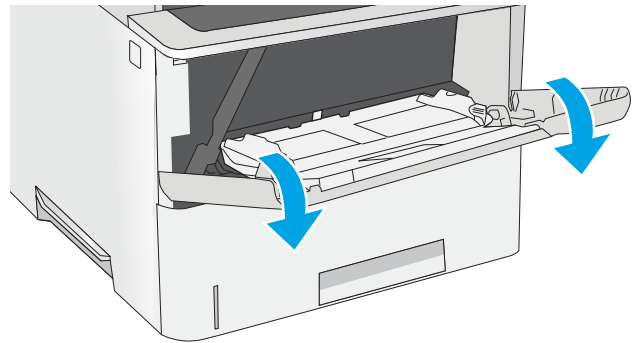
Nạp giấy vào khay 1 (khay đa năng)

Khay này chứa được tối đa 100 tờ 75 g/m² hoặc 10 phong bì.

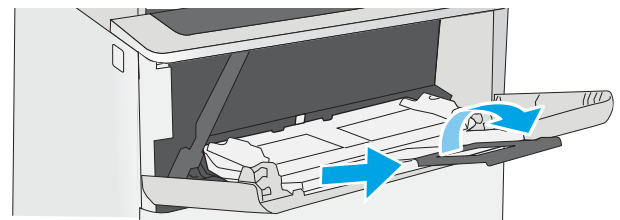
 **GHI CHÚ:** Chọn đúng loại giấy trong trình điều khiển in trước khi in.

 **THẬN TRỌNG:** Để tránh kẹt giấy, không được thêm hoặc lấy bớt giấy từ khay 1 trong khi in.

1. Nắm lấy tay cầm ở mặt bên kia của khay 1 và kéo về phía trước để mở khay.



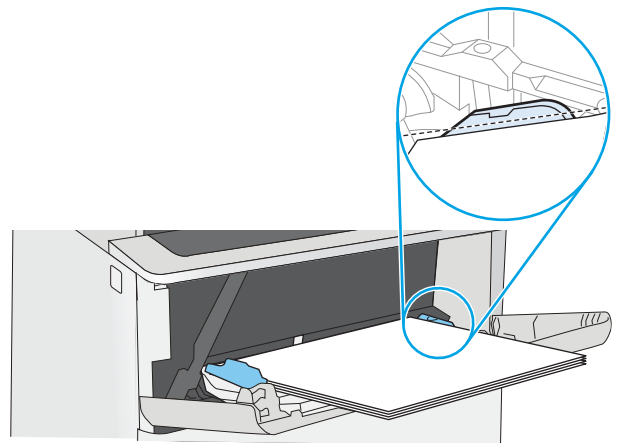
2. Kéo phần mở rộng của khay ra để đỡ giấy.



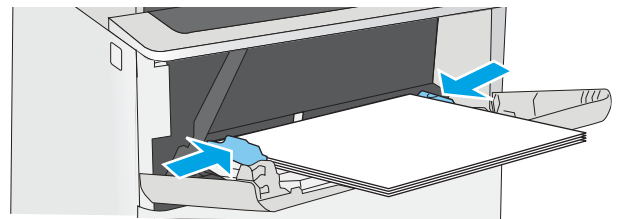
3. Kéo dài các thanh dẫn giấy đến kích thước chính xác rồi nạp giấy vào khay. Để biết thông tin về cách định dạng hướng giấy, xem [Hướng giấy Khay 1 thuộc trang 21](#).

Đảm bảo chắc chắn giấy nằm dưới đường vạch dấu trên thanh dẫn giấy.

GHI CHÚ: Chiều cao tập giấy tối đa là 10 mm hoặc tương đương 100 tờ giấy 75 g/m².



4. Điều chỉnh các thanh dẫn bên sao cho chúng hơi chạm vào tập giấy mà không làm cong tập giấy.



Hướng giấy Khay 1

Loại giấy	In một mặt	In hai mặt và Chế độ in sẵn đầu đề khác
Giấy Tiêu đề thư, in sẵn, hoặc dập lỗ trước	Mặt hướng lên Đưa mép trên cùng vào máy in	Mặt hướng xuống Đưa mép dưới cùng vào máy in
		

Dùng chế độ in sẵn đầu đề khác

Dùng tính năng [Alternative Letterhead Mode](#) (Chế độ in sẵn đầu đề khác) để tải giấy tiêu đề hoặc giấy in sẵn vào khay, giống nhau cho tất cả các lệnh, bất kể là in trên một mặt của trang giấy hoặc cả hai mặt. Khi sử dụng chế độ in, bạn nạp giấy như in hai mặt tự động.

- [Bật Chế độ in sẵn đầu đề khác bằng các menu trên bảng điều khiển của máy in](#)

Bật Chế độ in sẵn đầu đề khác bằng các menu trên bảng điều khiển của máy in


Sử dụng menu [Settings](#) (Cài đặt) để thiết lập cài đặt [Alternative Letterhead Mode](#) (Chế độ in sẵn đầu đề khác)


1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, mở menu [Settings](#) (Cài đặt).
2. Mở các menu sau đây:
 - [Copy/Print](#) (Sao chép/In) hoặc [Print](#) (In)
 - [Manage Trays](#) (Quản lý khay)
 - [Alternative Letterhead Mode](#) (Chế độ in sẵn đầu đề khác)
3. Chọn [Enabled](#) (Đã bật) và chạm vào nút [Save](#) (Lưu) hoặc bấm nút [OK](#).

Nạp giấy vào khay 2 và các khay 550 tờ

Thông tin sau đây mô tả cách nạp giấy vào khay 2 và các khay 550 tờ tùy chọn.


- [Nạp giấy vào khay 2 và các khay 550 tờ](#)
- [Hướng giấy khay 2 và các khay 550 tờ](#)
- [Dùng chế độ in sẵn đầu đề khác](#)


 **GHI CHÚ:** Quy trình nạp giấy vào các khay 550 tờ cũng giống như nạp giấy vào khay 2. Ở đây chỉ hiển thị khay 2.

 **THẬN TRỌNG:** Không in nhiều khay giấy một lần.

Nạp giấy vào khay 2 và các khay 550 tờ

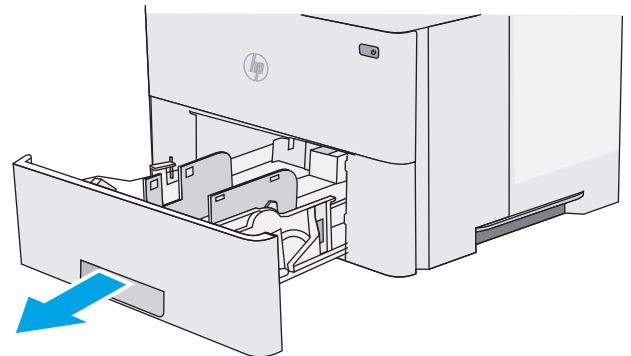
Thông tin sau đây mô tả cách nạp giấy vào khay 2 và các khay 550 tờ tùy chọn. Các khay này chứa được tối đa 550 tờ giấy 75 g/m².

 **GHI CHÚ:** Quy trình nạp giấy vào các khay 550 tờ cũng giống như nạp giấy vào khay 2. Ở đây chỉ hiển thị khay 2.

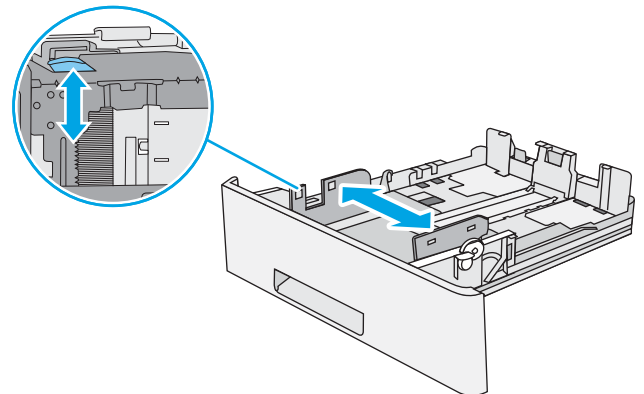
 **GHI CHÚ:** Không in nhiều khay giấy một lần.

1. Mở khay ra.

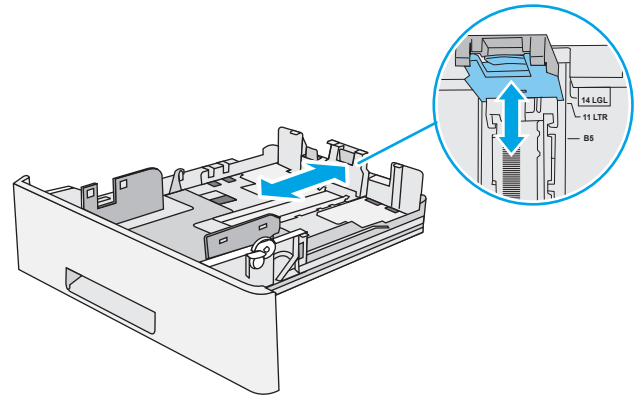
GHI CHÚ: Không mở khay này trong khi đang sử dụng nó.



2. Trước khi nạp giấy, điều chỉnh các thanh dẫn giấy theo chiều dọc bằng cách siết chặt các chốt điều chỉnh và trượt các thanh dẫn này theo khổ giấy đang được sử dụng.

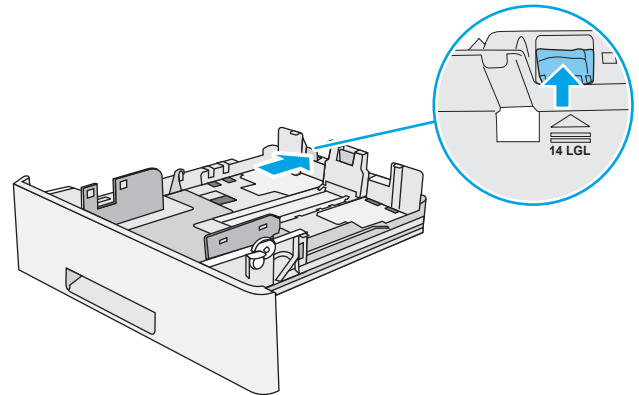


3. Điều chỉnh các thanh dẫn giấy theo chiều ngang bằng cách siết chặt các chốt và trượt thanh dẫn này theo khổ giấy đang được sử dụng.



4. Để nạp giấy khổ Legal vào khay, hãy ép chặt chốt trên mặt sau của khay vào giữa hướng bên trái, sau đó kéo dài khay lui về đúng khổ giấy.

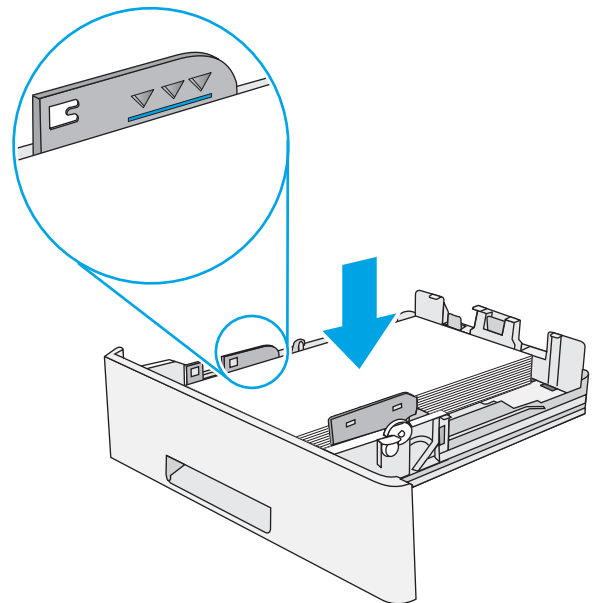
GHI CHÚ: Bước này không áp dụng cho các kích thước giấy khác.



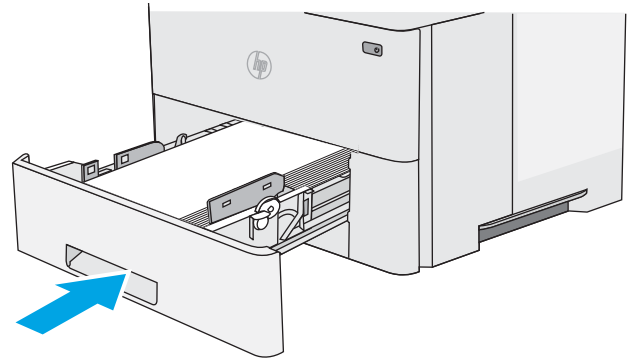
5. Nạp giấy vào khay. Để biết thông tin về cách định dạng hướng giấy, xem [Hướng giấy Khay 2](#) và các khay 550 tờ thuộc trang 25.

GHI CHÚ: Không điều chỉnh các thanh dẫn giấy quá sát tập giấy. Điều chỉnh chúng theo các dấu trên khay.

GHI CHÚ: Để tránh bị kẹt giấy, điều chỉnh các thanh dẫn giấy về đúng khổ giấy và không nạp quá nhiều giấy vào khay. Đảm bảo rằng mặt trên của tập giấy ở dưới chỉ báo khay đầy, như được phóng to trong hình minh họa.



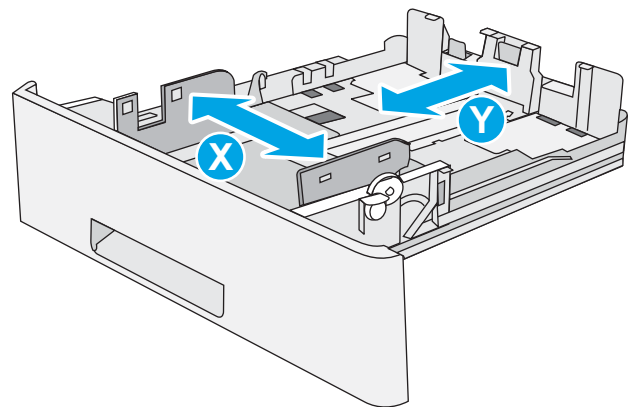
6. Đóng khay giấy.



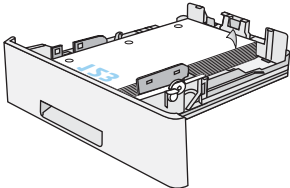
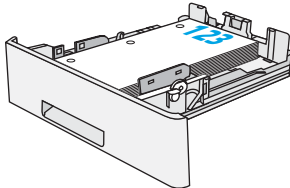
7. Thông báo cấu hình khay hiển thị trên bảng điều khiển máy in.

8. Nếu khổ giấy và loại giấy không hiển thị đúng, chọn **Modify** (Thay đổi) để chọn khổ giấy hoặc loại giấy khác.

Đối với giấy có kích thước tùy chỉnh, xác định các kích thước X và Y cho giấy khi có nhắc nhở xuất hiện trên bảng điều khiển của máy in.



Hướng giấy Khay 2 và các khay 550 tờ

Loại giấy	In một mặt	In hai mặt và Chế độ in sẵn đầu đề khác
Giấy Tiêu đề thư, in sẵn, hoặc dập lỗ trước	Mặt hướng xuống Gờ trên ở phía trước của khay	Mặt hướng lên Gờ dưới ở phía trước của khay
		

Dùng chế độ in sẵn đầu đề khác

Dùng tính năng [Alternative Letterhead Mode](#) (Chế độ in sẵn đầu đề khác) để tải giấy tiêu đề hoặc giấy in sẵn vào khay, giống nhau cho tất cả các lệnh, bất kể là in trên một mặt của trang giấy hoặc cả hai mặt. Khi sử dụng chế độ in, bạn nạp giấy như in hai mặt tự động.

- [Bật Chế độ in sẵn đầu đề khác bằng các menu trên bảng điều khiển của máy in](#)

Bật Chế độ in sẵn đầu đề khác bằng các menu trên bảng điều khiển của máy in

Sử dụng menu [Settings](#) (Cài đặt) để thiết lập cài đặt [Alternative Letterhead Mode](#) (Chế độ in sẵn đầu đề khác)

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, mở menu [Settings](#) (Cài đặt).
2. Mở các menu sau đây:
 - [Copy/Print](#) (Sao chép/In) hoặc [Print](#) (In)
 - [Manage Trays](#) (Quản lý khay)
 - [Alternative Letterhead Mode](#) (Chế độ in sẵn đầu đề khác)
3. Chọn [Enabled](#) (Đã bật) và chạm vào nút [Save](#) (Lưu) hoặc bấm nút [OK](#).

Nạp và in phong bì


Chỉ dùng khay 1 để in trên phong bì. Khay 1 chứa tối đa là 10 phong bì.


- [In phong bì](#)
- [Định hướng phong bì](#)

In phong bì

Để in phong bì bằng cách dùng tùy chọn tiếp giấy thủ công, hãy thực hiện theo các bước sau để chọn cài đặt chính xác trong trình điều khiển in, sau đó nạp phong bì vào khay sau khi gửi lệnh in đến máy in.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

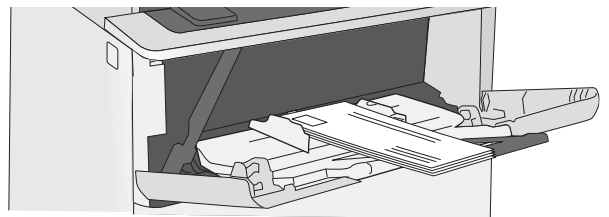
 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print (In)** và chọn máy in.

3. Nhấp vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).
4. Trong danh sách thả xuống **Paper size** (Kích thước giấy), chọn đúng kích thước cho các phong bì.
5. Trong danh sách thả xuống **Paper type** (Loại giấy), chọn **Envelope** (Phong bì).
6. Trong danh sách thả xuống **Paper source** (Nguồn giấy), chọn **Manual feed** (Tiếp giấy thủ công).
7. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu).
8. Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy bấm vào nút **OK** để in lệnh in.

Định hướng phong bì

Nạp phong bì vào khay 1 với mặt hướng lên, với cạnh ngăn có tem hướng vào máy in.



Nạp và in nhãn


Để in trên tờ nhãn, sử dụng khay 1. Khay 2 và khay 550 tờ tùy chọn không hỗ trợ nhãn.


- [Tiếp nhãn theo cách thủ công](#)
- [Hướng nhãn](#)

Tiếp nhãn theo cách thủ công

Sử dụng chế độ tiếp giấy thủ công cho khay 1 để in tờ nhãn.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

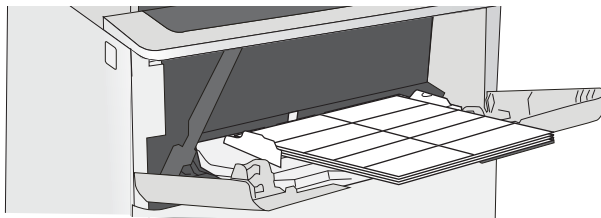
 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print (In)** và chọn máy in.

3. Nhấp vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).
4. Trong danh sách thả xuống **Paper size** (Kích thước giấy), chọn đúng kích thước cho các tờ nhãn.
5. Trong danh sách thả xuống **Paper type** (Loại giấy), chọn **Labels** (Nhãn).
6. Trong danh sách thả xuống **Paper source** (Nguồn giấy), chọn **Manual feed** (Tiếp giấy thủ công).
7. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính tài liệu).
8. Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy bấm vào nút **Print (In)** để in lệnh in.

Hướng nhãn

Cần nạp nhãn theo cách thức cụ thể để in đúng cách.

Khay	Cách nạp nhãn
Khay 1	Nạp từng tờ nhãn với mặt hướng lên có đầu trên của tờ giấy hướng vào máy in.



3 Mực in, phụ kiện và bộ phận

Đặt mua mực in hoặc phụ kiện, thay thế hộp mực in hoặc tháo và thay thế bộ phận khác.

- [Đặt hàng mực in, phụ kiện và bộ phận](#)
- [Cấu hình các cài đặt nguồn cung cấp bảo vệ hộp mực in HP](#)
- [Thay thế hộp mực in](#)

Để được giúp đỡ qua video, hãy xem www.hp.com/videos/LaserJet.

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, hãy xem www.hp.com/support/ljM507.

Để biết thêm thông tin:

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau đây:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về quy định và bảo hành

Đặt hàng mực in, phụ kiện và bộ phận

Xem lại chi tiết về cách đặt hàng mực in, phụ kiện và bộ phận cho máy in của bạn.

- [Đặt hàng](#)
- [Mực in và phụ kiện](#)
- [Các bộ phận khách hàng tự sửa chữa](#)

Đặt hàng

Đặt hàng mực in và giấy	www.hp.com/go/suresupply
Đặt hàng các bộ phận hoặc phụ kiện HP chính hãng	www.hp.com/buy/parts
Đặt hàng qua các nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ	Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ được HP ủy quyền.
Đặt hàng bằng Máy chủ web nhúng (EWS) của HP	Để truy cập, trong trình duyệt web được hỗ trợ trên máy tính của bạn, hãy nhập địa chỉ IP của máy in hoặc tên máy chủ trong trường địa chỉ/URL. EWS chứa liên kết tới trang web HP SureSupply, nơi cung cấp các tùy chọn mua hộp mực HP gốc.

Mực in và phụ kiện

Mục	Mô tả	Số hộp mực	Số bộ phận
Nguồn cung cấp			
Hộp mực HP 89A Black Original LaserJet	Hộp mực in LaserJet màu đen	89A	CF289A
Hộp mực HP 89X High Yield Black Original LaserJet	Hộp mực in LaserJet màu đen	89X	CF289X
Hộp mực HP 89Y Extra High Yield Black Original LaserJet	Hộp mực in LaserJet màu đen	89Y	CF289Y
Phụ kiện			
Khay giấy 550 tờ HP LaserJet	Khay nạp giấy 550 tờ tùy chọn GHI CHÚ: Máy in hỗ trợ tối đa ba khay nạp giấy 1 x 550 tờ trừ khi có các thiết bị đầu vào khác.	Không áp dụng	F2A72A
Giá đặt máy in HP LaserJet	Giá đặt máy in tùy chọn	Không áp dụng	F2A73A
1 GB DDR3 SlimDIMM	DIMM tùy chọn để mở rộng bộ nhớ	Không áp dụng	G6W84A
Mô-đun Nền tảng Tin cậy HP Trusted	Tự động mã hóa tất cả dữ liệu đi qua máy in	Không áp dụng	F5S62A
Ổ cứng bảo mật hiệu suất cao của HP	Ổ cứng bảo mật mua thêm	Không áp dụng	B5L29A
Máy chủ in HP Jetdirect 2900nw	Phụ kiện máy chủ in không dây USB	Không áp dụng	J8031A

Mục	Mô tả	Số hộp mục	Số bộ phận
Phụ kiện HP JetDirect 3100w BLE/NFC/Wireless	Phụ kiện Wi-Fi direct để “chạm” khi in từ các thiết bị di động	Không áp dụng	3JN69A
Cổng USB bên trong của HP	Hai cổng USB bên trong để kết nối với các thiết bị thứ ba	Không áp dụng	B5L28A

Các bộ phận khách hàng tự sửa chữa

Các bộ phận khách hàng tự sửa chữa (CSR) được trang bị ở nhiều máy in HP LaserJet để giảm thời gian bảo dưỡng. Bạn có thể tìm thêm thông tin về chương trình CSR và các lợi ích của chương trình tại www.hp.com/go/csr-support và www.hp.com/go/csr-faq.

Có thể đặt mua các phụ kiện thay thế chính hiệu HP tại www.hp.com/buy/parts hoặc liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ được HP ủy quyền. Khi đặt hàng, cần lưu ý một số thông tin sau: số bộ phận, số sê-ri (nhìn ở phía sau của máy in), số sản phẩm, hoặc tên máy in.

- Các bộ phận được liệt kê là tự thay thế **Bắt buộc** sẽ do khách hàng lắp đặt trừ khi bạn sẵn sàng trả tiền cho nhân viên dịch vụ của HP để thực hiện việc sửa chữa. Đối với những bộ phận này, hỗ trợ tại chỗ hoặc trả lại kho không được cung cấp theo bảo hành máy in HP.
- Các bộ phận được liệt kê là tự thay thế **Tùy chọn** có thể do nhân viên dịch vụ của HP lắp đặt theo yêu cầu của bạn mà không phải trả thêm phí trong thời gian bảo hành máy in.

Mục	Mô tả	Tùy chọn tự thay thế	Số bộ phận
Bộ nạp giấy 1 x 550 tờ	Khay nạp giấy 1 x 550 tờ thay thế	Bắt buộc	F2A72A
Ổ cứng bảo mật	Ổ cứng thay thế	Bắt buộc	B5L29A
1 GB DDR3 SlimDIMM	Thay thế bộ nhớ DIMM	Bắt buộc	G6W84A
Bộ mô-đun nền tảng HP Trusted	Mô-đun nền tảng tin cậy thay thế	Bắt buộc	F5S62A
Máy chủ in HP Jetdirect 2900nw	Phụ kiện máy chủ in không dây USB thay thế	Bắt buộc	J8031A
Phụ kiện HP JetDirect 3100w BLE/NFC/Wireless	Phụ kiện Wireless Direct Print thay thế để “chạm” khi in từ các thiết bị di động	Bắt buộc	3JN69A
Cổng USB bên trong của HP	Thay thế cổng USB bên trong	Bắt buộc	B5L28A

Cấu hình các cài đặt nguồn cung cấp bảo vệ hộp mực in HP

Quản trị viên mạng có thể cấu hình các cài đặt bảo vệ hộp mực in bằng cách sử dụng bảng điều khiển máy in hoặc Máy chủ web nhúng (EWS) của HP.

- [Giới thiệu](#)
- [Bật hoặc tắt tính năng Cartridge Policy \(Chính sách hộp mực\)](#)
- [Bật hoặc tắt tính năng Cartridge Protection \(Bảo vệ hộp mực\)](#)

Giới thiệu

Sử dụng Chính sách hộp mực và Bảo vệ hộp mực của HP để kiểm soát hộp mực nào được cài đặt trong máy in và bảo vệ các hộp mực đã được lắp đặt khỏi hành vi trộm cắp.

Trong HP Web Jetadmin, các cài đặt được đặt trong ngăn **Device Management** (Quản lý thiết bị) trong chuỗi menu sau đây: **Config (Cấu hình) > Supplies (Mực in) > Cartridge Policy (Chính sách hộp mực)** hoặc **Cartridge Protection (Bảo vệ hộp mực)**.

Các tính năng này khả dụng với phiên bản HP FutureSmart 3 và các phiên bản mới hơn.

- **Cartridge Policy** (Chính sách hộp mực): Tính năng này sẽ bảo vệ máy in khỏi các hộp mực in giả bằng cách chỉ cho phép hộp mực HP chính hãng được sử dụng với máy in. Việc sử dụng hộp mực HP chính hãng sẽ đảm bảo chất lượng in tốt nhất có thể. Khi ai đó lắp đặt một hộp mực không phải là hộp mực HP chính hãng, bảng điều khiển máy in sẽ hiển thị một thông báo rằng đây là hộp mực không được phép sử dụng và bảng điều khiển sẽ cung cấp thông tin giải thích cách tiến hành như thế nào.
- **Cartridge Protection** (Bảo vệ hộp mực): Tính năng này sẽ kết hợp vĩnh viễn các hộp mực in với một máy in cụ thể hoặc một dải máy in, để chúng không thể được dùng trong các máy in khác. Việc bảo vệ hộp mực sẽ bảo vệ vốn đầu tư của bạn. Khi tính năng này được bật, nếu ai đó cố gắng chuyển hộp mực được bảo vệ ra khỏi máy tính gốc vào một máy in không được phép thì máy in đó sẽ không in bằng hộp mực được bảo vệ. Bảng điều khiển máy in sẽ hiển thị một thông báo rằng hộp mực đã được bảo vệ và bảng điều khiển sẽ cung cấp thông tin giải thích cách tiến hành như thế nào.

⚠ THẬN TRỌNG: Sau khi bật tính năng bảo vệ hộp mực cho máy in, tất cả các hộp mực được lắp vào máy in sau đó đều sẽ tự động được bảo vệ *vĩnh viễn*. Để tránh bảo vệ một hộp mực mới, hãy tắt tính năng *trước khi* lắp hộp mực mới.

Việc tắt tính năng này sẽ không tắt khả năng bảo vệ đối với các hộp mực hiện đang được lắp đặt.

Cả hai tính năng này đều tắt theo mặc định. Thực hiện theo quy trình sau để bật hoặc tắt chúng.

Bật hoặc tắt tính năng Cartridge Policy (Chính sách hộp mực)

Bạn có thể bật hoặc tắt tính năng Cartridge Policy (Chính sách hộp mực) bằng cách sử dụng bảng điều khiển hoặc Máy chủ web nhúng (EWS).

- [Sử dụng bảng điều khiển máy in để bật tính năng Cartridge Policy \(Chính sách hộp mực\)](#)
- [Sử dụng bảng điều khiển máy in để tắt tính năng Cartridge Policy \(Chính sách hộp mực\)](#)
- [Sử dụng Máy chủ web nhúng \(EWS\) của HP để bật tính năng Cartridge Policy \(Chính sách hộp mực\)](#)
- [Sử dụng Máy chủ web nhúng \(EWS\) của HP để tắt tính năng Cartridge Policy \(Chính sách hộp mực\)](#)
- [Xử lý các thông báo lỗi về Chính sách hộp mực trên bảng điều khiển](#)



GHI CHÚ: Bật hoặc tắt tính năng này có thể yêu cầu nhập mật khẩu quản trị viên.

Sử dụng bảng điều khiển máy in để bật tính năng Cartridge Policy (Chính sách hộp mực)

Từ bảng điều khiển máy in, quản trị viên mạng có thể bật tính năng Cartridge Policy (Chính sách hộp mực). Việc này chỉ cho phép sử dụng hộp mực HP chính hãng cùng với máy in.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Settings** (Cài đặt) và chọn biểu tượng **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau đây:
 - [Manage Supplies](#) (Quản lý mực in)
 - [Cartridge Policy](#) (Chính sách hộp mực)
3. Chọn **Authorized HP** (Được HP ủy quyền).

Sử dụng bảng điều khiển máy in để tắt tính năng Cartridge Policy (Chính sách hộp mực)


Từ bảng điều khiển máy in, quản trị viên mạng có thể tắt tính năng Cartridge Policy (Chính sách hộp mực). Việc này sẽ loại bỏ hạn chế chỉ sử dụng hộp mực HP chính hãng.

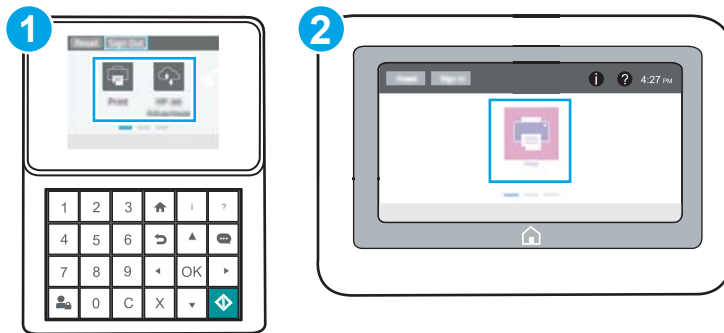
1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Settings** (Cài đặt) và chọn biểu tượng **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau đây:
 - [Manage Supplies](#) (Quản lý mực in)
 - [Cartridge Policy](#) (Chính sách hộp mực)
3. Chọn **Off** (Tắt).

Sử dụng Máy chủ web nhúng (EWS) của HP để bật tính năng Cartridge Policy (Chính sách hộp mực)



Từ EWS, quản trị viên mạng có thể bật tính năng Cartridge Policy (Chính sách hộp mực). Việc này chỉ cho phép sử dụng hộp mực HP chính hãng cùng với máy in.



1. Mở Máy chủ web nhúng (EWS) của HP:

 **GHI CHÚ:** Các bước khác nhau tùy theo loại bảng điều khiển.

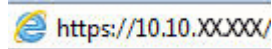



- | | |
|---|----------------------------------|
| 1 | Bảng điều khiển bàn phím |
| 2 | Bảng điều khiển màn hình cảm ứng |

- a. **Bảng điều khiển bàn phím:** Trên bảng điều khiển máy in, nhấn nút Information (Thông tin)  và sử dụng các nút mũi tên để chọn menu Ethernet . Bấm nút **OK** để mở menu và hiển thị tên máy chủ hoặc địa chỉ IP.

Bảng điều khiển màn hình cảm ứng: Trên bảng điều khiển máy in, chạm vào nút Information (Thông tin)  và chọn biểu tượng Network (Mạng)  để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

- b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Nhấn phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.



 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.

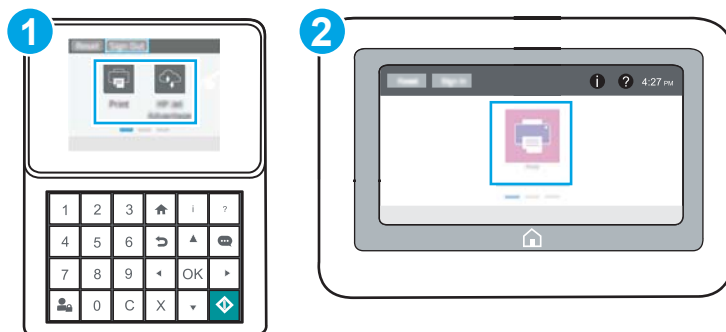
- Mở tab **Copy/Print** (Sao chép/In).
- Từ ngăn dẫn hướng bên trái, chọn **Manage Supplies** (Quản lý mực in).
- Trong khu vực Supply Settings (Cài đặt mực in), chọn **Authorized HP** (Được HP ủy quyền) từ danh sách thả xuống **Cartridge Policy** (Chính sách hộp mực).
- Nhấp vào nút **Apply** (Áp dụng) để lưu các thay đổi.

Sử dụng Máy chủ web nhúng (EWS) của HP để tắt tính năng Cartridge Policy (Chính sách hộp mực)

Từ EWS, quản trị viên mạng có thể tắt tính năng Cartridge Policy (Chính sách hộp mực). Việc này sẽ loại bỏ hạn chế chỉ sử dụng hộp mực HP chính hãng.

- Mở Máy chủ web nhúng (EWS) của HP:

 **GHI CHÚ:** Các bước khác nhau tùy theo loại bảng điều khiển.



1	Bảng điều khiển bàn phím
2	Bảng điều khiển màn hình cảm ứng

- a. **Bảng điều khiển bàn phím:** Trên bảng điều khiển máy in, nhấn nút Information (Thông tin) **i** và sử dụng các nút mũi tên để chọn menu Ethernet . Bấm nút **OK** để mở menu và hiển thị tên máy chủ hoặc địa chỉ IP.

Bảng điều khiển màn hình cảm ứng: Trên bảng điều khiển máy in, chạm vào nút Information (Thông tin) **i** và chọn biểu tượng Network (Mạng) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

- b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Nhấn phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

<https://10.10.XXXX/>

GHI CHÚ: Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.

- Mở tab **Copy/Print** (Sao chép/In).
- Từ ngăn dẫn hướng bên trái, chọn **Manage Supplies** (Quản lý mực in).
- Trong khu vực Supply Settings (Cài đặt mực in), chọn **Off** (Tắt) từ danh sách thả xuống **Cartridge Policy** (Chính sách hộp mực).
- Nhấp vào nút **Apply** (Áp dụng) để lưu các thay đổi.

Xử lý các thông báo lỗi về Chính sách hộp mực trên bảng điều khiển

Xem xét các hành động đề xuất cho thông báo lỗi Chính sách hộp mực.

Thông báo lỗi	Mô tả	Hành động đề xuất
10.0X.30 Unauthorized <Color> Cartridge (10.0X.30 Hộp mực <màu> không được phép)	Quản trị viên đã cấu hình máy in này để chỉ sử dụng các nguồn cung cấp HP chính hãng vẫn nằm trong bảo hành. Phải thay thế hộp mực để tiếp tục in.	<p>Thay hộp mực bằng một hộp mực in HP chính hãng.</p> <p>Nếu bạn tin rằng bạn đã mua nguồn cung cấp HP chính hãng, hãy truy cập vào www.hp.com/go/anticounterfeit để xác định xem hộp mực in có phải là hộp mực HP chính hãng không, cũng như tìm hiểu phải làm gì nếu đó không phải là hộp mực HP chính hãng.</p>

Bật hoặc tắt tính năng Cartridge Protection (Bảo vệ hộp mực)

Bạn có thể bật hoặc tắt tính năng Cartridge Protection (Bảo vệ hộp mực) bằng cách sử dụng bảng điều khiển hoặc Máy chủ web nhúng (EWS).

- [Sử dụng bảng điều khiển máy in để bật tính năng Cartridge Protection \(Bảo vệ hộp mực\)](#)
- [Sử dụng bảng điều khiển máy in để tắt tính năng Cartridge Protection \(Bảo vệ hộp mực\)](#)
- [Sử dụng Máy chủ web nhúng của HP \(EWS\) để bật tính năng Cartridge Protection \(Bảo vệ hộp mực\)](#)
- [Sử dụng Máy chủ web nhúng của HP \(EWS\) để tắt tính năng Cartridge Protection \(Bảo vệ hộp mực\)](#)
- [Xử lý các thông báo lỗi về Bảo vệ hộp mực trên bảng điều khiển](#)



GHI CHÚ: Bật hoặc tắt tính năng này có thể yêu cầu nhập mật khẩu quản trị viên.

Sử dụng bảng điều khiển máy in để bật tính năng Cartridge Protection (Bảo vệ hộp mực)

Từ bảng điều khiển máy in, quản trị viên mạng có thể bật tính năng Cartridge Protection (Bảo vệ hộp mực). Việc này bảo vệ hộp mực liên kết với máy in khỏi bị đánh cắp và sử dụng trong máy in khác.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng [Settings](#) (Cài đặt) và chọn biểu tượng [Settings](#) (Cài đặt).
2. Mở các menu sau đây:
 - [Manage Supplies](#) (Quản lý mực in)
 - [Cartridge Protection](#) (Bảo vệ hộp mực)
3. Chọn [Protect Cartridges](#) (Bảo vệ hộp mực).
4. Khi máy in nhắc bạn xác nhận, hãy chọn [Continue](#) (Tiếp tục) để bật tính năng này.

⚠ THẬN TRỌNG: Sau khi bật tính năng bảo vệ hộp mực cho máy in, tất cả các hộp mực được lắp vào máy in sau đó đều sẽ tự động được bảo vệ *vinh viễn*. Để tránh bảo vệ một hộp mực mới, hãy tắt tính năng *trước khi* lắp hộp mực mới.

Việc tắt tính năng này sẽ không tắt khả năng bảo vệ đối với các hộp mực hiện đang được lắp đặt.

Sử dụng bảng điều khiển máy in để tắt tính năng Cartridge Protection (Bảo vệ hộp mực)

Từ bảng điều khiển máy in, quản trị viên mạng có thể tắt tính năng Cartridge Protection (Bảo vệ hộp mực). Việc này sẽ loại bỏ bảo vệ cho bất kỳ hộp mực mới nào được lắp vào máy in.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng [Settings](#) (Cài đặt) và chọn biểu tượng [Settings](#) (Cài đặt).
2. Mở các menu sau đây:


- Manage Supplies (Quản lý mực in)
- Cartridge Protection (Bảo vệ hộp mực)

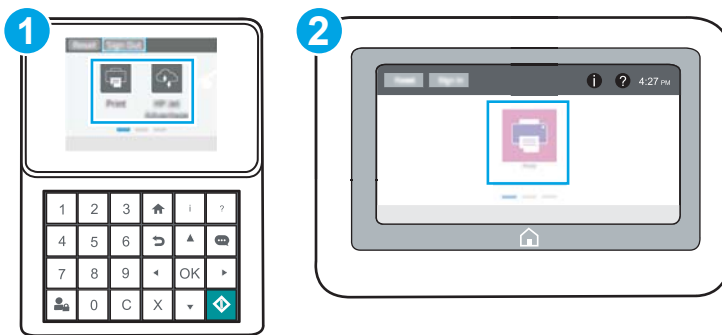
3. Chọn Off (Tắt).

Sử dụng Máy chủ web nhúng của HP (EWS) để bật tính năng Cartridge Protection (Bảo vệ hộp mực)



Từ EWS, quản trị viên mạng có thể bật tính năng Cartridge Protection (Bảo vệ hộp mực). Việc này bảo vệ hộp mực liên kết với máy in khỏi bị đánh cắp và sử dụng trong máy in khác.



1. Mở Máy chủ web nhúng (EWS) của HP:

 **GHI CHÚ:** Các bước khác nhau tùy theo loại bảng điều khiển.





1	Bảng điều khiển bàn phím
2	Bảng điều khiển màn hình cảm ứng

- a. **Bảng điều khiển bàn phím:** Trên bảng điều khiển máy in, nhấn nút Information (Thông tin)  và sử dụng các nút mũi tên để chọn menu Ethernet . Bấm nút **OK** để mở menu và hiển thị tên máy chủ hoặc địa chỉ IP.

Bảng điều khiển màn hình cảm ứng: Trên bảng điều khiển máy in, chạm vào nút Information (Thông tin)  và chọn biểu tượng Network (Mạng)  để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

- b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Nhấn phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

 <https://10.10.XX.XXX/>

 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.

2. Mở tab **Copy/Print** (Sao chép/In).
3. Từ ngăn dẫn hướng bên trái, chọn **Manage Supplies** (Quản lý mực in).

4. Trong khu vực Supply Settings (Cài đặt mực in), chọn **Protect cartridges** (Bảo vệ hộp mực) từ danh sách thả xuống **Cartridge Protection** (Bảo vệ hộp mực).
5. Nhấp vào nút **Apply** (Áp dụng) để lưu các thay đổi.

⚠ THẬN TRỌNG: Sau khi bật tính năng bảo vệ hộp mực cho máy in, tất cả các hộp mực được lắp vào máy in sau đó đều sẽ tự động được bảo vệ *vinh viễn*. Để tránh bảo vệ một hộp mực mới, hãy tắt tính năng *trước khi* lắp hộp mực mới.

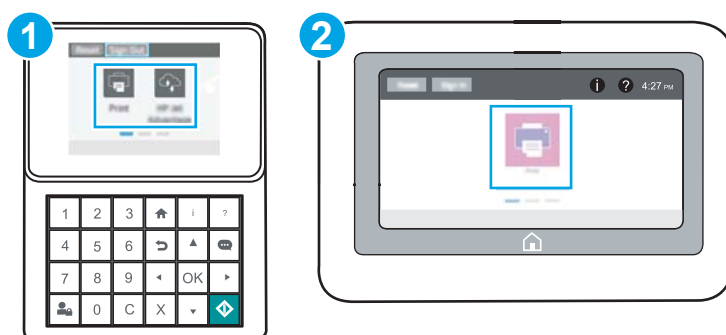
Việc tắt tính năng này sẽ không tắt khả năng bảo vệ đối với các hộp mực hiện đang được lắp đặt.

Sử dụng Máy chủ web nhúng của HP (EWS) để tắt tính năng Cartridge Protection (Bảo vệ hộp mực)

Từ EWS, quản trị viên mạng có thể tắt tính năng Cartridge Protection (Bảo vệ hộp mực). Việc này sẽ loại bỏ bảo vệ cho bất kỳ hộp mực mới nào được lắp vào máy in.

1. Mở Máy chủ web nhúng (EWS) của HP:

📝 GHI CHÚ: Các bước khác nhau tùy theo loại bảng điều khiển.





- | | |
|---|----------------------------------|
| 1 | Bảng điều khiển bàn phím |
| 2 | Bảng điều khiển màn hình cảm ứng |

- a. **Bảng điều khiển bàn phím:** Trên bảng điều khiển máy in, nhấn nút Information (Thông tin) **i** và sử dụng các nút mũi tên để chọn menu Ethernet **🌐**. Bấm nút **OK** để mở menu và hiển thị tên máy chủ hoặc địa chỉ IP.

Bảng điều khiển màn hình cảm ứng: Trên bảng điều khiển máy in, chạm vào nút Information (Thông tin) **i** và chọn biểu tượng Network (Mạng) **🌐** để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

- b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Nhấn phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

 <https://10.10.XX.XXX/>

 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.

2. Mở tab **Copy/Print** (Sao chép/In).
3. Từ ngăn dẫn hướng bên trái, chọn **Manage Supplies** (Quản lý mực in).
4. Trong khu vực Supply Settings (Cài đặt mực in), chọn **Off** (Tắt) từ danh sách thả xuống **Cartridge Protection** (Bảo vệ hộp mực).
5. Nhấp vào nút **Apply** (Áp dụng) để lưu các thay đổi.

Xử lý các thông báo lỗi về Bảo vệ hộp mực trên bảng điều khiển

Xem xét các hành động đề xuất cho thông báo lỗi Bảo vệ hộp mực.

Thông báo lỗi	Mô tả	Hành động đề xuất
10.0X.57 Protected <Color> Cartridge (10.0X.57 Hộp mực <màu> được bảo vệ)	Hộp mực chỉ có thể được sử dụng trong máy in hoặc dải máy in đã bảo vệ nó lúc ban đầu bằng tính năng Cartridge Protection (Bảo vệ hộp mực) của HP. Tính năng Cartridge Protection (Bảo vệ hộp mực) cho phép quản trị viên hạn chế các hộp mực để chỉ làm việc trong một máy in hoặc một dải máy in. Phải thay thế hộp mực để tiếp tục in.	Thay hộp mực bằng một hộp mực in mới.

Thay thế hộp mực in

Thay hộp mực in nếu bạn nhận được thông báo trên máy in, hoặc gặp vấn đề về chất lượng in.


- [Thông tin về hộp mực](#)
- [Tháo và thay thế hộp mực](#)

Thông tin về hộp mực


Tiếp tục in bằng hộp mực hiện thời cho tới khi việc phân phối lại bột mực không cho ra chất lượng in chấp nhận được. Để phân phối lại bột mực, tháo hộp mực in ra khỏi máy in và lắc nhẹ hộp mực qua lại theo trục ngang. Vui lòng đọc các hướng dẫn thay thế hộp mực để xem hình ảnh biểu diễn đồ họa. Lắp lại hộp mực in vào máy in và đóng nắp.

Để mua hộp mực hoặc kiểm tra hộp mực có phù hợp với máy in không, hãy truy cập mục HP SureSupply tại www.hp.com/go/SureSupply. Cuộn xuống cuối trang và xác nhận xem quốc gia/khu vực có đúng không.

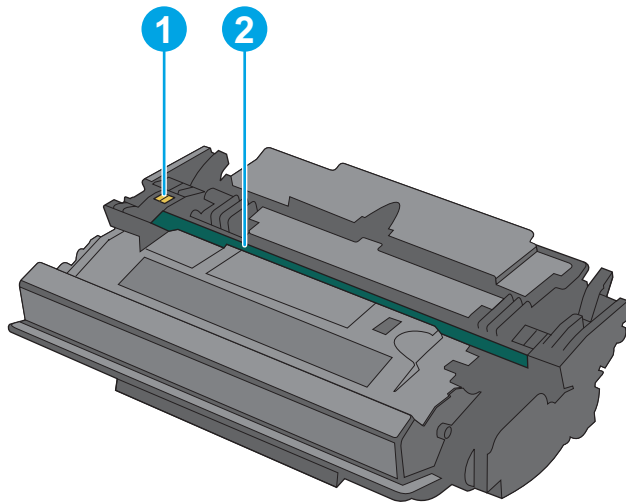
Mực	Mô tả	Số hộp mực	Số bộ phận
Hộp mực HP 89A Black Original LaserJet	Hộp mực in LaserJet màu đen	89A	CF289A
Hộp mực HP 89X High Yield Black Original LaserJet	Hộp mực in LaserJet màu đen	89X	CF289X
Hộp mực HP 89Y Extra High Yield Black Original LaserJet	Hộp mực in LaserJet màu đen	89Y	CF289Y

 **GHI CHÚ:** Hộp mực hiệu suất in cao (high-yield) có nhiều bột mực hơn hộp mực chuẩn để tăng hiệu suất in trên trang. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập www.hp.com/go/learnaboutsupplies.

Không được lấy hộp mực in ra khỏi bao bì cho đến khi cần thay thế.

 **THẬN TRỌNG:** Để tránh làm hư hộp mực, không để hộp mực tiếp xúc với ánh sáng quá vài phút. Che đậy trống hình màu xanh lá cây nếu phải tháo hộp mực in ra khỏi máy in trong một thời gian dài.

Hình minh họa dưới đây hiển thị các bộ phận của hộp mực in.



- | | |
|---|-------------|
| 1 | Chip bộ nhớ |
| 2 | Trống hình |

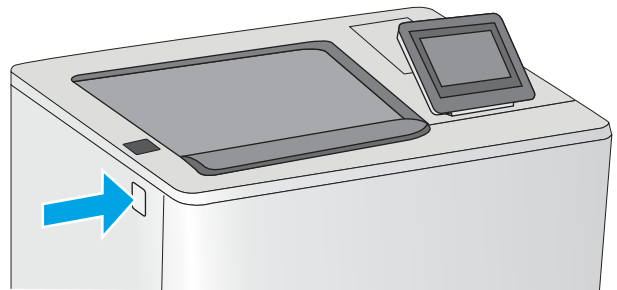
THẬN TRỌNG: Không chạm tay vào trống hình. Dầu vân tay có thể làm giảm chất lượng in.

⚠ THẬN TRỌNG: Nếu bột mực vương vào áo quần, hãy lau bằng một mảnh vải khô và giặt áo quần bằng nước lạnh. Nước nóng sẽ khiến bột mực se kết lại vào vải.

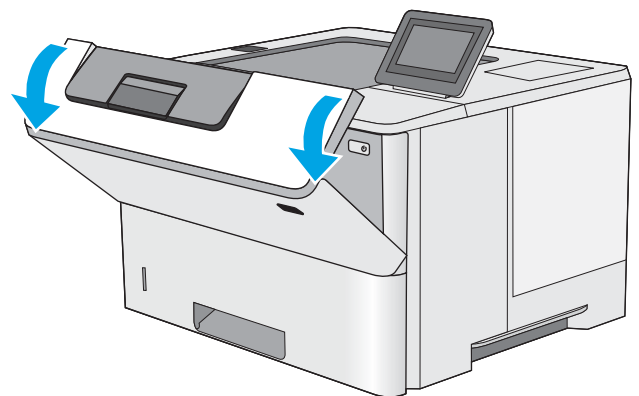
📖 GHI CHÚ: Thông tin về việc tái chế hộp mực đã qua sử dụng có trên vỏ hộp mực.

Tháo và thay thế hộp mực

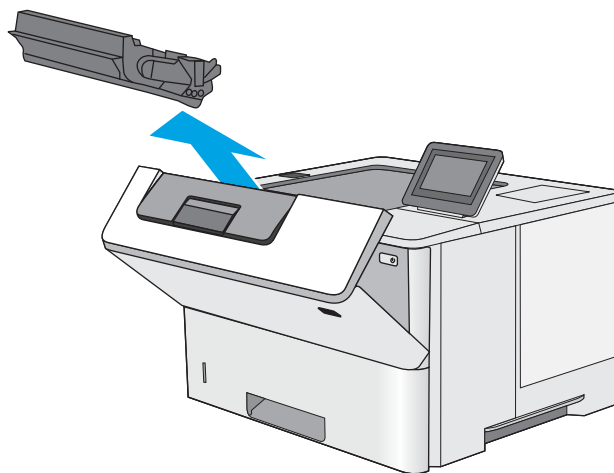
1. Nhấn nút tháo nắp trên cùng ở phía bên trái của máy in.



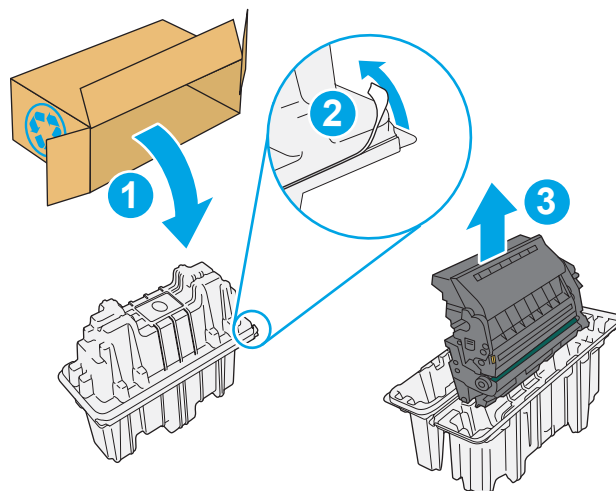
2. Mở cửa trước.



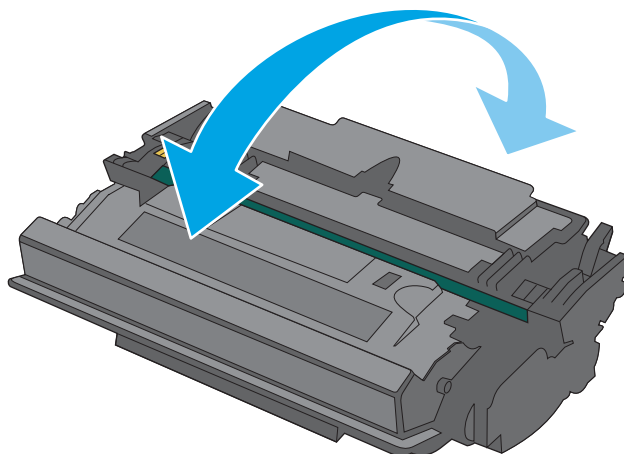
3. Nắm lấy tay cầm của hộp mực in đã qua sử dụng và kéo nó ra.



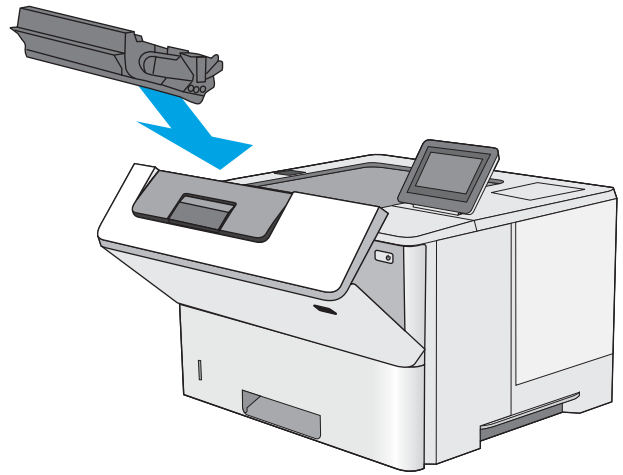
4. Lấy hộp mực in mới ra khỏi tấm bảo vệ bằng cách kéo bật băng nhựa ra và mở gói. Cất giữ tất cả vỏ hộp mực để tái chế hộp mực đã qua sử dụng.



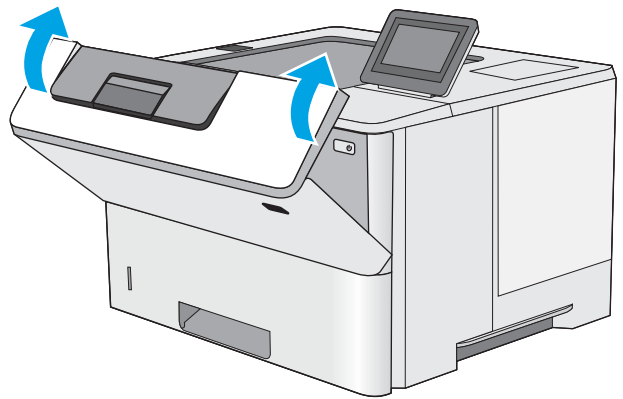
5. Giữ hai đầu của hộp mực và lắc nhẹ 5-6 lần.



6. Căn hộp mực in thẳng với các khe cắm của nó, sau đó lắp hộp mực vào máy in.



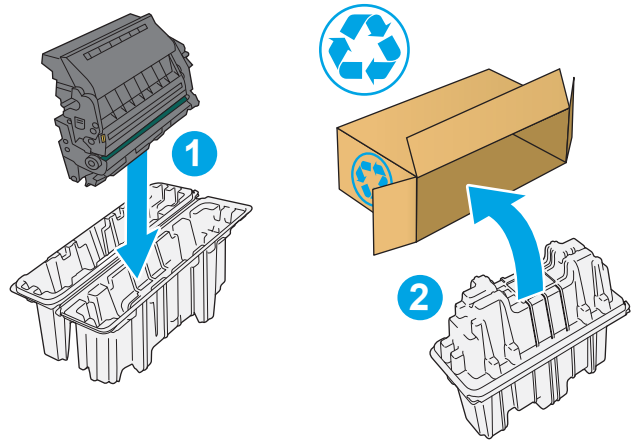
7. Đóng nắp trước.



8. Cho hộp mực in đã qua sử dụng vào trong hộp mà bạn đã lấy ra hộp mực mới. Xem hướng dẫn tái chế đi kèm để biết thông tin về việc tái chế.

Tại Mỹ và Canada, nhãn vận chuyển trả trước có ghi trên vỏ hộp. Ở các quốc gia/khu vực khác, truy cập www.hp.com/recycle để in nhãn vận chuyển trả trước.

Dán nhãn vận chuyển trả trước vào vỏ hộp và gửi lại hộp mực đã qua sử dụng cho HP để tái chế.



4 In

In bằng phần mềm hoặc in từ thiết bị di động hoặc ổ USB flash.

- [Thao tác in \(Windows\)](#)
- [Tác vụ in \(macOS\)](#)
- [Lưu các lệnh in trên máy in để in sau hoặc in riêng](#)
- [In di động](#)
- [In từ ổ USB flash](#)
- [In bằng cổng USB 2.0 tốc độ cao \(có dây\)](#)

Để được giúp đỡ qua video, hãy xem www.hp.com/videos/LaserJet.

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, hãy xem www.hp.com/support/ljm507.

Để biết thêm thông tin:

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau đây:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về quy định và bảo hành

Thao tác in (Windows)

Tìm hiểu về các tác vụ in phổ biến dành cho người dùng Windows.


- [Cách in \(Windows\)](#)
- [In tự động trên hai mặt \(Windows\)](#)
- [In thủ công trên cả hai mặt \(Windows\)](#)
- [In nhiều trang trên một trang giấy \(Windows\)](#)
- [Chọn loại giấy \(Windows\)](#)
- [Tác vụ in bổ sung](#)

Cách in (Windows)

Sử dụng tùy chọn **Print (In)** từ ứng dụng phần mềm để chọn máy in và các tùy chọn cơ bản cho lệnh in của bạn.

Quy trình sau đây mô tả quá trình in cơ bản cho Windows.


1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in. Để thay đổi cài đặt, nhấp vào **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

Trong Windows 10, 8.1, và 8, các ứng dụng này sẽ có bố cục khác kèm theo các tính năng khác với những thông tin được mô tả bên dưới đối với ứng dụng máy tính để bàn. Để truy cập tính năng in từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu), hoàn tất các bước sau:

- **Windows 10:** Chọn **Print (In)** và chọn máy in.
- **Windows 8.1 hoặc 8:** Chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print (In)** và chọn máy in.

Đối với trình điều khiển HP PCL-6 V4, ứng dụng HP AiO Printer Remote tải xuống các tính năng trình điều khiển bổ sung khi **More settings** (Cài đặt thêm) được chọn.


 **GHI CHÚ:** Để biết thêm thông tin, hãy bấm nút Trợ giúp (?) trong trình điều khiển in.

3. Nhấp vào tab trong trình điều khiển in để cấu hình các tùy chọn sẵn có. Ví dụ, đặt hướng giấy trong tab **Finishing** (Kết thúc), đặt nguồn giấy, loại giấy, cỡ giấy và cài đặt chất lượng trên tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).
4. Nhấp vào nút **OK** để trở lại hộp thoại **Print (In)**. Chọn số lượng các bản sao để in từ màn hình này.
5. Nhấp vào nút **Print (In)** để in lệnh.

In tự động trên hai mặt (Windows)

Nếu máy in của bạn đã lắp đặt bộ in hai mặt tự động, bạn có thể in tự động trên cả hai mặt giấy. Sử dụng khổ giấy và loại giấy được bộ in hai mặt hỗ trợ.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

Trong Windows 10, 8.1, và 8, các ứng dụng này sẽ có bố cục khác kèm theo các tính năng khác với những thông tin được mô tả bên dưới đối với ứng dụng máy tính để bàn. Để truy cập tính năng in từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu), hoàn tất các bước sau:

- **Windows 10:** Chọn **Print** (In) và chọn máy in.
- **Windows 8.1 hoặc 8:** Chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print** (In) và chọn máy in.


Đối với trình điều khiển HP PCL-6 V4, ứng dụng HP AiO Printer Remote tải xuống các tính năng trình điều khiển bổ sung khi **More settings** (Cài đặt thêm) được chọn.

3. Nhấp vào tab **Finishing** (Hoàn tất).
4. Chọn **Print on both sides** (In trên cả hai mặt). Nhấp vào **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính tài liệu).
5. Trong hộp thoại **Print** (In), hãy nhấp vào nút **Print** (In) để in lệnh in.

In thủ công trên cả hai mặt (Windows)

Dùng quy trình này cho các máy in không có lắp khay in hai mặt tự động hoặc để in trên giấy mà khay in hai mặt không hỗ trợ.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

Trong Windows 10, 8.1, và 8, các ứng dụng này sẽ có bố cục khác kèm theo các tính năng khác với những thông tin được mô tả bên dưới đối với ứng dụng máy tính để bàn. Để truy cập tính năng in từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu), hoàn tất các bước sau:

- **Windows 10:** Chọn **Print** (In) và chọn máy in.
- **Windows 8.1 hoặc 8:** Chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print** (In) và chọn máy in.


Đối với trình điều khiển HP PCL-6 V4, ứng dụng HP AiO Printer Remote tải xuống các tính năng trình điều khiển bổ sung khi **More settings** (Cài đặt thêm) được chọn.

3. Nhấp vào tab **Finishing** (Hoàn tất).
4. Chọn **Print on both sides (manually)** (In hai mặt (thủ công)) và nhấp vào **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính tài liệu).
5. Trong hộp thoại **Print** (In), hãy nhấp vào **Print** (In) để in mặt đầu tiên của lệnh.
6. Lấy xếp giấy đã in từ ngăn giấy ra và đặt nó vào Khay 1.
7. Nếu được nhắc, chọn nút thích hợp trên bảng điều khiển để tiếp tục.

In nhiều trang trên một trang giấy (Windows)

Khi in từ ứng dụng phần mềm bằng tùy chọn **Print (In)**, bạn có thể chọn tùy chọn để in nhiều trang trên một tờ giấy. Ví dụ, bạn có thể muốn làm điều này nếu bạn in tài liệu rất lớn và muốn tiết kiệm giấy.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

Trong Windows 10, 8.1, và 8, các ứng dụng này sẽ có bố cục khác kèm theo các tính năng khác với những thông tin được mô tả bên dưới đối với ứng dụng máy tính để bàn. Để truy cập tính năng in từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu), hoàn tất các bước sau:

- **Windows 10:** Chọn **Print (In)** và chọn máy in.
- **Windows 8.1 hoặc 8:** Chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print (In)** và chọn máy in.


Đối với trình điều khiển HP PCL-6 V4, ứng dụng HP AiO Printer Remote tải xuống các tính năng trình điều khiển bổ sung khi **More settings** (Cài đặt thêm) được chọn.

3. Nhấp vào tab **Finishing** (Hoàn tất).
4. Chọn số lượng trang trên một trang giấy từ danh sách thả xuống **Pages per sheet** (Nhiều trang trên một tờ).
5. Chọn đúng tùy chọn cho **Print page borders** (In đường viền trang), **Page order** (Thứ tự trang) và **Orientation** (Hướng). Nhấp vào **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính tài liệu).
6. Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy nhấp vào nút **Print (In)** để in lệnh in.

Chọn loại giấy (Windows)

Khi in từ ứng dụng phần mềm bằng tùy chọn **Print (In)**, bạn có thể đặt loại giấy được sử dụng cho lệnh in của mình. Ví dụ, nếu loại giấy mặc định của bạn là Letter, nhưng bạn đang sử dụng loại giấy khác cho lệnh in, hãy chọn loại giấy cụ thể đó.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

Trong Windows 10, 8.1, và 8, các ứng dụng này sẽ có bố cục khác kèm theo các tính năng khác với những thông tin được mô tả bên dưới đối với ứng dụng máy tính để bàn. Để truy cập tính năng in từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu), hoàn tất các bước sau:

- **Windows 10:** Chọn **Print (In)** và chọn máy in.
- **Windows 8.1 hoặc 8:** Chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print (In)** và chọn máy in.

Đối với trình điều khiển HP PCL-6 V4, ứng dụng HP AiO Printer Remote tải xuống các tính năng trình điều khiển bổ sung khi **More settings** (Cài đặt thêm) được chọn.

3. Nhấp vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).
4. Chọn loại giấy từ danh sách thả xuống **Paper type** (Loại giấy).
5. Nhấp vào **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính tài liệu). Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy nhấp vào nút **Print (In)** để in lệnh in.

Nếu khay cần được cấu hình, một thông báo cấu hình khay sẽ hiển thị trên bảng điều khiển máy in.
6. Nạp giấy có loại và kích thước xác định vào khay, và sau đó đóng khay lại.
7. Bấm nút **OK** để chấp nhận kiểu và kích cỡ được tìm thấy, hoặc bấm nút **Modify** (Thay đổi) để chọn một kiểu hoặc kích cỡ giấy khác.
8. Chọn đúng kiểu và kích cỡ, sau đó bấm nút **OK**.

Tác vụ in bổ sung

Tìm thông tin trên web để thực hiện các tác vụ in phổ biến.

Truy cập www.hp.com/support/ljM507.

Hướng dẫn có sẵn cho các tác vụ in cụ thể, ví dụ như các tác vụ sau đây:

- Tạo và sử dụng các cài đặt hoặc lối tắt in
- Chọn khổ giấy, hoặc dùng khổ giấy tùy chỉnh
- Chọn hướng của trang
- Tạo một tập sách mỏng
- Co giãn tài liệu cho vừa khổ giấy cụ thể
- In trang đầu hoặc trang cuối của tài liệu trên giấy khác nhau
- In hình mờ trên tài liệu

Tác vụ in (macOS)


In bằng phần mềm in HP cho macOS, bao gồm cách in trên cả hai mặt hoặc in nhiều trang trên mỗi tờ giấy.

- [Cách in \(macOS\)](#)
- [Tự động in trên cả hai mặt \(macOS\)](#)
- [In thủ công trên cả hai mặt \(macOS\)](#)
- [In nhiều trang trên một tờ giấy \(macOS\)](#)
- [Chọn loại giấy \(macOS\)](#)
- [Tác vụ in bổ sung](#)

Cách in (macOS)


Quy trình sau mô tả quá trình in cơ bản dành cho macOS.


1. Nhấp vào menu **File** (Tập), sau đó nhấp vào tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in.
3. Bấm **Show Details** (Hiển thị chi tiết) hoặc **Copies & Pages** (Bản sao & Trang), rồi chọn các menu khác để điều chỉnh cài đặt in.

 **GHI CHÚ:** Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.


4. Nhấp vào nút **Print** (In).

Tự động in trên cả hai mặt (macOS)

 **GHI CHÚ:** Thông tin này áp dụng cho những máy in có phụ kiện in hai mặt tự động.


 **GHI CHÚ:** Tính năng này sẵn có nếu bạn có cài trình điều khiển in của HP. Tính năng này có thể không có sẵn nếu bạn dùng AirPrint.

1. Nhấp vào menu **File** (Tập), sau đó nhấp vào tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in.
3. Bấm **Show Details** (Hiển thị chi tiết) hoặc **Copies & Pages** (Bản sao & Trang), rồi bấm vào menu **Layout** (Bố cục).


 **GHI CHÚ:** Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

4. Chọn tùy chọn đóng sách từ danh sách thả xuống **Two-Sided** (Hai Mặt).
5. Nhấp vào nút **Print** (In).

In thủ công trên cả hai mặt (macOS)

 **GHI CHÚ:** Tính năng này sẵn có nếu bạn có cài trình điều khiển in của HP. Tính năng này có thể không có sẵn nếu bạn dùng AirPrint.


1. Nhấp vào menu **File** (Tập), sau đó nhấp vào tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in.
3. Bấm **Show Details** (Hiển thị chi tiết) hoặc **Copies & Pages** (Bản sao & Trang), rồi bấm vào menu **Manual Duplex** (In hai mặt thủ công).

 **GHI CHÚ:** Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

4. Nhấp vào hộp **Manual Duplex** (Hai mặt Thủ công) và chọn một tùy chọn đóng sách.
5. Nhấp vào nút **Print** (In).
6. Đến máy in và lấy hết giấy trắng trong khay 1 ra.
7. Lấy xếp giấy đã in từ ngăn giấy ra và đặt nó vào khay tiếp giấy với mặt đã in hướng xuống dưới.
8. Nếu được nhắc, hãy chạm vào nút thích hợp trên bảng điều khiển để tiếp tục.

In nhiều trang trên một tờ giấy (macOS)


1. Nhấp vào menu **File** (Tập), sau đó nhấp vào tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in.
3. Bấm **Show Details** (Hiển thị chi tiết) hoặc **Copies & Pages** (Bản sao & Trang), rồi bấm vào menu **Layout** (Bố cục).

 **GHI CHÚ:** Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.


4. Từ danh sách **Pages per Sheet** (Nhiều trang trên một Tờ) thả xuống, hãy chọn số trang bạn muốn in trên mỗi tờ.
5. Trong vùng **Layout Direction** (Hướng Bố Cục), chọn thứ tự và vị trí của trang trên tờ giấy.
6. Từ menu **Borders** (Đường viền), chọn loại viền quanh mỗi trang trên tờ giấy.
7. Nhấp vào nút **Print** (In).

Chọn loại giấy (macOS)

1. Nhấp vào menu **File** (Tập), sau đó nhấp vào tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in.
3. Bấm **Show Details** (Hiển thị chi tiết) hoặc **Copies & Pages** (Bản sao & Trang), rồi bấm vào menu **Media & Quality** (Phương tiện & Chất lượng) hoặc menu **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).

 **GHI CHÚ:** Tên mục có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

4. Chọn từ các tùy chọn **Media & Quality** (Phương tiện & Chất lượng) hoặc **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).

 **GHI CHÚ:** Danh sách này bao gồm toàn bộ các tùy chọn khả dụng. Một số tùy chọn không khả dụng trên tất cả các máy in.

- **Media Type** (Loại phương tiện): Chọn tùy chọn cho loại giấy cho lệnh in.
- **Print Quality** (Chất lượng in): Chọn mức độ phân giải cho lệnh in.
- **Edge-To-Edge Printing** (In cạnh đối cạnh): Chọn tùy chọn này để in gần các cạnh giấy.

5. Nhấp vào nút **Print** (In).

Tác vụ in bổ sung

Tìm thông tin trên web để thực hiện các tác vụ in phổ biến.

Truy cập www.hp.com/support/ljM507.

Hướng dẫn có sẵn cho các tác vụ in cụ thể, ví dụ như các tác vụ sau đây:

- Tạo và sử dụng các cài đặt hoặc lối tắt in
- Chọn khổ giấy, hoặc dùng khổ giấy tùy chỉnh
- Chọn hướng của trang
- Tạo một tập sách mỏng
- Co giãn tài liệu cho vừa khổ giấy cụ thể
- In trang đầu hoặc trang cuối của tài liệu trên giấy khác nhau
- In hình mờ trên tài liệu

Lưu các lệnh in trên máy in để in sau hoặc in riêng

- [Giới thiệu](#)
- [Tạo lệnh in đã lưu \(Windows\)](#)
- [Tạo lệnh in đã lưu \(macOS\)](#)
- [In lệnh in đã lưu](#)
- [Xóa lệnh in đã lưu](#)
- [Thông tin được gửi đến máy in cho mục đích Kế toán lệnh in](#)


Giới thiệu

Thông tin sau đây cung cấp các quy trình tạo và in tài liệu được lưu vào ổ USB flash. Các lệnh này có thể được in sau đó hoặc in riêng.

Tạo lệnh in đã lưu (Windows)

Lưu trữ lệnh in trên ổ USB flash để in riêng hoặc in trì hoãn.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, sau đó chọn **Properties (Thuộc tính)** hoặc **Preferences (Tùy chọn)**.

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

Trong Windows 10, 8.1, và 8, các ứng dụng này sẽ có bố cục khác kèm theo các tính năng khác với những thông tin được mô tả bên dưới đối với ứng dụng máy tính để bàn. Để truy cập tính năng in từ ứng dụng màn hình Start (Bắt đầu), hoàn tất các bước sau:

- **Windows 10:** Chọn **Print (In)** và chọn máy in.
- **Windows 8.1 hoặc 8:** Chọn **Devices (Thiết bị)**, chọn **Print (In)** và chọn máy in.

Đối với trình điều khiển HP PCL-6 V4, ứng dụng HP AiO Printer Remote tải xuống các tính năng trình điều khiển bổ sung khi **More settings (Cài đặt thêm)** được chọn.

3. Nhấp vào tab **Job Storage (Lưu trữ Lệnh in)**.
4. Chọn một tùy chọn **Job Storage Mode (Chế độ lưu trữ lệnh in)**:
 - **Proof and Hold (Kiểm tra và Giữ):** In và kiểm tra một bản sao của một lệnh in, sau đó in nhiều bản sao hơn.
 - **Personal Job (Lệnh in cá nhân):** Lệnh in không in cho đến khi bạn yêu cầu trên bảng điều khiển máy in. Đối với chế độ lưu trữ lệnh in này, bạn có thể chọn một trong các tùy chọn **Make Job Private/Secure (Làm cho lệnh in bí mật/bảo mật)**. Nếu bạn gán một số nhận dạng cá nhân (PIN) cho lệnh in, bạn phải cung cấp mã PIN yêu cầu ở bảng điều khiển. Nếu mã hóa lệnh in, bạn phải cung cấp mật khẩu được yêu cầu tại bảng điều khiển. Lệnh in sẽ bị xóa khỏi bộ nhớ sau khi máy in và sẽ bị mất nếu máy in bị mất điện.

- **Quick Copy** (Sao chép nhanh): In số lượng bản sao được yêu cầu của một lệnh in và lưu một bản sao của lệnh in trong bộ nhớ của máy in để bạn có thể in lại sau.
 - **Stored Job** (Lệnh in đã lưu): Lưu một lệnh in trên máy in và cho phép người dùng khác in lệnh in này bất cứ lúc nào. Đối với chế độ lưu trữ lệnh in này, bạn có thể chọn một trong các tùy chọn **Make Job Private/Secure** (Làm cho lệnh in bí mật/bảo mật). Nếu bạn gán một số nhận dạng cá nhân (PIN) cho lệnh in, người in lệnh in này phải cung cấp mã PIN được yêu cầu ở bảng điều khiển. Nếu bạn mã hóa lệnh in, người in lệnh in này phải cung cấp mật khẩu được yêu cầu tại bảng điều khiển.
5. Để sử dụng tên người dùng hoặc tên lệnh in tùy chỉnh, hãy nhấp vào nút **Custom** (Tùy chỉnh), sau đó nhập tên người dùng hoặc tên lệnh in.
- Chọn tùy chọn để sử dụng nếu một lệnh in đã lưu khác đã có tên đó:
- **Use Job Name + (1-99)** (Sử dụng tên lệnh in + (1-99)): Nối một số riêng vào cuối tên lệnh in.
 - **Replace Existing File** (Thay thế tập tin hiện có): Ghi đè lệnh in đã lưu hiện có bằng lệnh in mới.
6. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính tài liệu). Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy bấm vào nút **Print (In)** để in lệnh in.

Tạo lệnh in đã lưu (macOS)

Lưu trữ lệnh in trên ổ USB flash để in riêng hoặc in trì hoãn.

1. Nhấp vào menu **File** (Tập tin), sau đó nhấp vào tùy chọn **Print (In)**.
2. Trong menu **Printer** (Máy in), hãy chọn máy in.
3. Theo mặc định, trình điều khiển máy in sẽ hiển thị menu **Copies & Pages** (Bản sao & Trang). Mở danh sách thả xuống, sau đó nhấp vào menu **Job Storage** (Lưu trữ lệnh in).



GHI CHÚ: Nếu menu **Job Storage** (Lưu trữ lệnh in) không hiển thị, hãy đóng cửa sổ **Print (In)** rồi mở lại để kích hoạt menu.

4. Trong danh sách thả xuống **Mode** (Chế độ), hãy chọn loại lệnh in đã lưu.
 - **Proof and Hold** (Kiểm tra và Giữ): In và kiểm tra một bản sao của một lệnh in, sau đó in nhiều bản sao hơn.
 - **Personal Job** (Lệnh in cá nhân): Lệnh in không in cho đến khi có ai đó yêu cầu trên bảng điều khiển máy in. Nếu lệnh có số nhận dạng cá nhân (PIN), hãy cung cấp mã PIN yêu cầu ở bảng điều khiển. Lệnh in sẽ bị xóa khỏi bộ nhớ sau khi máy in và sẽ bị mất nếu máy in bị mất điện.
 - **Quick Copy** (Sao chép nhanh): In số lượng bản sao được yêu cầu của một lệnh in và lưu một bản sao của lệnh in trong bộ nhớ của máy in để có thể in lại sau.
 - **Stored Job** (Lệnh in đã lưu): Lưu một lệnh in trên máy in và cho phép người dùng khác in lệnh in này bất cứ lúc nào. Nếu lệnh có số nhận dạng cá nhân (PIN), người in lệnh phải cung cấp mã PIN yêu cầu ở bảng điều khiển.


- Để sử dụng tên người dùng hoặc tên lệnh in tùy chỉnh, hãy nhấp vào nút **Custom** (Tùy chỉnh), sau đó nhập tên người dùng hoặc tên lệnh in.

Chọn tùy chọn để sử dụng khi đã có một lệnh in đã lưu khác có tên đó.

- **Use Job Name + (1-99)** (Sử dụng tên lệnh in + (1-99)): Nối một số riêng vào cuối tên lệnh in.
 - **Replace Existing File** (Thay thế tập tin hiện có): Ghi đè lệnh in đã lưu hiện có bằng lệnh in mới.
- Nếu đã chọn tùy chọn **Stored Job** (Lệnh in đã lưu) hoặc tùy chọn **Personal Job** (Lệnh in cá nhân) trong bước 4, bạn có thể bảo vệ lệnh in này bằng mã PIN. Nhập số gồm 4 chữ số vào trường **Use PIN to Print** (Sử dụng mã PIN để in). Khi người khác tìm cách in lệnh in này, máy in sẽ nhắc người đó nhập mã PIN này.
 - Bấm vào nút **Print** (In) để in.

In lệnh in đã lưu

Sử dụng quy trình sau để in lệnh in đã lưu trong bộ nhớ máy in.

- Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Print** (In) và chọn biểu tượng **Print** (In).
- Chọn **Print from Job Storage** (In từ Lưu trữ lệnh in).
- Chọn **Choose** (Lựa chọn) và chọn tên thư mục nơi lệnh in được lưu.
- Chọn tên lệnh in. Nếu lệnh in là riêng tư hoặc được mã hóa, hãy nhập mã PIN hoặc mật khẩu.
- Để điều chỉnh số bản sao, chọn trường số lượng bản sao ở góc dưới bên trái của màn hình. Dùng bàn phím để nhập số lượng bản sao cần in.
- Chọn nút Start (Bắt đầu)  hoặc **Print** (In) để in lệnh in.


Xóa lệnh in đã lưu

Bạn có thể xóa tài liệu đã được lưu đến máy in khi không cần chúng nữa. Bạn cũng có thể điều chỉnh số lượng lệnh tối đa cho máy in để lưu trữ.

- [Xóa một lệnh được lưu trên máy in](#)
- [Thay đổi giới hạn lưu trữ lệnh](#)

Xóa một lệnh được lưu trên máy in

Sử dụng bảng điều khiển để xóa lệnh đã lưu trong bộ nhớ máy in.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Print** (In) và chọn biểu tượng **Print** (In).
2. Chọn **Print from Job Storage** (In từ Lưu trữ lệnh in).
3. Chọn **Choose** (Lựa chọn) và chọn tên thư mục nơi lệnh được lưu.
4. Chọn tên lệnh. Nếu lệnh in là riêng tư hoặc được mã hóa, hãy nhập mã PIN hoặc mật khẩu.
5. Chọn nút Thùng rác  để xóa lệnh.

Thay đổi giới hạn lưu trữ lệnh

Khi một lệnh mới được lưu đến bộ nhớ máy in, máy in sẽ ghi đè bất kỳ lệnh nào trước đó có cùng tên lệnh và người dùng. Nếu lệnh không được lưu với cùng tên lệnh và người dùng, và máy in cần có thêm bộ nhớ, máy in có thể sẽ xóa các lệnh đã lưu khác. Việc xóa bắt đầu từ lệnh cũ nhất.

Để thay đổi số lượng lệnh mà máy in có thể lưu trữ, hãy hoàn tất quy trình sau:

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Settings** (Cài đặt) và chọn biểu tượng **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau đây:
 - **Copy/Print** (Sao chép/In) hoặc **Print** (In)
 - **Manage Stored Jobs** (Quản lý lệnh in đã lưu)
 - **Temporary Job Storage Limit** (Giới hạn lưu trữ lệnh in tạm thời)
3. Sử dụng bàn phím để nhập số lượng lệnh mà máy in lưu trữ.
4. Chọn **OK** hoặc **Done** (Xong) để lưu cài đặt.

Thông tin được gửi đến máy in cho mục đích Kế toán lệnh in

Lệnh in được gửi từ trình điều khiển trên máy khách (ví dụ như máy tính cá nhân) có thể gửi thông tin cho phép nhận dạng cá nhân đến Thiết bị in ấn và xử lý hình ảnh của HP. Thông tin này có thể bao gồm nhưng không giới hạn trong phạm vi tên người dùng và tên máy khách khởi phát lệnh mà có thể được sử dụng cho mục đích kế toán lệnh in, do Quản trị viên của thiết bị in xác định. Thông tin này cũng có thể được lưu trữ cùng với lệnh trên thiết bị lưu trữ lớn (ví dụ như ổ đĩa) của thiết bị in khi sử dụng tính năng lưu trữ lệnh in.

In di động

- [Giới thiệu](#)
- [In Wi-Fi, Wi-Fi Direct Print, NFC và BLE](#)
- [HP ePrint qua email](#)
- [AirPrint](#)
- [In nhúng của Android](#)

Giới thiệu

HP cung cấp nhiều giải pháp di động để cho phép in dễ dàng tới máy in HP từ máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh hoặc từ thiết bị di động khác. Để xem danh sách đầy đủ và xác định lựa chọn tốt nhất, hãy truy cập www.hp.com/go/LaserJetMobilePrinting.

In Wi-Fi, Wi-Fi Direct Print, NFC và BLE

- [Kích hoạt chức năng in không dây](#)
- [Thay đổi tên Wi-Fi Direct](#)

HP cung cấp tính năng in Wi-Fi Direct Print, Giao tiếp cận trường (NFC) và Bluetooth Low Energy (BLE) cho các máy in có Phụ kiện HP Jetdirect 3100w BLE/NFC/Wireless được hỗ trợ. Phụ kiện này có sẵn dưới dạng tùy chọn dành cho máy in HP có ổ tích hợp phần cứng (HIP).

Những tính năng này cho phép các thiết bị có chức năng Wi-Fi (di động) thực hiện một kết nối mạng không dây trực tiếp với máy in mà không dùng bộ định tuyến không dây.

Đối với chức năng in walk-up di động này, máy in không cần phải được kết nối với mạng để hoạt động.

Sử dụng Wi-Fi Direct Print để in không dây từ các thiết bị sau:

- iPhone, iPad hoặc iPod touch bằng AirPrint của Apple
- Các thiết bị di động Android sử dụng giải pháp in nhúng của Android





Để biết thêm thông tin về in không dây, hãy truy cập www.hp.com/go/LaserJetMobilePrinting.

Bạn có thể bật hoặc tắt chức năng NFC, BLE và Wi-Fi Direct Print từ bảng điều khiển của máy in.

Kích hoạt chức năng in không dây

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Settings** (Cài đặt) và chọn biểu tượng **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau đây:
 - **Networking** (Hoạt động mạng)
 - **Wi-Fi Direct**
 - **Status** (Trạng thái)
3. Chọn **On** (Bật) và chọn **OK** để kích hoạt chức năng in không dây.

Thay đổi tên Wi-Fi Direct

 **GHI CHÚ:** Trong môi trường có nhiều hơn một kiểu của cùng một máy in được lắp đặt, việc cung cấp cho mỗi máy in một Tên Wi-Fi Direct riêng biệt có thể giúp chức năng in HP Wi-Fi Direct nhận diện máy in dễ dàng hơn. Có sẵn các tên Mạng không dây như Không dây, Wi-Fi Direct, v.v. trên màn hình Information (Thông tin) bằng cách chọn biểu tượng Information (Thông tin)  và chọn biểu tượng Network (Mạng)  hoặc biểu tượng Wireless (Không dây) .

Hoàn tất quy trình sau đây để thay đổi tên Wi-Fi Direct của máy in:

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Settings** (Cài đặt) và chọn biểu tượng **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau đây:

- Networking (Hoạt động mạng)
 - Wi-Fi Direct
 - Wi-Fi Direct Name (Tên Wi-Fi Direct)
3. Sử dụng bàn phím để thay đổi tên trong trường văn bản **Wi-Fi Direct Name** (Tên Wi-Fi Direct) và chọn **OK**.

HP ePrint qua email


Sử dụng HP ePrint để in tài liệu bằng cách gửi tài liệu dưới dạng tài liệu đính kèm email đến địa chỉ email của máy in từ thiết bị bất kỳ có hỗ trợ dịch vụ email.

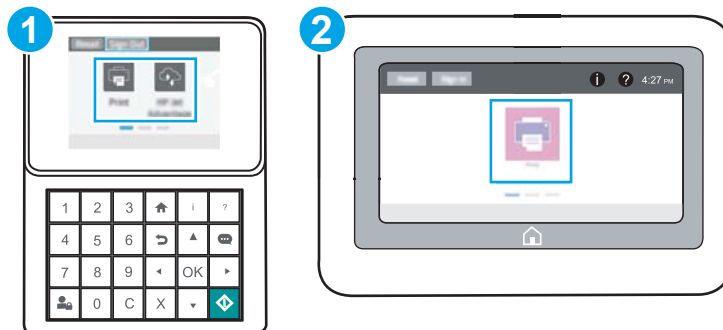
Để dùng HP ePrint, máy in phải đáp ứng các yêu cầu này:

- Máy in phải được kết nối với mạng không dây hoặc có dây và phải có khả năng truy cập vào Internet.
- Máy in phải bật HP Web Services (Dịch vụ Web của HP) và máy in phải được đăng ký với trang web HP Connected.



Thực hiện theo các bước sau đây để bật Dịch vụ web HP và đăng ký với HP Connected:



1. Mở Máy chủ web nhúng (EWS) của HP:

 **GHI CHÚ:** Các bước khác nhau tùy theo loại bảng điều khiển.





- | | |
|---|----------------------------------|
| 1 | Bảng điều khiển bàn phím |
| 2 | Bảng điều khiển màn hình cảm ứng |

- Bảng điều khiển bàn phím:** Trên bảng điều khiển máy in, nhấn nút Information (Thông tin)  và sử dụng các nút mũi tên để chọn menu Ethernet . Bấm nút **OK** để mở menu và hiển thị tên máy chủ hoặc địa chỉ IP.

Bảng điều khiển màn hình cảm ứng: Trên bảng điều khiển máy in, chạm vào nút Information (Thông tin)  và chọn biểu tượng Network (Mạng)  để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

- b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Nhấn phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

 <https://10.10.XXXXX/>

 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.

2. Nhấp vào tab **HP Web Services** (Dịch vụ web HP).
3. Chọn tùy chọn để bật Dịch vụ web.

 **GHI CHÚ:** Việc bật các Dịch vụ Web có thể mất vài phút.


4. Hãy truy cập www.hpconnected.com để tạo tài khoản HP ePrint và hoàn thành quy trình cài đặt.

AirPrint

In trực tiếp bằng AirPrint của Apple được hỗ trợ cho iOS và từ các máy tính Mac chạy macOS 10.7 Lion trở lên. Sử dụng AirPrint để in trực tiếp tới máy in từ iPad, iPhone (3GS trở lên) hoặc iPod touch (thế hệ thứ ba trở đi) trong các ứng dụng di động sau:

- Thư
- Ảnh
- Safari
- iBooks
- Chọn ứng dụng của bên thứ ba


Để dùng AirPrint, máy in phải được kết nối tới cùng mạng (mạng phụ) với thiết bị Apple. Để biết thêm thông tin về cách sử dụng AirPrint và các máy in HP nào tương thích với AirPrint, hãy truy cập www.hp.com/go/MobilePrinting.

 **GHI CHÚ:** Trước khi sử dụng AirPrint với kết nối USB, hãy kiểm tra số phiên bản. Phiên bản AirPrint 1.3 và cũ hơn không hỗ trợ kết nối USB.

In nhúng của Android

Giải pháp in tích hợp của HP dành cho Android và Kindle cho phép các thiết bị di động tự động tìm và in tới máy in HP có trên mạng hoặc trong phạm vi phủ sóng không dây dành cho in Wi-Fi Direct.

Giải pháp in được tích hợp vào nhiều phiên bản của hệ điều hành.

 **GHI CHÚ:** Nếu chức năng in hiện không khả dụng trên thiết bị của bạn, hãy đến [Google Play > Android apps](https://play.google.com/store/apps/details?id=com.hp.print.plugin) (Google Play > Ứng dụng Android) và cài đặt HP Print Service Plugin.

Để biết thêm thông tin về cách sử dụng tính năng in nhúng Android và loại thiết bị Android nào được hỗ trợ, hãy truy cập www.hp.com/go/MobilePrinting.

In từ ổ USB flash

Máy in này có tính năng in easy-access USB để bạn có thể nhanh chóng in các tệp mà không cần gửi chúng từ máy tính.

- [Bật cổng USB để in](#)
- [In tài liệu USB](#)

Máy in chấp nhận các ổ USB flash chuẩn trong cổng USB gần bảng điều khiển. Sản phẩm hỗ trợ những loại tệp sau đây:

- .pdf
- .prn
- .pcl
- .ps
- .cht

Bật cổng USB để in

Cổng USB bị tắt theo mặc định. Trước khi sử dụng tính năng này, hãy bật cổng USB.

- [Phương pháp một: Bật cổng USB từ bảng điều khiển máy in](#)
- [Phương pháp hai: Bật cổng USB từ máy chủ Máy chủ web nhúng của HP \(chỉ các máy in kết nối mạng\)](#)

Dùng một trong các phương thức sau đây để bật cổng:

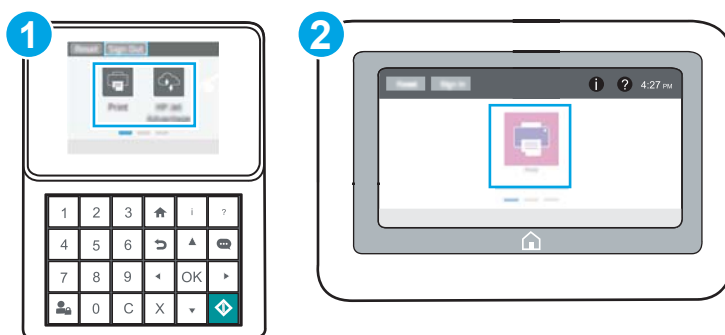
Phương pháp một: Bật cổng USB từ bảng điều khiển máy in

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Settings** (Cài đặt) và chọn biểu tượng **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau đây
 - **Copy/Print** (Sao chép/In) hoặc **Print** (In)
 - **Enable Device USB** (Bật thiết bị USB)
3. Chọn **Enabled** (Đã bật) để bật cổng USB.



Phương pháp hai: Bật cổng USB từ máy chủ Máy chủ web nhúng của HP (chỉ các máy in kết nối mạng)



1. Mở Máy chủ web nhúng (EWS) của HP:

 **GHI CHÚ:** Các bước khác nhau tùy theo loại bảng điều khiển.





- | | |
|---|----------------------------------|
| 1 | Bảng điều khiển bàn phím |
| 2 | Bảng điều khiển màn hình cảm ứng |

- a. **Bảng điều khiển bàn phím:** Trên bảng điều khiển máy in, nhấn nút Information (Thông tin)  và sử dụng các nút mũi tên để chọn menu Ethernet . Bấm nút **OK** để mở menu và hiển thị tên máy chủ hoặc địa chỉ IP.

Bảng điều khiển màn hình cảm ứng: Trên bảng điều khiển máy in, chạm vào nút Information (Thông tin)  và chọn biểu tượng Network (Mạng)  để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

- b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Nhấn phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

 <https://10.10.XXXXX/>

 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.

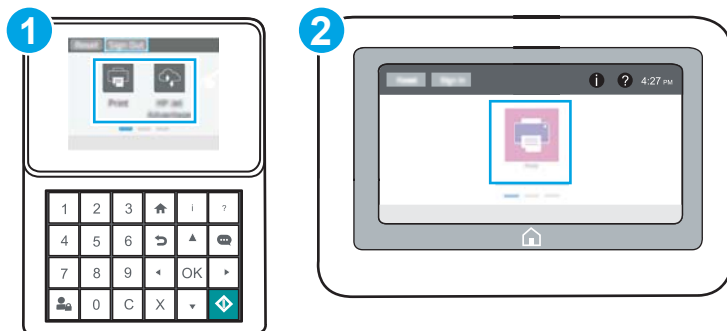
2. Chọn tab **Copy/Print** (Sao chép/In) cho kiểu máy MFP hoặc tab **Print** (In) cho kiểu máy SFP.
3. Trong menu bên trái, chọn **Print from USB Drive Settings** (Cài đặt in từ ổ đĩa USB).
4. Chọn **Enable Print from USB Drive** (Bật in từ ổ đĩa USB).
5. Bấm **Apply** (Áp dụng).

In tài liệu USB

Dùng bảng điều khiển để in tài liệu từ ổ USB flash.

- [In tài liệu USB \(bảng điều khiển bàn phím\)](#)
- [In tài liệu USB \(bảng điều khiển màn hình cảm ứng\)](#)


 **GHI CHÚ:** Các bước khác nhau tùy theo loại bảng điều khiển.



1	Bảng điều khiển bàn phím
2	Bảng điều khiển màn hình cảm ứng


In tài liệu USB (bảng điều khiển bàn phím)

1. Lắp ổ USB flash vào cổng easy-access USB.

 **GHI CHÚ:** Cổng có thể đã được đậy lại. Đối với một số máy in, nắp lật mở. Đối với các máy in khác, kéo nắp thẳng ra ngoài để tháo nắp.


2. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chọn **USB Drive** (Ổ đĩa USB).
3. Chọn **Choose** (Lựa chọn), chọn tên của tài liệu cần in rồi chọn **Select** (Chọn).

 **GHI CHÚ:** Tài liệu có thể nằm trong một thư mục. Bạn có thể mở thư mục khi cần.

4. Để điều chỉnh số lượng bản sao, hãy chọn trường cho số lượng bản sao. Dùng bàn phím để nhập số lượng bản sao cần in.
5. Chọn Start  (Bắt đầu) để in tài liệu.

In tài liệu USB (bảng điều khiển màn hình cảm ứng)


1. Lắp ổ USB flash vào cổng easy-access USB.

 **GHI CHÚ:** Cổng có thể đã được đậy lại. Đối với một số máy in, nắp lật mở. Đối với các máy in khác, kéo nắp thẳng ra ngoài để tháo nắp.

2. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Print** (In) và chọn biểu tượng **Print** (In).
3. Chọn **Print from USB Drive** (In từ ổ đĩa USB).

4. Chọn **Choose** (Lựa chọn), chọn tên của tài liệu cần in rồi chọn **Select** (Chọn).

 **GHI CHÚ:** Tài liệu có thể nằm trong một thư mục. Bạn có thể mở thư mục khi cần.

5. Để điều chỉnh số lượng bản sao, chọn hộp ở bên trái của nút **Print** (In) và chọn số lượng bản sao từ bàn phím mở. Chọn nút Đóng  để đóng bàn phím.
6. Chọn **Print** (In) để in tài liệu.

In bằng cổng USB 2.0 tốc độ cao (có dây)

- [Bật cổng USB tốc độ cao để in](#)

Bật cổng USB tốc độ cao để in

Máy in này có cổng USB 2.0 tốc độ cao để in bằng USB có dây. Cổng này nằm ở khu vực cổng giao diện và bị tắt theo mặc định. Dùng một trong các phương thức sau đây để bật cổng. Sau khi bật cổng, hãy cài đặt phần mềm sản phẩm để in bằng cổng này.

- [Phương pháp một: Bật cổng USB 2.0 tốc độ cao từ các menu trên bảng điều khiển máy in](#)
- [Phương pháp hai: Bật cổng USB 2.0 tốc độ cao từ Máy chủ web nhúng của HP \(chỉ các máy in kết nối mạng\)](#)

Phương pháp một: Bật cổng USB 2.0 tốc độ cao từ các menu trên bảng điều khiển máy in


Sử dụng bảng điều khiển để bật cổng.

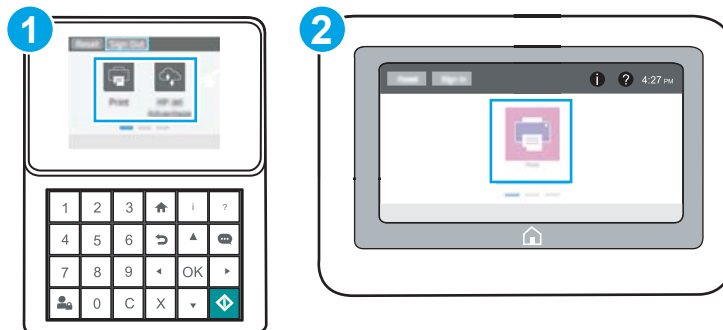
1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Settings** (Cài đặt) và chọn biểu tượng **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau đây
 - **General** (Chung)
 - **Enable Device USB** (Bật thiết bị USB)
3. Chọn tùy chọn **Enabled** (Bật).

Phương pháp hai: Bật cổng USB 2.0 tốc độ cao từ Máy chủ web nhúng của HP (chỉ các máy in kết nối mạng)



Sử dụng HP EWS để bật cổng.



1. Mở Máy chủ web nhúng (EWS) của HP:

 **GHI CHÚ:** Các bước khác nhau tùy theo loại bảng điều khiển.





- | | |
|---|----------------------------------|
| 1 | Bảng điều khiển bàn phím |
| 2 | Bảng điều khiển màn hình cảm ứng |

- a. **Bảng điều khiển bàn phím:** Trên bảng điều khiển máy in, nhấn nút Information (Thông tin)  và sử dụng các nút mũi tên để chọn menu Ethernet . Bấm nút **OK** để mở menu và hiển thị tên máy chủ hoặc địa chỉ IP.

Bảng điều khiển màn hình cảm ứng: Trên bảng điều khiển máy in, chạm vào nút Information (Thông tin)  và chọn biểu tượng Network (Mạng)  để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

- b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Nhấn phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

 <https://10.10.XX.XXX/>

 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.

2. Chọn tab **Security** (Bảo mật).
3. Ở bên trái màn hình, chọn **General Security** (Bảo mật chung).
4. Cuộn xuống đến **Hardware Ports** (Cổng phần cứng) và chọn hộp kiểm để bật cả hai mục:
 - **Enable Device USB (Bật thiết bị USB)**
 - **Bật cấm và chạy USB chủ**
5. Bấm **Apply** (Áp dụng).

5 Quản lý máy in

Sử dụng các công cụ quản lý, cài đặt bảo mật và bảo tồn năng lượng, cũng như cập nhật chương trình cơ sở cho máy in.

- [Cấu hình nâng cao với Máy chủ web nhúng của HP \(EWS\)](#)
- [Định cấu hình cài đặt mạng IP](#)
- [Các tính năng bảo mật của máy in](#)
- [Các cài đặt bảo tồn năng lượng](#)
- [HP Web Jetadmin](#)
- [Cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở](#)

Để được giúp đỡ qua video, hãy xem www.hp.com/videos/LaserJet.

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, hãy xem www.hp.com/support/ljm507.

Để biết thêm thông tin:

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau đây:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về quy định và bảo hành

Cấu hình nâng cao với Máy chủ web nhúng của HP (EWS)

- [Giới thiệu](#)
- [Cách truy cập Máy chủ web nhúng của HP \(EWS\)](#)
- [Các tính năng của máy chủ web nhúng của HP](#)


Giới thiệu

Sử dụng Máy chủ web nhúng của HP để quản lý các chức năng in từ máy tính thay vì từ bảng điều khiển của máy in.

- Xem thông tin tình trạng máy in
- Xác định tuổi thọ còn lại của tất cả các nguồn cung cấp và đặt mua những nguồn cung cấp mới
- Xem và thay đổi các cấu hình khay
- Xem và thay đổi cấu hình menu của bảng điều khiển máy in
- Xem và in các trang nội bộ
- Nhận thông báo về các sự kiện của nguồn cung cấp và máy in
- Xem và thay đổi cấu hình mạng

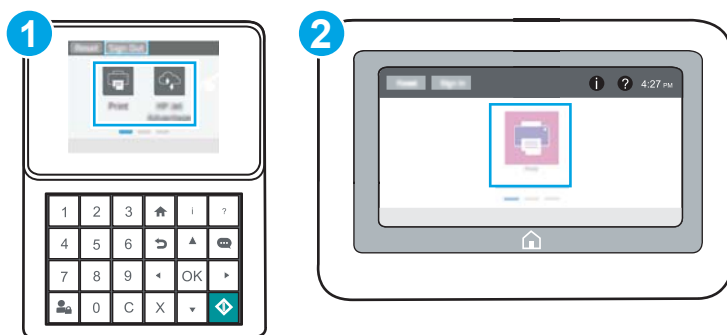
Máy chủ web nhúng của HP hoạt động khi máy in được kết nối mạng dựa trên IP. Máy chủ web nhúng của HP không hỗ trợ các kết nối máy in dựa trên IPX. Không cần phải có truy cập internet để mở và sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP.

Khi máy in được nối mạng, Máy chủ web nhúng của HP sẽ tự động sẵn sàng.



 **GHI CHÚ:** Máy chủ web nhúng HP không thể truy cập được bên ngoài tường lửa của mạng.



Cách truy cập Máy chủ web nhúng của HP (EWS)

 **GHI CHÚ:** Các bước khác nhau tùy theo loại bảng điều khiển.




- | | |
|---|----------------------------------|
| 1 | Bảng điều khiển bàn phím |
| 2 | Bảng điều khiển màn hình cảm ứng |

1. **Bảng điều khiển bàn phím:** Trên bảng điều khiển máy in, nhấn nút Information (Thông tin)  và sử dụng các nút mũi tên để chọn menu Ethernet . Bấm nút **OK** để mở menu và hiển thị tên máy chủ hoặc địa chỉ IP.

Bảng điều khiển màn hình cảm ứng: Trên bảng điều khiển máy in, chạm vào nút Information (Thông tin)  và chọn biểu tượng Network (Mạng)  để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

2. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Nhấn phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.

Để sử dụng Máy chủ web nhúng của HP, trình duyệt phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

Windows® 7

- Internet Explorer (phiên bản 8.x trở lên)
- Google Chrome (phiên bản 34.x trở lên)
- Firefox (phiên bản 20.x trở lên)

Windows® 8 trở lên

- Internet Explorer (phiên bản 9.x trở lên)
- Google Chrome (phiên bản 34.x trở lên)
- Firefox (phiên bản 20.x trở lên)

macOS

- Safari (phiên bản 5.x trở lên)
- Google Chrome (phiên bản 34.x trở lên)

Linux

- Google Chrome (phiên bản 34.x trở lên)
- Firefox (phiên bản 20.x trở lên)

Các tính năng của máy chủ web nhúng của HP

- [Tab Information \(Thông tin\)](#)
- [Tab General \(Chung\)](#)
- [Tab Print \(In\)](#)
- [Tab Supplies \(Mực in\)](#)
- [Tab Troubleshooting \(Xử lý sự cố\)](#)
- [Tab Security \(Bảo mật\)](#)
- [Tab HP Web Services \(Dịch vụ web HP\)](#)
- [Tab Networking \(Hoạt động mạng\)](#)
- [Danh sách Other Links \(Liên kết khác\)](#)

Tab Information (Thông tin)

Bảng 5-1 Tab Information (Thông tin) của Máy chủ web nhúng của HP

Menu	Mô tả
Device Status (Trạng thái thiết bị)	Hiển thị trạng thái của máy in và hiển thị ước tính lượng nguồn cung cấp HP còn lại. Trang này còn hiển thị loại và kích thước giấy được đặt cho mỗi khay. Để thay đổi cài đặt mặc định, hãy nhấp vào liên kết Change Settings (Thay đổi cài đặt).
Configuration Page (Trang cấu hình)	Hiển thị thông tin tìm thấy trên trang cấu hình.
Supplies Status Page (Trang tình trạng mực in)	Hiển thị trạng thái của nguồn cung cấp cho máy in.
Event Log Page (Trang nhật ký sự kiện)	Hiển thị danh sách tất cả các sự kiện và lỗi của máy in. Sử dụng liên kết HP Instant Support (Hỗ trợ tức thời của HP) (trong vùng Other Links (Liên kết khác) trên tất cả các trang của Máy chủ web nhúng của HP) để kết nối với tập hợp các trang web động giúp giải quyết sự cố. Các trang này còn hiển thị các dịch vụ bổ sung khả dụng cho máy in.
Usage Page (Số lượng trang đã dùng)	Hiển thị tóm tắt số trang máy in đã in, được nhóm theo kích thước, loại và đường dẫn in giấy.
Device Information (Thông tin thiết bị)	Hiển thị thông tin về tên mạng, địa chỉ và kiểu máy in. Để tùy chỉnh các mục nhập này, hãy nhấp vào menu Device Information (Thông tin thiết bị) trên tab General (Chung).
Control Panel (Ảnh chụp nhanh bảng điều khiển)	Hiển thị hình ảnh của màn hình hiện tại trên màn hình của bảng điều khiển.
Printable Reports and Pages (Các trang và báo cáo có thể in)	Liệt kê các báo cáo và trang nội bộ cho máy in. Chọn một hoặc nhiều mục sẽ in hoặc xem.
Open Source Licenses (Giấy phép nguồn mở)	Hiển thị một bản tóm tắt các giấy phép dành cho các chương trình phần mềm nguồn mở có thể sử dụng được với máy in.

Tab General (Chung)

Bảng 5-2 Tab General (Chung) của Máy chủ web nhúng của HP

Menu	Mô tả
Control Panel Customization (Tùy chỉnh bảng điều khiển)	Sắp xếp lại, hiển thị hoặc ẩn các tính năng trên màn hình bảng điều khiển. Thay đổi ngôn ngữ hiển thị mặc định và các bố cục bàn phím.
Quick Sets (Thiết lập nhanh)	Lập cấu hình những lệnh in có sẵn trong vùng Quick Sets (Thiết lập nhanh) của Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in.
Alerts (Cảnh báo)	Thiết lập cảnh báo qua email cho các sự kiện của máy in và các nguồn cung cấp khác nhau.
Control Panel Settings App (Ứng dụng cài đặt bảng điều khiển)	Hiển thị các tùy chọn ứng dụng Cài đặt hiện có trên bảng điều khiển máy in.
General Settings (Cài đặt chung)	Cấu hình cách máy in hoạt động lại sau khi kẹt giấy và các cài đặt máy in chung.
AutoSend (Tự động gửi)	Lập cấu hình máy in để gửi các email tự động về cấu hình máy in và các nguồn cung cấp đến những địa chỉ email cụ thể.
Edit Other Links (Sửa đổi các liên kết khác)	Thêm hoặc tùy chỉnh một liên kết đến một trang web khác. Liên kết này hiển thị ở vùng chân trang trên tất cả các trang Máy chủ web nhúng của HP.
Ordering Information (Thông tin đặt mua hàng)	Nhập thông tin về đặt hàng hộp mực in thay thế. Thông tin này sẽ hiển thị trên trang trạng thái nguồn cung cấp.
Device Information (Thông tin thiết bị)	Đặt tên máy in và gán một mã số tài sản cho máy in này. Nhập tên của người liên lạc chính, người sẽ nhận thông tin về máy in.
Language (Ngôn ngữ)	Đặt ngôn ngữ sẽ hiển thị thông tin về Máy chủ web nhúng của HP.
Firmware Upgrade (Nâng cấp chương trình cơ sở)	Tải xuống và cài đặt các tệp nâng cấp chương trình cơ sở của máy in.
Date/Time Settings (Cài đặt ngày/giờ)	Đặt ngày giờ hoặc đồng bộ hóa với máy chủ thời gian mạng.
Energy Settings (Cài đặt năng lượng)	Đặt hoặc chỉnh sửa thời gian hoạt động, thời gian nghỉ và trì hoãn nghỉ cho máy in. Đặt lịch trình khác nhau cho từng ngày trong tuần và cho các ngày nghỉ. Đặt những tương tác nào với máy in sẽ khiến cho máy in trở lại hoạt động từ chế độ nghỉ.
Back up and Restore (Sao lưu và khôi phục)	Tạo tệp sao lưu chứa dữ liệu về máy in và người dùng. Nếu cần, hãy sử dụng tệp này để khôi phục dữ liệu cho máy in.
Reset Factory Settings (Xác lập lại cài đặt gốc)	Khôi phục cài đặt máy in về cài đặt mặc định gốc.
Solution Installer (Trình cài đặt giải pháp)	Cài đặt các gói phần mềm của bên thứ ba để mở rộng hoặc thay đổi chức năng của máy in.
Job Statistics Settings (Cài đặt thống kê lệnh in)	Cung cấp thông tin kết nối về các dịch vụ thống kê lệnh in của bên thứ ba.
Quota Settings (Cài đặt hạn mức)	Cung cấp thông tin kết nối về các dịch vụ hạn mức lệnh in của bên thứ ba.

Tab Print (In)

Bảng 5-3 Tab Print (In) của Máy chủ Web Nhúng của HP

Menu	Mô tả
Print from USB Drive Settings (Cài đặt in từ ổ đĩa USB)	Bật hoặc tắt menu Print from USB Drive (In từ ổ đĩa USB) trên bảng điều khiển.

Bảng 5-3 Tab Print (In) của Máy chủ Web Nhúng của HP (còn tiếp)

Menu	Mô tả
Manage Stored Jobs (Quản lý lệnh in đã lưu)	Bật hoặc tắt khả năng lưu trữ lệnh in trong bộ nhớ máy in. Lập cấu hình tùy chọn lưu trữ lệnh in.
Default Print Options (Tùy chọn in mặc định)	Lập cấu hình các tùy chọn mặc định cho lệnh in.
Restrict Color (Giới hạn màu) (Chỉ các máy in màu)	Cho phép hoặc giới hạn in màu. Xác định quyền cho những người sử dụng riêng lẻ hoặc những lệnh in được gửi từ những chương trình phần mềm cụ thể.
PCL and PostScript Settings (Cài đặt PCL và PostScript)	Điều chỉnh các cài đặt PCL và PostScript cho tất cả các lệnh in.
Print Quality (Chất lượng in)	Lập cấu hình các cài đặt chất lượng in, bao gồm điều chỉnh màu, đăng ký hình ảnh và các loại giấy được cho phép.
Manage Trays (Quản lý khay)	Lập cấu hình cài đặt cho các khay giấy.

Tab Supplies (Mực in)

Bảng 5-4 Tab Supplies (Mực in) của Máy chủ web nhúng của HP

Menu	Mô tả
Manage Supplies (Quản lý mực in)	Lập cấu hình cách máy in phản ứng khi mực in ở tình trạng Gần hết.

Tab Troubleshooting (Xử lý sự cố)

Bảng 5-5 Tab Troubleshooting (Xử lý sự cố) của Máy chủ web nhúng của HP

Menu	Mô tả
General Troubleshooting (Xử lý sự cố chung)	Chọn từ nhiều loại báo cáo và kiểm tra khác nhau để giúp giải quyết các vấn đề với máy in.
Online Help (Trợ giúp trực tuyến)	Liên kết đến trợ giúp trực tuyến nền tảng HP để hỗ trợ khắc phục các sự cố in.
Diagnostic Data (Dữ liệu chẩn đoán) GHI CHÚ: Mục này chỉ khả dụng nếu một mật khẩu người quản trị được đặt từ tab Security (Bảo mật).	Xuất thông tin máy in vào một tệp có thể hữu ích cho việc phân tích vấn đề chi tiết.
Calibration/Cleaning (Cân chỉnh/Làm sạch) (Chỉ các máy in màu)	Bật tính năng tự động lau dọn, tạo và in trang lau dọn và chọn một tùy chọn để cân chỉnh máy in ngay lập tức.
Restore Factory Settings (Khôi phục cài đặt gốc)	Khôi phục cài đặt máy in về cài đặt mặc định gốc.
Firmware Upgrade (Nâng cấp chương trình cơ sở)	Tải xuống và cài đặt các tệp nâng cấp chương trình cơ sở của máy in.

Tab Security (Bảo mật)

Bảng 5-6 Tab Security (Bảo mật) của Máy chủ web nhúng của HP

Menu	Mô tả
General Security (Bảo mật chung)	Cài đặt cho bảo mật chung, bao gồm: <ul style="list-style-type: none">Lập cấu hình mật khẩu quản trị viên để hạn chế quyền truy cập vào một số tính năng nhất định trên máy in.Đặt mật khẩu PjL để xử lý các lệnh PjL.Đặt bảo mật truy cập hệ thống tệp và nâng cấp chương trình cơ sở.Bật hoặc tắt cổng USB chủ trên bảng điều khiển hoặc cổng kết nối USB trên bộ định dạng để in trực tiếp từ máy tính.Xem trạng thái của tất cả cài đặt bảo mật.
Account Policy (Chính sách tài khoản)	Bật các cài đặt tài khoản quản trị viên.
Access Control (Kiểm soát truy cập)	Lập cấu hình truy cập vào các chức năng của máy in cho các cá nhân hoặc nhóm cụ thể và chọn phương pháp các cá nhân sử dụng để đăng nhập vào máy in.
Protect Stored Data (Bảo vệ dữ liệu đã lưu)	Lập cấu hình và quản lý ổ đĩa cứng bên trong cho máy in. Lập cấu hình các cài đặt lệnh in được lưu trữ trên ổ đĩa cứng của máy in.
Manage Remote Apps (Quản lý ứng dụng từ xa)	Quản lý hoặc cho phép các ứng dụng từ xa bằng cách nhập hoặc xóa chứng chỉ để cho phép thiết bị sử dụng sản phẩm này.
Certificate Management (Quản lý chứng nhận)	Cài đặt và quản lý các chứng nhận bảo mật đối với quyền truy cập vào máy in và mạng.
Web Service Security (Bảo mật dịch vụ web)	Cho phép các tài nguyên trên máy in này được truy cập bởi các trang web từ các tên miền khác nhau. Nếu không có trang web nào được thêm vào danh sách, khi đó tất cả mọi trang web đều được tin cậy.
Self Test (Tự kiểm tra)	Kiểm tra và đảm bảo rằng các chức năng bảo mật đang hoạt động theo các thông số hệ thống dự kiến.

Tab HP Web Services (Dịch vụ web HP)

Sử dụng tab **HP Web Services** (Dịch vụ web HP) để lập cấu hình và bật Dịch vụ web HP cho máy in này. Cần phải bật Dịch vụ web HP để sử dụng tính năng HP ePrint.

Bảng 5-7 Tab HP Web Services (Dịch vụ web HP) trên Máy chủ web nhúng HP

Menu	Mô tả
Web Services Setup (Cài đặt dịch vụ web)	Kết nối máy in này với HP Connected trên web bằng cách bật HP Web Services (Dịch vụ web HP).
Web Proxy	Lập cấu hình máy chủ proxy nếu có vấn đề với việc bật Dịch vụ Web HP hoặc kết nối máy in với Internet.
HP JetAdvantage	Truy cập các giải pháp mở rộng khả năng của máy in
Smart Cloud Print	Bật Smart Cloud Print để cho phép truy cập vào các ứng dụng dựa trên web nhằm mở rộng khả năng của máy in.

Tab Networking (Hoạt động mạng)

Sử dụng tab **Networking** (Hoạt động mạng) để lập cấu hình và bảo mật cài đặt mạng cho máy in khi được kết nối với mạng dựa trên IP. Tab này không hiển thị nếu máy in được kết nối với các loại mạng khác.

Bảng 5-8 Tab Networking (Hoạt động mạng) của Máy chủ web nhúng của HP

Menu	Mô tả
Configuration (Cấu hình)	
Wireless Station (Trạm không dây)	Cấu hình các cài đặt không dây ban đầu
Wi-Fi Direct	Lập cấu hình các cài đặt Wi-Fi Direct dành cho máy in có bao gồm in Wi-Fi Direct Print và NFC nhúng hoặc có lắp đặt một phụ kiện không dây. GHI CHÚ: Tùy chọn cấu hình có sẵn phụ thuộc vào kiểu máy chủ in.
TCP/IP Settings (Cài đặt TCP/IP)	Lập cấu hình cài đặt TCP/IP cho các mạng IPv4 và IPv6. GHI CHÚ: Tùy chọn cấu hình có sẵn phụ thuộc vào kiểu máy chủ in.
Network Settings (Cài đặt mạng)	Lập cấu hình cài đặt IPX/SPX, AppleTalk, DLC/LLC và SNMP, tùy thuộc vào kiểu máy chủ in.
Other Settings (Cài đặt khác)	Lập cấu hình giao thức in chung và các dịch vụ được hỗ trợ bởi máy chủ in. Tùy chọn có sẵn phụ thuộc vào kiểu máy chủ in, nhưng có thể bao gồm cập nhật chương trình cơ sở, hàng đợi LPD, cài đặt USB, thông tin hỗ trợ và tốc độ làm mới.
AirPrint	Bật, cài đặt hoặc tắt in qua mạng từ các máy in được hỗ trợ của Apple.
Select Language (Chọn ngôn ngữ)	Thay đổi ngôn ngữ được hiển thị bởi Máy chủ web nhúng của HP. Trang này hiển thị nếu các trang web hỗ trợ nhiều ngôn ngữ. Tùy chọn, chọn những ngôn ngữ được hỗ trợ thông qua cài đặt tùy chọn ngôn ngữ trong trình duyệt.
Select Location (Chọn vị trí)	Chọn quốc gia/vùng dành cho máy in.
Google Cloud Print	
Setup (Cài đặt)	Thiết lập tùy chọn Google Cloud Print.
Web Proxy	Cấu hình các cài đặt proxy.
Security (Bảo mật)	
Settings (Cài đặt)	Xem và khôi phục cài đặt bảo mật hiện tại về các giá trị mặc định ban đầu. Lập cấu hình cài đặt bảo mật sử dụng Trình hướng dẫn Lập cấu hình bảo mật. GHI CHÚ: Không sử dụng Trình hướng dẫn Lập cấu hình bảo mật để lập cấu hình cài đặt bảo mật sử dụng các ứng dụng quản lý mạng, chẳng hạn như HP Web Jetadmin.
Authorization (Ủy quyền)	Kiểm soát việc quản lý cấu hình và sử dụng máy in này, bao gồm: <ul style="list-style-type: none">• Đặt hoặc thay đổi mật khẩu người quản trị để kiểm soát truy cập vào các thông số cấu hình.• Yêu cầu, cài đặt và quản lý chứng chỉ kỹ thuật số trên máy chủ in HP Jetdirect.• Hạn chế truy cập máy chủ vào máy in này thông qua một Danh sách Kiểm soát Truy cập (ACL) (với các máy chủ in được chọn chỉ trên mạng IPv4).
Secure Communication (Liên lạc bảo mật)	Cấu hình các cài đặt an toàn.

Bảng 5-8 Tab Networking (Hoạt động mạng) của Máy chủ web nhúng của HP (còn tiếp)

Menu	Mô tả
Mgmt. Protocols (Quản lý giao thức)	Lập cấu hình và quản lý các giao thức bảo mật cho máy in này, bao gồm: <ul style="list-style-type: none">• Đặt mức quản lý bảo mật cho Máy chủ Web Nhúng của HP và kiểm soát lưu lượng qua HTTP và HTTPS.• Lập cấu hình hoạt động SNMP (Giao thức quản lý mạng đơn giản). Bật hoặc tắt các tác nhân SNMP v1/v2c hoặc SNMP v3 trên máy chủ in.• Kiểm soát truy cập thông qua các giao thức có thể không được bảo mật, chẳng hạn như giao thức in, dịch vụ in, giao thức phát hiện, dịch vụ phân giải tên và các giao thức quản lý cấu hình.
802.1X Authentication (Xác thực 802.1X)	Lập cấu hình cài đặt xác thực 802.1X trên máy chủ in Jetdirect theo yêu cầu để xác thực ứng dụng khách trên mạng và đặt lại cài đặt xác thực 802.1X về các giá trị mặc định ban đầu. THẬN TRỌNG: Khi thay đổi cài đặt xác thực 802.1X; máy in có thể bị ngắt kết nối. Để kết nối lại, có thể cần đặt lại máy chủ in về trạng thái mặc định ban đầu và cài đặt lại máy in.
IPsec/Firewall (IPsec/Tường lửa)	Xem hoặc lập cấu hình chính sách Tường lửa hoặc chính sách IPsec/Tường lửa.
Announcement Agent (Tác nhân thông báo)	Bật hoặc tắt Tác nhân thông báo thiết bị HP, đặt máy chủ cấu hình và lập cấu hình xác thực lẫn nhau sử dụng chứng chỉ.
Diagnostics (Chẩn đoán)	
Network Statistics (Thống kê mạng)	Hiển thị thống kê mạng được thu thập và lưu trữ trên máy chủ in HP Jetdirect.
Protocol Info (Thông tin giao thức)	Xem danh sách cài đặt cấu hình mạng trên máy chủ in HP Jetdirect cho mỗi giao thức.
Configuration Page (Trang cấu hình)	Xem trang cấu hình HP Jetdirect, trong đó có tình trạng và thông tin cấu hình.

Danh sách Other Links (Liên kết khác)

Lập cấu hình những liên kết nào sẽ hiển thị ở chân trang của Máy chủ web nhúng HP bằng cách sử dụng menu **Edit Other Links** (Chỉnh sửa liên kết khác) trên tab **General** (Chung).

 **GHI CHÚ:** Các mục sau là liên kết mặc định.

Bảng 5-9 Danh sách Other Links (Liên kết khác) của Máy chủ web nhúng của HP

Menu	Mô tả
HP Instant Support (Hỗ trợ tức thời của HP)	Kết nối với trang web của HP để tìm các giải pháp cho các vấn đề của máy in.
Shop for Supplies (Mua vật tư)	Kết nối với trang web HP SureSupply để biết thông tin về cách mua các nguồn cung cấp HP chính hãng, chẳng hạn như hộp mực và giấy.
Product Support (Hỗ trợ sản phẩm)	Kết nối với trang web hỗ trợ dành cho máy in để tìm kiếm trợ giúp về các chủ đề khác nhau.

Định cấu hình cài đặt mạng IP

- [Từ chối dùng chung máy in](#)
- [Xem hoặc thay đổi cài đặt mạng](#)
- [Đổi tên máy in trên mạng](#)
- [Lập cấu hình các thông số IPv4 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công](#)
- [Định cấu hình các thông số IPv6 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công](#)
- [Cài đặt in hai mặt và tốc độ liên kết](#)


Từ chối dùng chung máy in

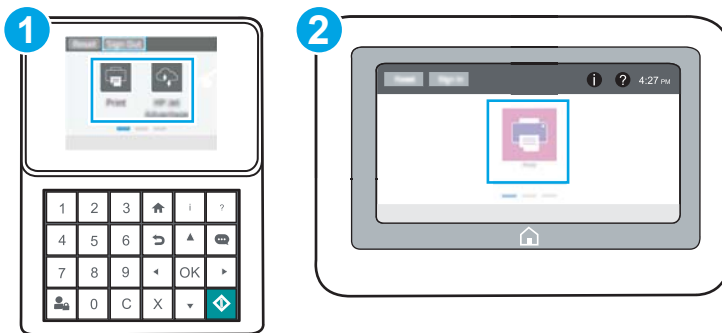
HP không hỗ trợ mạng ngang hàng, vì tính năng là của hệ điều hành Microsoft, không phải của trình điều khiển máy in HP. Hãy vào trang web của Microsoft www.microsoft.com.

Xem hoặc thay đổi cài đặt mạng



Sử dụng Máy chủ web nhúng của HP để xem hoặc thay đổi các cài đặt cấu hình IP.



1. Mở Máy chủ web nhúng (EWS) của HP:

 **GHI CHÚ:** Các bước khác nhau tùy theo loại bảng điều khiển.




- | | |
|---|----------------------------------|
| 1 | Bảng điều khiển bàn phím |
| 2 | Bảng điều khiển màn hình cảm ứng |

- a. **Bảng điều khiển bàn phím:** Trên bảng điều khiển máy in, nhấn nút Information (Thông tin)  và sử dụng các nút mũi tên để chọn menu Ethernet . Bấm nút **OK** để mở menu và hiển thị tên máy chủ hoặc địa chỉ IP.

Bảng điều khiển màn hình cảm ứng: Trên bảng điều khiển máy in, chạm vào nút Information (Thông tin)  và chọn biểu tượng Network (Mạng)  để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

- b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Nhấn phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

 <https://10.10.XXXXX/>


 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.

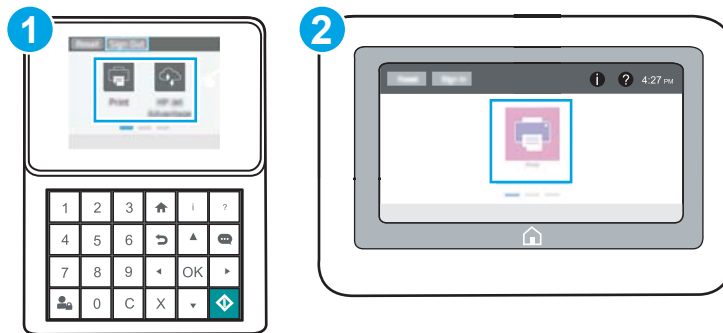
2. Nhấp tab **Networking** (Hoạt động mạng) để lấy thông tin mạng. Bạn có thể thay đổi các cài đặt khi cần.

Đổi tên máy in trên mạng



Để đổi tên máy in trên mạng để có thể xác định duy nhất máy in, hãy sử dụng Máy chủ web nhúng của HP.



1. Mở Máy chủ web nhúng (EWS) của HP:

 **GHI CHÚ:** Các bước khác nhau tùy theo loại bảng điều khiển.





- | | |
|---|----------------------------------|
| 1 | Bảng điều khiển bàn phím |
| 2 | Bảng điều khiển màn hình cảm ứng |

- a. **Bảng điều khiển bàn phím:** Trên bảng điều khiển máy in, nhấn nút Information (Thông tin)  và sử dụng các nút mũi tên để chọn menu Ethernet . Bấm nút **OK** để mở menu và hiển thị tên máy chủ hoặc địa chỉ IP.


Bảng điều khiển màn hình cảm ứng: Trên bảng điều khiển máy in, chạm vào nút Information (Thông tin)  và chọn biểu tượng Network (Mạng)  để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

- b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Nhấn phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

 <https://10.10.XXXXX/>

 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.

2. Mở tab **General** (Chung).
3. Trên trang **Device Information** (Thông tin thiết bị), tên máy in mặc định nằm trong trường **Device Name** (Tên thiết bị). Bạn có thể thay đổi tên này để xác định duy nhất máy in này.

 **GHI CHÚ:** Không bắt buộc phải hoàn tất các trường khác trên trang này.

4. Nhấp vào nút **Apply** (Áp dụng) để lưu các thay đổi.

Lập cấu hình các thông số IPv4 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công

Sử dụng các menu **Settings** (Cài đặt) trên bảng điều khiển để đặt địa chỉ IPv4, mặt nạ mạng cấp dưới và cổng mặc định theo cách thủ công.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Settings** (Cài đặt) và chọn biểu tượng **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau đây:
 - **Networking** (Hoạt động mạng)
 - **Ethernet**
 - **TCP/IP**
 - **IPV 4 Settings** (Cài đặt IPV 4)
 - **Config Method** (Phương pháp cấu hình)
3. Chọn tùy chọn **Manual** (Thủ công), sau đó chạm vào nút **Save** (Lưu).
4. Mở menu **Manual Settings** (Cài đặt thủ công).
5. Chạm vào tùy chọn **IP Address** (Địa chỉ IP), **Subnet Mask** (Mặt nạ mạng con), hoặc **Default Gateway** (Cổng mặc định).
6. Chạm vào trường đầu tiên để mở bàn phím số. Nhập các chữ số chính xác cho trường này, sau đó chạm vào nút **OK**.


Lặp lại quá trình này cho mỗi trường, sau đó chạm vào nút **Save** (Lưu).

Định cấu hình các thông số IPv6 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công


Sử dụng các menu **Settings** (Cài đặt) trên bảng điều khiển để đặt địa chỉ IPv6 theo cách thủ công.


1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Settings** (Cài đặt) và chọn biểu tượng **Settings** (Cài đặt).
2. Để cho phép cấu hình thủ công, hãy mở các menu sau:
 - **Networking** (Hoạt động mạng)
 - **Ethernet**
 - **TCP/IP**
 - **IPV6 Settings** (Cài đặt IPV6)
3. Chọn **Enable** (Kích hoạt) và chọn **On** (Bật).
4. Chọn tùy chọn **Enable Manual Settings** (Bật cài đặt thủ công), sau đó chạm vào nút **Done** (Xong).
5. Để lập cấu hình địa chỉ, hãy mở menu **Address** (Địa chỉ), sau đó chạm vào trường này để mở bàn phím số.
6. Sử dụng bàn phím số để nhập địa chỉ, sau đó chạm vào nút **OK**.
7. Chạm vào **Save** (Lưu).

Cài đặt in hai mặt và tốc độ liên kết

 **GHI CHÚ:** Thông tin này chỉ áp dụng cho mạng Ethernet. Thông tin này không áp dụng cho mạng không dây.

Tốc độ liên kết và chế độ truyền tín hiệu của máy chủ in phải phù hợp với hub mạng. Nên để máy in ở chế độ tự động trong hầu hết các trường hợp. Các thay đổi không đúng đối với cài đặt tốc độ liên kết và in hai mặt có thể ngăn máy in không truyền tín hiệu được với các thiết bị mạng khác. Để thực hiện thay đổi, hãy sử dụng bảng điều khiển của máy in.

 **GHI CHÚ:** Cài đặt của máy in phải khớp với cài đặt cho thiết bị mạng (hub mạng, thiết bị chuyển mạch, cổng nối, bộ định tuyến, hoặc máy tính).

 **GHI CHÚ:** Khi thay đổi những cài đặt này, máy in sẽ tắt đi, sau đó lại bật lại. Chỉ thay đổi khi máy in chạy không (nhàn rỗi).

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Settings** (Cài đặt) và chọn biểu tượng **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau đây:
 - **Networking** (Hoạt động mạng)
 - **Ethernet**
 - **Link Speed** (Tốc độ liên kết)
3. Chọn một trong các tùy chọn sau đây:
 - **Auto** (Tự động): Máy chủ in tự động lập cấu hình chính bản thân máy sao cho đạt được tốc độ liên kết và chế độ truyền tín hiệu tốt nhất mà máy được phép có trên mạng.
 - **10T Half** (10T một nửa): Truyền bán song công, 10 megabyte mỗi giây (Mbps)

- **10T Full** (10T đầy đủ): Truyền song công, 10 Mbps
 - **10T Auto** (10T tự động): Truyền song công tự động, 10 Mbps
 - **100TX Half** (100TX một nửa): Truyền bán song công, 100 Mbps
 - **100TX Full** (100TX đầy đủ): Truyền song công, 100 Mbps
 - **100TX Auto** (100TX tự động): Truyền song công tự động, 100 Mbps
 - **1000T Full** (1000T đầy đủ): Truyền song công, 1000 Mbps
4. Chạm vào nút **Save** (Lưu). Máy in sẽ tắt, sau đó bật lại.

Các tính năng bảo mật của máy in

- [Giới thiệu](#)
- [Tuyên bố bảo mật](#)
- [Gán mật khẩu của quản trị viên](#)
- [bảo mật IP](#)
- [Hỗ trợ mã hóa: Ổ cứng bảo mật hiệu suất cao của HP](#)
- [Khóa bộ định dạng](#)

Giới thiệu

Máy in bao gồm một số tính năng bảo mật để giới hạn ai có quyền truy cập để lập cấu hình các cài đặt, để bảo mật dữ liệu và để ngăn không cho truy cập vào các thành phần phần cứng có giá trị.

Tuyên bố bảo mật

Máy in hỗ trợ các chuẩn bảo mật và các giao thức được khuyến nghị sử dụng. Những chuẩn và giao thức này giúp bạn giữ an toàn cho máy in, bảo vệ những thông tin then chốt trên mạng của bạn và đơn giản hóa cách thức giám sát và duy trì máy in.


Gán mật khẩu của quản trị viên

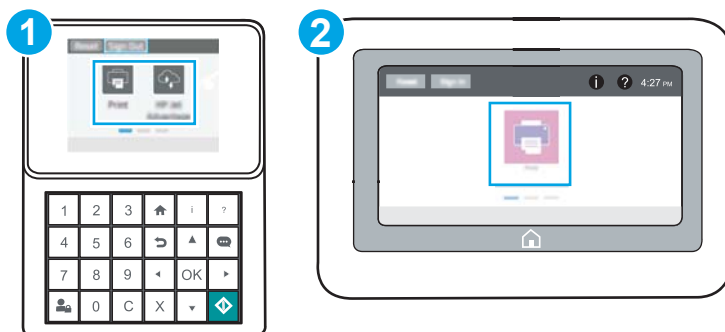
Gán một mật khẩu của quản trị viên để truy cập vào máy in và Máy chủ web nhúng của HP để người dùng không được phép không thể thay đổi cài đặt của máy in.

- [Sử dụng Máy chủ web nhúng \(EWS\) của HP để cài đặt mật khẩu](#)
- [Cung cấp thông tin đăng nhập truy cập của người dùng trên bảng điều khiển của máy in](#)



Sử dụng Máy chủ web nhúng (EWS) của HP để cài đặt mật khẩu



1. Mở Máy chủ web nhúng (EWS) của HP:

 **GHI CHÚ:** Các bước khác nhau tùy theo loại bảng điều khiển.

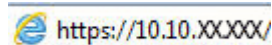



- | | |
|---|----------------------------------|
| 1 | Bảng điều khiển bàn phím |
| 2 | Bảng điều khiển màn hình cảm ứng |

- a. **Bảng điều khiển bàn phím:** Trên bảng điều khiển máy in, nhấn nút Information (Thông tin)  và sử dụng các nút mũi tên để chọn menu Ethernet . Bấm nút **OK** để mở menu và hiển thị tên máy chủ hoặc địa chỉ IP.

Bảng điều khiển màn hình cảm ứng: Trên bảng điều khiển máy in, chạm vào nút Information (Thông tin)  và chọn biểu tượng Network (Mạng)  để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.


- b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Nhấn phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

 <https://10.10.XXXXX/>


 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo cho biết việc truy cập vào trang web có thể không an toàn, hãy chọn tùy chọn để tiếp tục vào trang web. Việc truy cập trang web này sẽ không ảnh hưởng đến máy tính.

2. Nhấp tab **Security** (Bảo mật).
3. Mở menu **General Security** (Bảo mật chung).
4. Trong vùng có nhãn **Set the Local Administrator Password** (Đặt mật khẩu người quản trị cục bộ), nhập tên để liên kết với mật khẩu trong trường **Username** (Tên người dùng).

5. Nhập mật khẩu vào trường **New Password** (Mật khẩu mới), sau đó nhập lại mật khẩu này vào trường **Verify Password** (Xác nhận mật khẩu).

 **GHI CHÚ:** Để thay đổi mật khẩu hiện tại, trước tiên bạn phải nhập mật khẩu hiện tại vào trường **Old Password** (Mật khẩu cũ).

6. Nhấp vào nút **Apply** (Áp dụng).


 **GHI CHÚ:** Ghi lại mật khẩu và để ở nơi an toàn. Không thể khôi phục mật khẩu quản trị viên. Nếu làm mất hoặc đã quên mật khẩu quản trị viên, hãy liên hệ với Bộ phận hỗ trợ của HP tại support.hp.com để được hỗ trợ cần thiết để đặt lại máy in hoàn toàn.

Cung cấp thông tin đăng nhập truy cập của người dùng trên bảng điều khiển của máy in

Một số tính năng trên bảng điều khiển máy in có thể được bảo mật để những người không được phép không thể sử dụng chúng. Khi một tính năng được bảo mật, máy in sẽ nhắc bạn đăng nhập trước khi bạn có thể sử dụng nó. Bạn cũng có thể đăng nhập mà không cần chờ nhắc bằng cách chọn **Sign In** (Đăng nhập) từ bảng điều khiển của máy in.

Thông thường, thông tin đăng nhập vào máy in giống với thông tin đăng nhập vào mạng. Tham khảo ý kiến của người quản trị mạng cho máy in này nếu bạn có câu hỏi về thông tin đăng nhập để sử dụng.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của máy in, chọn **Sign In** (Đăng nhập).
2. Làm theo lời nhắc để nhập thông tin đăng nhập.

 **GHI CHÚ:** Để duy trì bảo mật cho máy in, chọn **Sign Out** (Đăng xuất) khi sử dụng xong máy in.

Bảo mật IP

Bảo mật IP (IPsec) là tập hợp các giao thức kiểm soát lưu lượng truy cập mạng dựa trên IP vào và ra máy in. IPsec cho phép xác nhận giá trị từ máy chủ này đến máy chủ khác, tính nguyên vẹn của dữ liệu và sự mã hóa các kênh giao tiếp mạng.

Đối với những máy in được kết nối mạng và có máy chủ in HP Jetdirect, bạn có thể cấu hình IPsec bằng cách sử dụng tab **Networking** (Hoạt động mạng) trong Máy chủ web nhúng của HP.

Hỗ trợ mã hóa: Ổ cứng bảo mật hiệu suất cao của HP

Ổ cứng này cung cấp tính năng mã hóa bằng phần cứng để bạn có thể lưu dữ liệu nhạy cảm một cách an toàn mà không ảnh hưởng tới hiệu suất của máy in. Ổ cứng này sử dụng Chuẩn mã hóa nâng cao (AES) mới nhất và có tính năng tiết kiệm thời gian linh hoạt và chức năng mạnh mẽ.

Sử dụng menu **Security** (Bảo mật) trong Máy chủ web nhúng của HP để cấu hình đĩa.

Khóa bộ định dạng

Bạn có thể gắn cáp bảo mật vào khe trên bộ định dạng. Khóa bộ định dạng ngăn không cho ai đó tháo các thành phần có giá trị ra khỏi bộ định dạng.

Các cài đặt bảo tồn năng lượng

- [In bằng EconoMode](#)
- [Đặt hẹn giờ nghỉ và lập cấu hình máy in để dùng nguồn điện 1 watt hoặc ít hơn](#)

In bằng EconoMode

Máy in này có tùy chọn EconoMode (Chế độ Tiết kiệm) dành cho việc in các bản tài liệu nháp. Sử dụng Chế độ Tiết kiệm có thể sử dụng ít bột mực hơn. Tuy nhiên, sử dụng EconoMode (Chế độ Tiết kiệm) cũng có thể làm giảm chất lượng in.

- [Cấu hình EconoMode \(Chế độ tiết kiệm\) từ trình điều khiển in](#)
- [Cấu hình EconoMode \(Chế độ tiết kiệm\) từ bảng điều khiển của máy in](#)

HP không khuyến nghị việc sử dụng thường xuyên Chế độ tiết kiệm (EconoMode). Nếu Chế độ Tiết kiệm được sử dụng thường xuyên, nguồn bột mực có thể dùng được lâu hơn so với các bộ phận máy móc khác trong hộp mực in. Nếu chất lượng in bắt đầu giảm và không còn chấp nhận được, hãy cân nhắc thay thế hộp mực in.



GHI CHÚ: Nếu tùy chọn này không sẵn có trong trình điều khiển in, bạn có thể thiết lập tùy chọn bằng cách sử dụng bảng điều khiển của máy in.

Cấu hình EconoMode (Chế độ tiết kiệm) từ trình điều khiển in

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in, rồi bấm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn).
3. Nhấp vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).
4. Bấm vào ô **EconoMode** (Chế độ tiết kiệm) để bật tính năng này, sau đó bấm **OK**.

Cấu hình EconoMode (Chế độ tiết kiệm) từ bảng điều khiển của máy in


Sử dụng bảng điều khiển máy in để thay đổi cài đặt EconoMode (Chế độ tiết kiệm).

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Settings** (Cài đặt) và chọn biểu tượng **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau đây:
 - **Copy/Print** (Sao chép/In) hoặc **Print** (In)
 - **Default Print Options** (Tùy chọn in mặc định)
 - **Economode** (Chế độ tiết kiệm)
3. Chọn **On** (Bật) hoặc **Off** (Tắt) để bật hoặc tắt tính năng.

Đặt hẹn giờ nghỉ và lập cấu hình máy in để dùng nguồn điện 1 watt hoặc ít hơn

Cài đặt nghỉ ảnh hưởng đến lượng điện năng mà máy in sử dụng, thời gian hoạt động trở lại/nghỉ, thời gian máy in chuyển sang chế độ nghỉ và thời gian để hoạt động trở lại sau chế độ nghỉ.

Để lập cấu hình máy in để dùng nguồn điện 1 watt hoặc ít hơn khi đang ở chế độ nghỉ, nhập thời gian cho cả hai cài đặt **Sleep after Inactivity** (Chế độ nghỉ sau khi không hoạt động) và **Auto Off after sleep** (Tự động tắt sau khi nghỉ).

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Settings** (Cài đặt) và chọn biểu tượng **Settings** (Cài đặt).
 2. Mở các menu sau đây:
 - **General** (Chung)
 - **Energy Settings** (Cài đặt năng lượng)
 - **Sleep Settings** (Cài đặt nghỉ)
 3. Chọn **Sleep after Inactivity** (Chế độ nghỉ sau khi không hoạt động) để xác định số phút mà máy in không hoạt động trước khi máy in chuyển sang chế độ nghỉ. Nhập khoảng thời gian thích hợp.
 4. Chọn **Auto Off after sleep** (Tự động tắt sau khi nghỉ) để đặt máy in vào chế độ tiết kiệm điện nhiều hơn sau một khoảng thời gian nghỉ. Nhập khoảng thời gian thích hợp.
-
-  **GHI CHÚ:** Theo mặc định, máy in sẽ hoạt động trở lại sau Tự động tắt khi có phản hồi từ một hoạt động bất kỳ ngoài USB hoặc Wi-Fi. Đối với các cài đặt tiết kiệm năng lượng nhiều hơn, bạn có thể thiết lập cài đặt đó thành chỉ hoạt động trở lại khi nút nguồn được nhấn bằng cách chọn **Shut down (wake on power button only)** (Tắt máy (chỉ hoạt động trở lại khi nhấn nút nguồn)).
5. Chọn **Done** (Xong) để lưu cài đặt.

HP Web Jetadmin

HP Web Jetadmin là công cụ dẫn đầu trong ngành, giành được giải thưởng cho việc quản lý hiệu quả hàng loạt các sản phẩm HP nổi mạng, bao gồm máy in, máy in đa năng và thiết bị gửi kỹ thuật số. Giải pháp đơn nhất này cho phép bạn cài đặt, giám sát, bảo trì, xử lý sự cố và bảo mật từ xa cho môi trường in và xử lý hình ảnh của mình - cuối cùng là tăng năng suất của doanh nghiệp bằng cách giúp bạn tiết kiệm thời gian, kiểm soát chi phí và bảo vệ vốn đầu tư của bạn.

Các bản nâng cấp HP Web Jetadmin được đưa ra định kỳ để hỗ trợ cho các tính năng sản phẩm cụ thể. Hãy truy cập www.hp.com/go/webjetadmin để biết thêm thông tin.

Cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở

HP thường xuyên cập nhật các tính năng có trong chương trình cơ sở của máy in. Để tận dụng các tính năng mới nhất, hãy cập nhật chương trình cơ sở của máy in. Tải xuống tệp cập nhật chương trình cơ sở mới nhất từ web:

Truy cập www.hp.com/support/ljM507. Nhấp vào **Drivers & Software** (Trình điều khiển & Phần mềm).

6 Giải quyết sự cố

Khắc phục sự cố với máy in. Tìm thêm tài nguyên để được trợ giúp và hỗ trợ kỹ thuật.

- [Hỗ trợ khách hàng](#)
- [Hệ thống trợ giúp bảng điều khiển](#)
- [Xác lập lại cài đặt gốc](#)
- [Thông báo “Cartridge is low” \(Hộp mực in ở mức thấp\) hoặc “Cartridge is very low” \(Hộp mực in gần hết\) hiển thị trên bảng điều khiển của máy in](#)
- [Máy in không nhặt được giấy hoặc nạp giấy sai](#)
- [Xử lý kẹt giấy](#)
- [Xử lý vấn đề về chất lượng in](#)
- [Giải quyết sự cố xảy ra với mạng có dây](#)
- [Giải quyết sự cố xảy ra với mạng không dây](#)

Để được giúp đỡ qua video, hãy xem www.hp.com/videos/LaserJet.

Thông tin sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản tài liệu. Để biết thông tin hiện tại, hãy xem www.hp.com/support/ljm507.

Để biết thêm thông tin:

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in bao gồm thông tin sau đây:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về quy định và bảo hành

Hỗ trợ khách hàng

Nhận hỗ trợ qua điện thoại cho quốc gia/vùng của bạn

Bạn có thể xem các số điện thoại cho mỗi quốc gia/vùng lãnh thổ trên tờ rơi đi kèm trong hộp máy in hoặc xem tại support.hp.com.

Chuẩn bị sẵn sàng tên máy in, số sê-ri, ngày mua hàng và thông tin mô tả sự cố

Được hỗ trợ Internet 24 giờ và tải xuống các tiện ích và trình điều khiển phần mềm

www.hp.com/support/ljM507

Đặt mua thêm dịch vụ HP hoặc đặt hợp đồng bảo trì

www.hp.com/go/carepack

Đăng ký máy in

www.register.hp.com

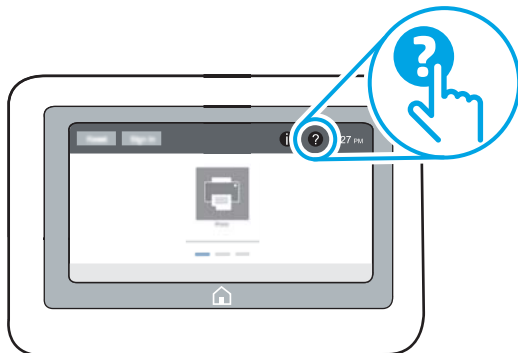
Hệ thống trợ giúp bằng điều khiển

Máy in có hệ thống Trợ giúp cài sẵn giải thích cách sử dụng từng màn hình. Để mở hệ thống Trợ giúp, hãy chạm vào nút Trợ giúp (?) trên bảng điều khiển.

Hình 6-1 Bảng điều khiển bàn phím




Hình 6-2 Bảng điều khiển màn hình cảm ứng



Đối với một số màn hình, phần Trợ giúp mở ra một menu chung để bạn có thể tìm kiếm các chủ đề cụ thể. Bạn có thể duyệt qua cấu trúc menu bằng cách chạm vào các nút trong menu.

Một số màn hình Trợ giúp có cả hình động sẽ cho bạn biết các quy trình cụ thể, chẳng hạn như gỡ giấy kẹt.

Nếu máy in thông báo cho bạn về lỗi hoặc cảnh báo, hãy chạm vào nút Trợ giúp  để mở thông báo mô tả sự cố. Thông báo cũng chứa hướng dẫn giúp giải quyết sự cố.

Xác lập lại cài đặt gốc

Việc xác lập lại các cài đặt của máy in về cài đặt gốc có thể giúp khắc phục sự cố.

- [Giới thiệu](#)
- [Phương pháp một: Xác lập cài đặt gốc từ bảng điều khiển của máy in](#)
- [Phương pháp hai: Xác lập cài đặt gốc từ Máy chủ web nhúng của HP \(chỉ dành cho các máy in kết nối mạng\)](#)

Giới thiệu


Dùng một trong các phương thức sau đây để xác lập lại các cài đặt của máy in về các cài đặt gốc từ nhà máy.

Phương pháp một: Xác lập cài đặt gốc từ bảng điều khiển của máy in

Sử dụng bảng điều khiển máy in để khôi phục các cài đặt về giá trị gốc của chúng.


1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Settings** (Cài đặt) và chọn biểu tượng **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau đây:
 - **General** (Chung)
 - **Reset Factory Settings** (Xác lập lại cài đặt gốc)
3. Chọn **Reset** (Xác lập lại).

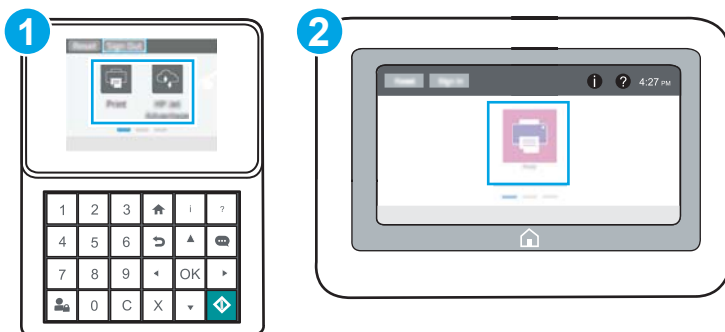
Một thông báo xác nhận sẽ cho biết việc hoàn thành chức năng xác lập lại có thể gây ra thất thoát dữ liệu.
4. Chọn **Reset** (Xác lập lại) để hoàn thành quá trình.

 **GHI CHÚ:** Máy in sẽ tự động khởi động lại sau khi hoàn thành thao tác xác lập lại.

Phương pháp hai: Xác lập cài đặt gốc từ Máy chủ web nhúng của HP (chỉ dành cho các máy in kết nối mạng)

Dùng HP EWS để xác lập lại các cài đặt máy in về cài đặt gốc.

 **GHI CHÚ:** Các bước khác nhau tùy theo loại bảng điều khiển.



1	Bảng điều khiển bàn phím
2	Bảng điều khiển màn hình cảm ứng

- Bảng điều khiển bàn phím:** Trên bảng điều khiển máy in, nhấn nút Information (Thông tin) **i** và sử dụng các nút mũi tên để chọn menu Ethernet **Ethernet**. Bấm nút **OK** để mở menu và hiển thị tên máy chủ hoặc địa chỉ IP.

Bảng điều khiển màn hình cảm ứng: Trên bảng điều khiển máy in, chọn nút Information (Thông tin) **i** và chọn biểu tượng Network (Mạng) **Network** để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

- Mở tab **General** (Chung).
- Ở bên trái màn hình, nhấp **Reset Factory Settings** (Xác lập lại cài đặt gốc).
- Bấm vào nút **Reset** (Xác lập lại).

GHI CHÚ: Máy in sẽ tự động khởi động lại sau khi hoàn thành thao tác xác lập lại.

Thông báo “Cartridge is low” (Hộp mực in ở mức thấp) hoặc “Cartridge is very low” (Hộp mực in gần hết) hiển thị trên bảng điều khiển của máy in

- [Thay đổi cài đặt “Very Low” \(Gần hết\)](#)
- [Đặt hàng mực in](#)

Cartridge is low (Hộp mực in ở mức thấp): Máy in sẽ cho biết khi một hộp mực in còn ít. Lượng mực in còn lại thực tế có thể khác. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn chấp nhận được. Không cần thay thế hộp mực in ngay lúc này.

Tiếp tục in bằng hộp mực hiện thời cho tới khi việc phân phối lại bột mực không cho ra chất lượng in chấp nhận được. Để phân phối lại bột mực, tháo hộp mực in ra khỏi máy in và lắc nhẹ hộp mực qua lại theo trục ngang. Vui lòng đọc các hướng dẫn thay thế hộp mực để xem hình ảnh biểu diễn đồ họa. Lắp lại hộp mực in vào máy in và đóng nắp.

Cartridge is very low (Hộp mực in gần hết): Máy in sẽ cho biết khi một hộp mực in gần hết. Lượng mực in còn lại thực tế có thể khác. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn chấp nhận được. Không cần thay thế hộp mực in ngay trừ khi chất lượng in không còn chấp nhận được.

Bảo hành bảo vệ đặc biệt của HP hết hạn gần cuối thời gian có thể sử dụng hộp mực. Kiểm tra Trang tình trạng mực in hoặc Máy chủ web nhúng (EWS) của HP để xem tình trạng.

Thay đổi cài đặt “Very Low” (Gần hết)

Bạn có thể thay đổi cách máy in phản ứng khi mực in ở tình trạng Gần hết. Bạn không phải thiết lập lại các cài đặt này khi bạn lắp đặt một hộp mực mới.

- [Thay đổi cài đặt “Very Low” \(Gần hết\) trên bảng điều khiển](#)
- [Đối với các máy in có tính năng fax](#)

Thay đổi cài đặt “Very Low” (Gần hết) trên bảng điều khiển

Thay đổi cài đặt trên bảng điều khiển của máy in.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Settings** (Cài đặt) và chọn biểu tượng **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau đây:
 - [Manage Supplies](#) (Quản lý mực in)
 - [Very Low Behavior](#) (Xử lý khi mực gần hết)
 - [Black Cartridge](#) (Hộp mực đen) hoặc [Color Cartridge](#) (Hộp mực màu)
3. Chọn một trong các tùy chọn sau đây:
 - Chọn tùy chọn **Stop** (Dừng) để đặt máy in dừng in khi hộp mực ở ngưỡng **Very Low** (Gần hết).
 - Chọn tùy chọn **Prompt to continue** (Nhắc để tiếp tục) để đặt máy in dừng in khi hộp mực tiến đến ngưỡng **Very Low** (Gần hết). Bạn có thể xác nhận lời nhắc hoặc thay thế hộp mực để tiếp tục in.
 - Chọn tùy chọn **Continue** (Tiếp tục) để đặt máy in cảnh báo bạn rằng hộp mực gần hết và tiếp tục in ngoài mức cài đặt **Very Low** (Gần hết) mà không cần tương tác. Điều này có thể dẫn tới chất lượng in không tốt.

Đối với các máy in có tính năng fax

Khi máy in được đặt về tùy chọn **Stop** (Dừng) hoặc **Prompt to continue** (Nhắc để tiếp tục), có khả năng là các bản fax sẽ không in được khi máy in tiếp tục in. Điều này có thể xảy ra nếu máy in đã nhận được số bản fax nhiều hơn khả năng lưu giữ của bộ nhớ trong khi máy in đang chờ.

Máy in có thể in các bản fax mà không bị gián đoạn khi vượt ngưỡng Gần hết nếu bạn chọn tùy chọn **Continue** (Tiếp tục) cho hộp mực nhưng chất lượng in có thể giảm xuống.

Đặt hàng mực in

Đặt hàng mực in và giấy	http://www.hp.com/go/SureSupply
Đặt hàng qua các nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ	Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ được HP ủy quyền.
Đặt hàng bằng Máy chủ Web Nhúng của HP (EWS)	Để truy cập, trong trình duyệt web được hỗ trợ trên máy tính của bạn, hãy nhập địa chỉ IP của máy in hoặc tên máy chủ trong trường địa chỉ/URL. EWS chứa liên kết tới trang web HP SureSupply, nơi cung cấp các tùy chọn mua hộp mực HP gốc.

Máy in không nhặt được giấy hoặc nạp giấy sai

- [Giới thiệu](#)
- [Máy in không nạp giấy](#)
- [Máy in nạp nhiều giấy](#)

Giới thiệu


Các giải pháp sau đây có thể giúp giải quyết sự cố nếu máy in không nạp giấy từ khay hoặc nạp nhiều giấy cùng một lúc. Một trong hai trường hợp này có thể gây kẹt giấy.

Máy in không nạp giấy

Nếu máy in không nạp giấy từ khay, hãy thử các giải pháp sau.

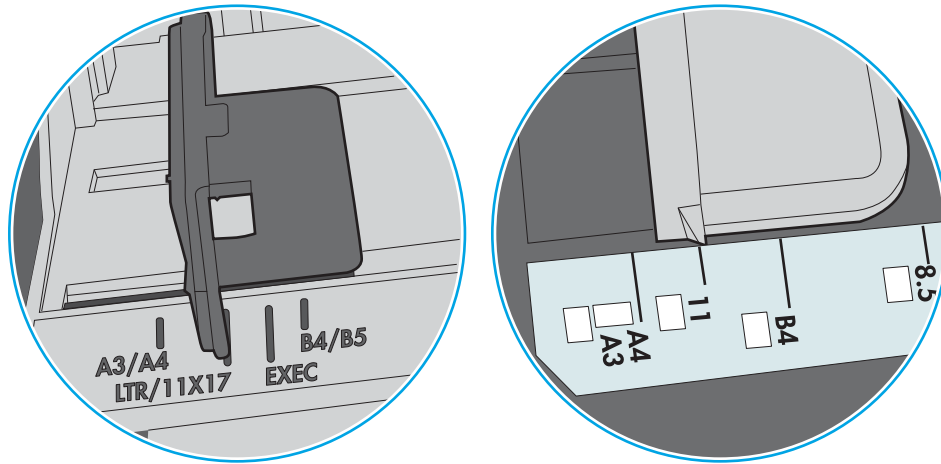
1. Mở máy in và gỡ hết giấy bị kẹt ra. Kiểm tra xem có mảnh vụn giấy rách nào còn kẹt lại bên trong máy in không.
2. Nạp khay với giấy có kích thước chính xác cho lệnh in.
3. Hãy đảm bảo rằng loại và khổ giấy được cài chính xác trên bảng điều khiển của máy in.

4. Đảm bảo rằng các thanh dẫn giấy trong khay được điều chỉnh chính xác với khổ giấy. Điều chỉnh thanh dẫn theo dấu phù hợp trên khay. Mũi tên trên thanh dẫn khay phải đặt thẳng hàng với dấu đánh trên khay.

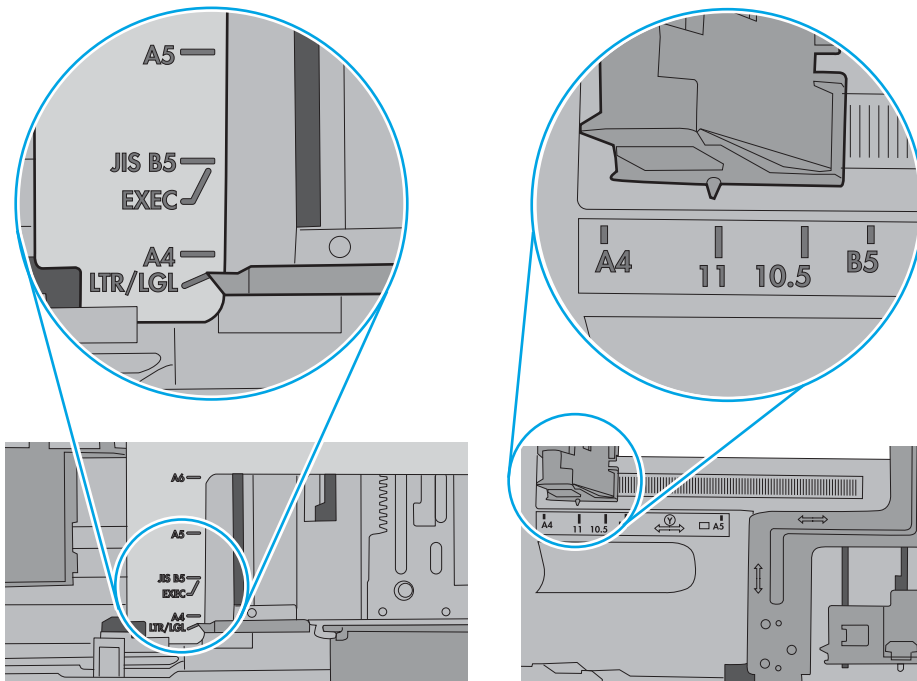
 **GHI CHÚ:** Không điều chỉnh các thanh dẫn giấy quá sát tập giấy. Điều chỉnh chúng theo các dấu trên khay.

Hình ảnh sau đây mô tả ví dụ về các dấu kích thước giấy trong các khay cho nhiều máy in khác nhau. Hầu hết máy in HP đều được đánh dấu tương tự như thế này.

Hình 6-3 Dấu kích thước cho Khay 1 hoặc khay đa năng



Hình 6-4 Dấu kích thước cho khay băng từ

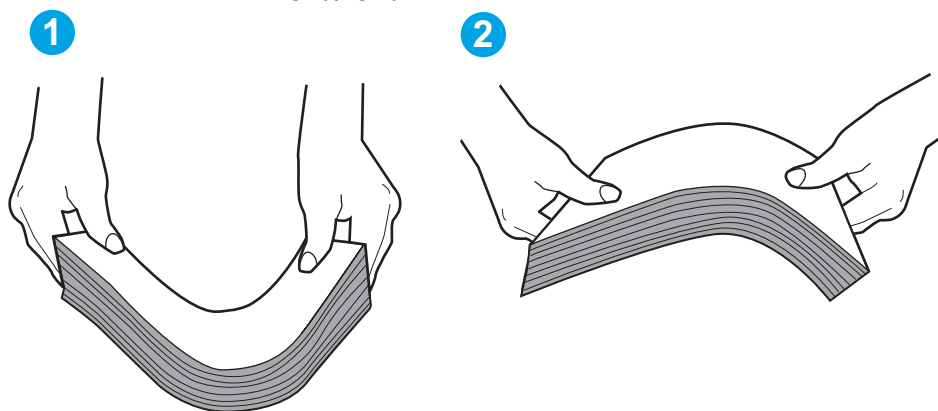


5. Xác minh độ ẩm trong phòng có nằm trong phạm vi thông số kỹ thuật dành cho máy in không và giấy có đang được lưu trong các gói bị đóng kín. Hầu hết ram giấy được bán trong bao gói cách ẩm để giữ cho giấy luôn khô.

Trong môi trường có độ ẩm cao, giấy nằm ở trên cùng của tập giấy trong khay có thể hấp thu độ ẩm và bề mặt giấy có thể bị nhăn nheo hoặc không đều. Nếu điều này xảy ra, hãy gỡ 5 đến 10 trang trên cùng của tập giấy ra.

Trong môi trường có độ ẩm thấp, thừa tĩnh điện có thể làm cho các trang giấy dính với nhau. Nếu điều này xảy ra, hãy gỡ giấy ra khỏi khay và uốn cong tập giấy bằng cách giữ hai đầu của tập giấy và uốn lên theo hình chữ U. Sau đó, xoay hai đầu xuống ngược hình chữ U. Tiếp theo, giữ mỗi đầu của tập giấy và lặp lại quá trình này. Quá trình này giúp tách giấy ra thành từng tờ riêng lẻ mà không cần đưa ra tĩnh điện. Làm phẳng tập giấy trên mặt bàn trước khi bỏ tập giấy vào khay lại.

Hình 6-5 Cách uốn cong tập giấy

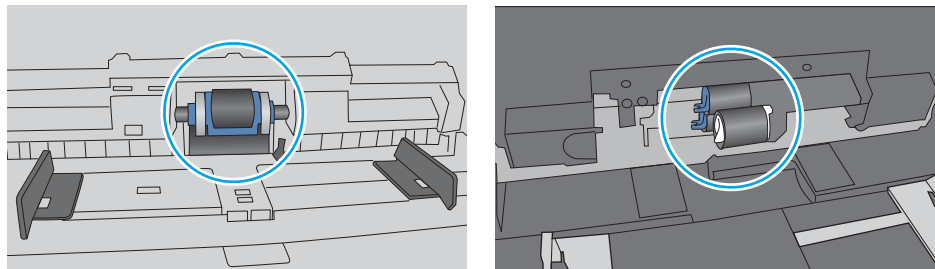


6. Kiểm tra bảng điều khiển máy in để xem máy có đang hiển thị lời nhắc nạp giấy theo cách thủ công hay không. Nạp giấy và tiếp tục.
7. Trục lăn trên khay có thể bị bụi bẩn. Lau sạch trục lăn bằng miếng vải không có xơ được làm ẩm bằng nước ấm. Sử dụng nước cất, nếu có.

⚠ THẬN TRỌNG: Không phun nước trực tiếp lên máy in. Thay vào đó, hãy phun nước trên vải hoặc nhúng miếng vải vào nước và vắt hết nước ra trước khi lau sạch trục lăn.

Hình ảnh sau đây mô tả ví dụ về vị trí trục lăn cho nhiều máy in khác nhau.


Hình 6-6 Vị trí trục lăn cho Khay 1 hoặc khay đa năng



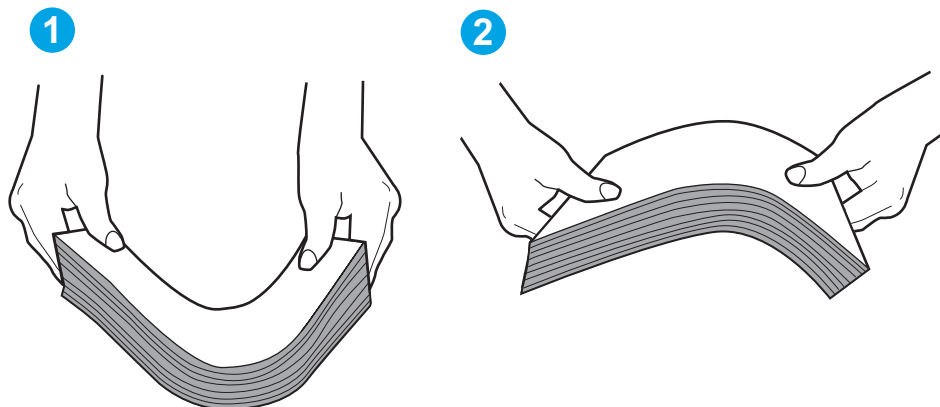
Máy in nạp nhiều giấy

Nếu máy in nạp nhiều giấy từ khay, hãy thử những giải pháp sau.

1. Lấy tập giấy ra khỏi khay và uốn cong tập giấy, xoay tập giấy 180 độ, rồi lật lại. *Không xòe giấy ra*. Đưa tập giấy vào lại khay.

 **GHI CHÚ:** Xòe giấy ra để đưa ra tĩnh điện. Thay vì xòe giấy ra, hãy uốn cong tập giấy bằng cách giữ hai đầu của tập giấy và uốn lên theo hình chữ U. Sau đó, xoay hai đầu xuống ngược hình chữ U. Tiếp theo, giữ mỗi đầu của tập giấy và lặp lại quá trình này. Quá trình này giúp tách giấy ra thành từng tờ riêng lẻ mà không cần đưa ra tĩnh điện. Làm phẳng tập giấy trên mặt bàn trước khi bỏ tập giấy vào khay lại.

Hình 6-7 Cách uốn cong tập giấy



2. Chỉ sử dụng giấy đáp ứng các thông số kỹ thuật của HP cho máy in này.
3. Xác minh độ ẩm trong phòng có nằm trong phạm vi thông số kỹ thuật dành cho máy in không và giấy có đang được lưu trong các gói bị đóng kín. Hầu hết ram giấy được bán trong bao gói cách ẩm để giữ cho giấy luôn khô.

Trong môi trường có độ ẩm cao, giấy nằm ở trên cùng của tập giấy trong khay có thể hấp thu độ ẩm và bề mặt giấy có thể bị nhăn nheo hoặc không đều. Nếu điều này xảy ra, hãy gỡ 5 đến 10 trang trên cùng của tập giấy ra.

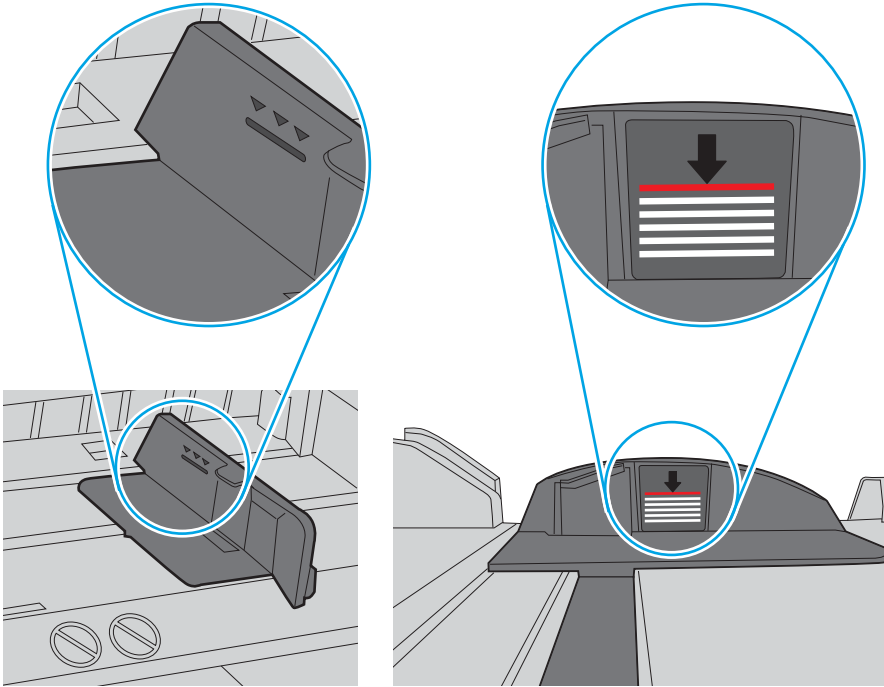
Trong môi trường có độ ẩm thấp, thừa tĩnh điện có thể làm cho các trang giấy dính với nhau. Nếu điều này xảy ra, hãy gỡ giấy ra khỏi khay và uốn cong tập giấy như được mô tả ở trên.

4. Sử dụng giấy không bị nhăn, bị gấp hoặc bị hỏng. Nếu cần, hãy sử dụng giấy từ gói giấy khác.

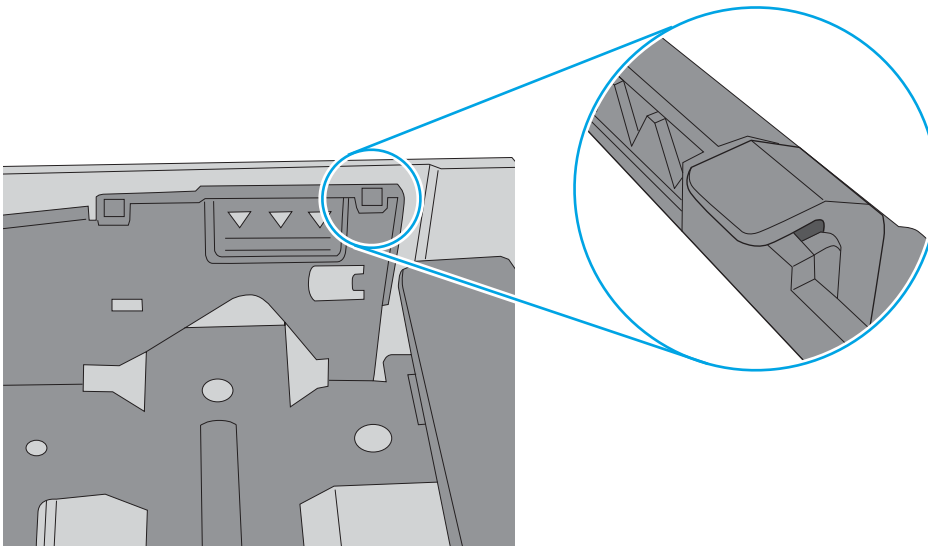
5. Đảm bảo khay không quá đầy bằng cách kiểm tra các dấu chiều cao tập giấy nằm bên trong khay. Nếu khay quá đầy, hãy lấy toàn bộ tập giấy ra khỏi khay, làm phẳng tập giấy, rồi đưa một số giấy vào lại khay.

Hình ảnh sau đây mô tả ví dụ về các dấu chiều cao tập giấy trong các khay cho nhiều máy in khác nhau. Hầu hết máy in HP đều được đánh dấu tương tự như thế này. Đồng thời kiểm tra để chắc rằng tất cả các trang giấy nằm ở dưới các vấu gần dấu chiều cao tập giấy. Các vấu này giúp giữ giấy ở đúng vị trí khi nó đi vào máy in.


Hình 6-8 Dấu chiều cao tập giấy



Hình 6-9 Vấu cho tập giấy

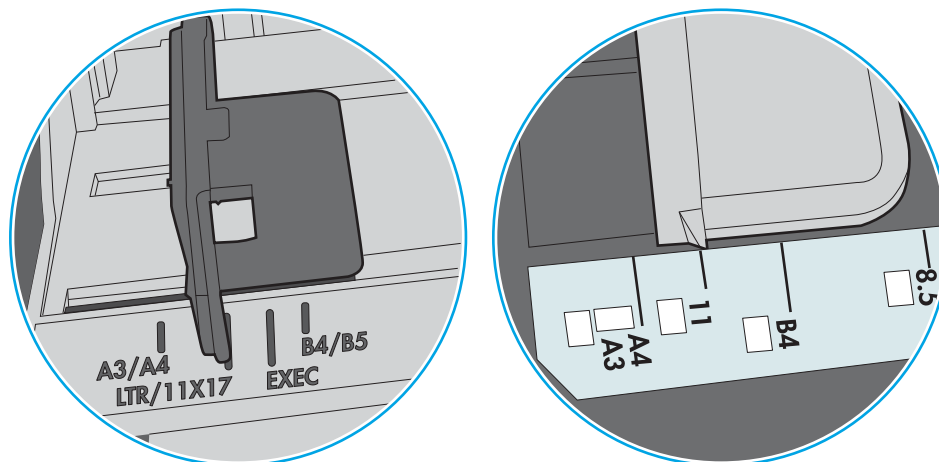


6. Đảm bảo rằng các thanh dẫn giấy trong khay được điều chỉnh chính xác với khổ giấy. Điều chỉnh thanh dẫn theo dấu phù hợp trên khay. Mũi tên trên thanh dẫn khay phải đặt thẳng hàng với dấu đánh trên khay.

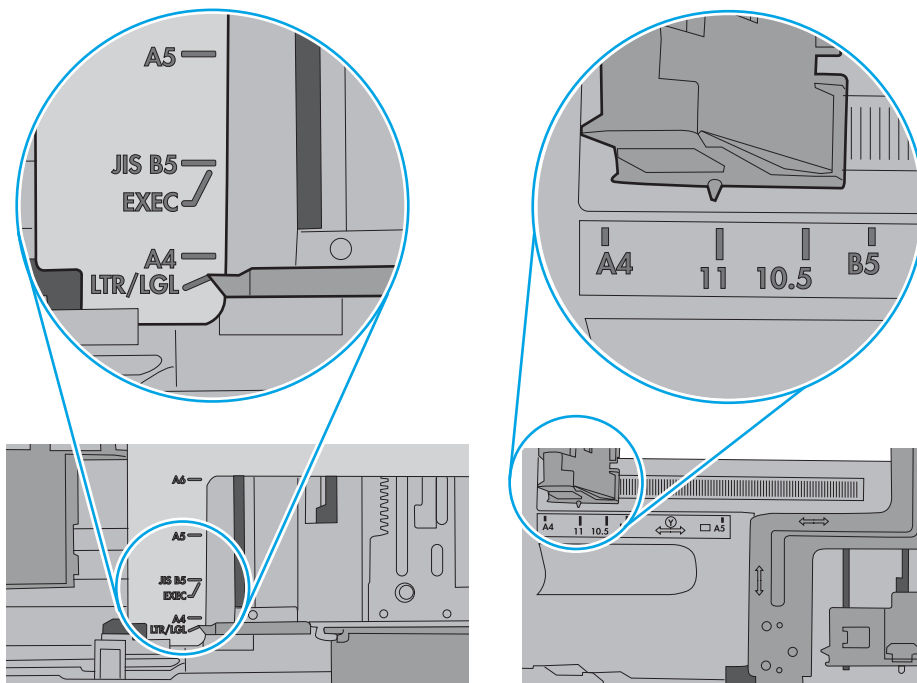
 **GHI CHÚ:** Không điều chỉnh các thanh dẫn giấy quá sát tập giấy. Điều chỉnh chúng theo các dấu trên khay.

Hình ảnh sau đây mô tả ví dụ về các dấu kích thước giấy trong các khay cho nhiều máy in khác nhau. Hầu hết máy in HP đều được đánh dấu tương tự như thế này.

Hình 6-10 Dấu kích thước cho Khay 1 hoặc khay đa năng



Hình 6-11 Dấu kích thước cho khay băng từ



7. Hãy đảm bảo môi trường in có các thông số kỹ thuật được khuyến nghị.

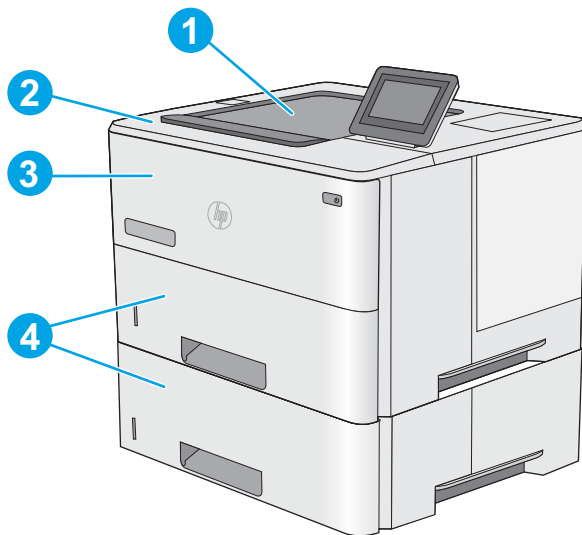
Xử lý kẹt giấy

- [Giới thiệu](#)
- [Vị trí giấy kẹt](#)
- [Tự động điều hướng để tháo giấy kẹt](#)
- [Ban gập phải tình trạng kẹt giấy thường xuyên hoặc tái diễn?](#)
- [Gỡ giấy kẹt trong khay 1—13.A1](#)
- [Gỡ giấy kẹt trong khay 2, khay 3, khay 4, khay 5—13.A2, 13.A3, 13.A4, 13.A5](#)
- [Gỡ bỏ giấy kẹt ở ngăn giấy ra—13.E1](#)
- [Gỡ giấy bị kẹt trong bộ in hai mặt—13.CX.XX, 13.DX.XX](#)
- [Gỡ bỏ giấy kẹt ở khu vực hộp mực in](#)
- [Gỡ giấy kẹt trong cuộn sấy—13.B9, 13.B2, 13.FF](#)

Giới thiệu

Thông tin sau đây bao gồm các hướng dẫn về cách gỡ giấy kẹt khỏi máy in.

Vị trí giấy kẹt



1	Ngăn giấy đầu ra
2	Nắp trên cùng và khu vực hộp mực in
3	Khay 1
4	Khay 2 và các khay 1 x 550 tờ tùy chọn


GHI CHÚ: Tháo Khay 2 để lấy giấy kẹt trong bộ in hai mặt.

Tự động điều hướng để tháo giấy kẹt

Tính năng tự động điều hướng hỗ trợ bạn tháo giấy kẹt bằng cách cung cấp các hướng dẫn từng bước trên bảng điều khiển. Khi hoàn tất một bước, máy in sẽ hiển thị các hướng dẫn cho bước tiếp theo, cho đến khi bạn thực hiện xong tất cả các bước trong quy trình.

Bạn gặp phải tình trạng kẹt giấy thường xuyên hoặc tái diễn?

Để giảm số lần kẹt giấy, hãy thử các giải pháp sau.

 **GHI CHÚ:** Để xem video giới thiệu cách nạp giấy giúp giảm số lượng giấy bị kẹt, nhấp vào [đây](#).

1. Chỉ sử dụng giấy đáp ứng các thông số kỹ thuật của HP cho máy in này.
2. Sử dụng giấy không bị nhăn, bị gấp hoặc bị hỏng. Nếu cần, hãy sử dụng giấy từ gói giấy khác.
3. Sử dụng giấy chưa được in hoặc sao chép trước đó.
4. Đảm bảo rằng khay không bị nạp quá nhiều giấy. Nếu khay quá đầy, hãy lấy toàn bộ tập giấy ra khỏi khay, làm phẳng tập giấy, rồi đưa một số giấy vào lại khay.
5. Đảm bảo rằng các thanh dẫn giấy trong khay được điều chỉnh chính xác với khổ giấy. Điều chỉnh các thanh dẫn để chúng hơi chạm vào tập giấy mà không làm cong giấy.
6. Đảm bảo rằng khay được lắp hoàn toàn vào máy in.
7. Nếu bạn đang in trên giấy nặng, được dập nổi, hoặc được đục lỗ, hãy sử dụng tính năng nạp giấy thủ công và nạp từng tờ một.
8. Mở menu **Trays** (Khay) trên bảng điều khiển của máy in. Kiểm tra và đảm bảo rằng khay được cấu hình chính xác cho loại và kích cỡ giấy.
9. Hãy đảm bảo môi trường in có các thông số kỹ thuật được khuyến nghị.

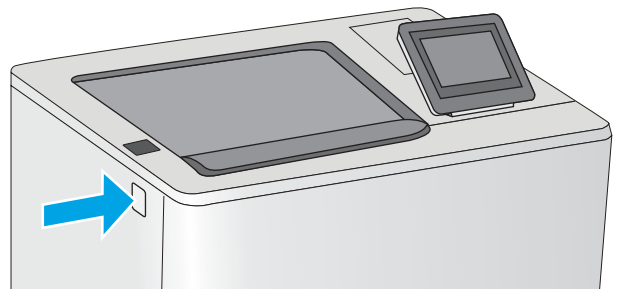
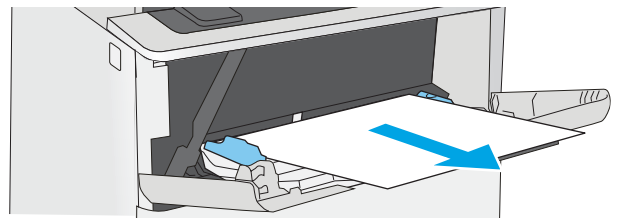
Gỡ giấy kẹt trong Khay 1—13.A1

Sử dụng quy trình sau đây để gỡ kẹt giấy trong Khay 1. Khi bị kẹt giấy, bảng điều khiển hiển thị một hình động để hỗ trợ gỡ giấy kẹt.

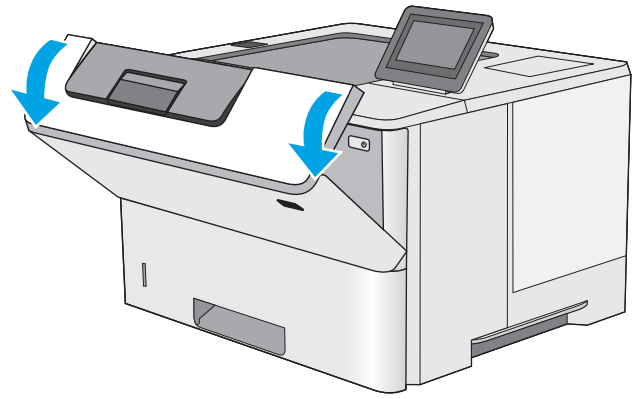
1. Nếu có thể thấy hầu hết tờ giấy trong khay, hãy từ từ kéo giấy khỏi máy in. Kiểm tra chắc chắn rằng toàn bộ tờ giấy đã được tháo ra. Nếu giấy bị rách, hãy tiếp tục thực hiện các bước sau để tìm các mảnh còn dư lại.

Nếu hầu hết tờ giấy đã được kéo ra nằm bên trong máy in, tiếp tục làm các bước sau.

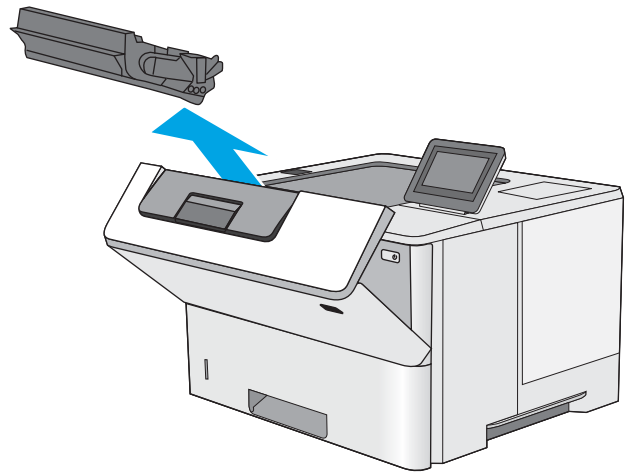
2. Nhấn nút tháo nắp trên cùng ở phía bên trái của máy in.



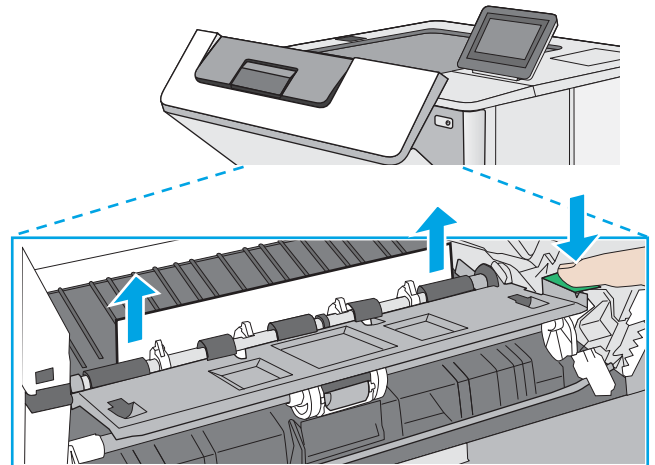
3. Mở cửa trước.



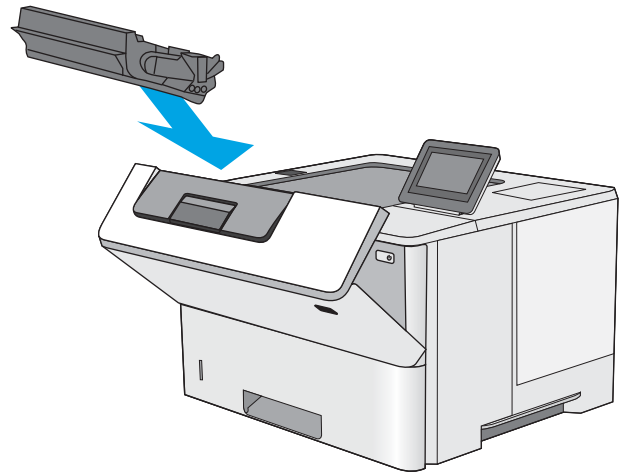
4. Tháo hộp mực in.



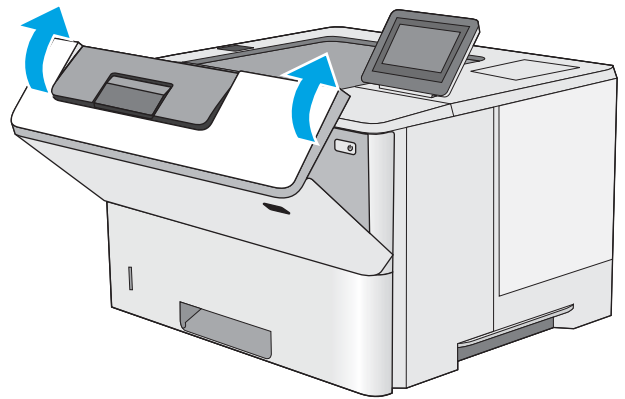
5. Nhấc nắp tháo kẹt giấy và từ từ rút giấy bị kẹt ra. Đừng xé rách giấy.



6. Lắp lại hộp mực in.



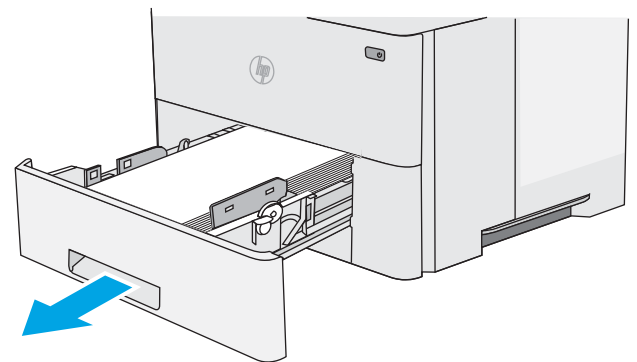
7. Đóng cửa trước.



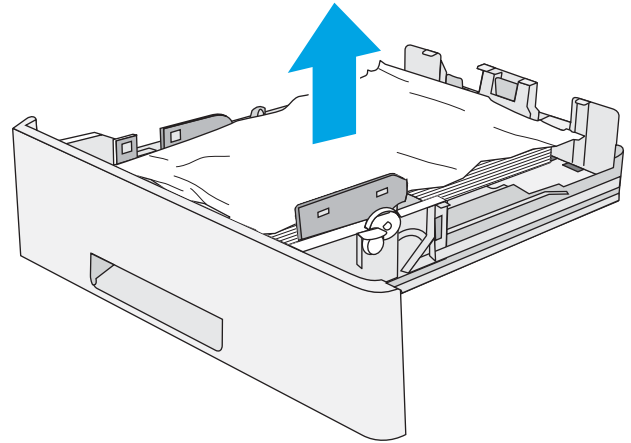
Gỡ giấy kẹt trong khay 2, khay 3, khay 4, khay 5—13.A2, 13.A3, 13.A4, 13.A5

Sử dụng quy trình sau đây để kiểm tra giấy tại tất cả vị trí có thể bị kẹt trong Khay 2 và các khay 550 tờ. Khi bị kẹt giấy, bảng điều khiển hiển thị một hình động để hỗ trợ gỡ giấy kẹt.

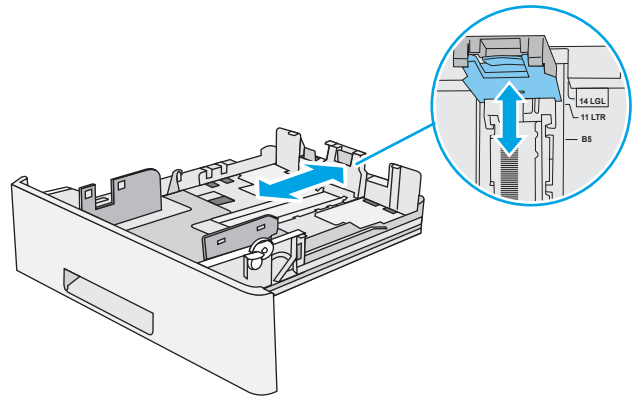
1. Tháo khay ra khỏi máy in.



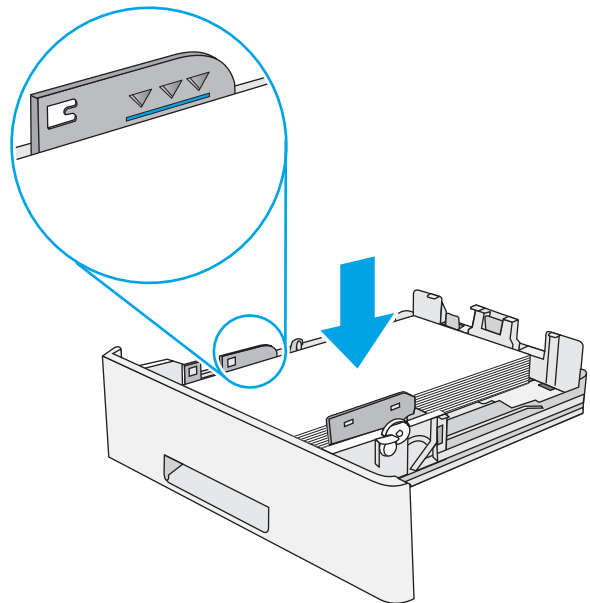
2. Rút giấy khỏi khay và rút bỏ giấy bị hỏng.



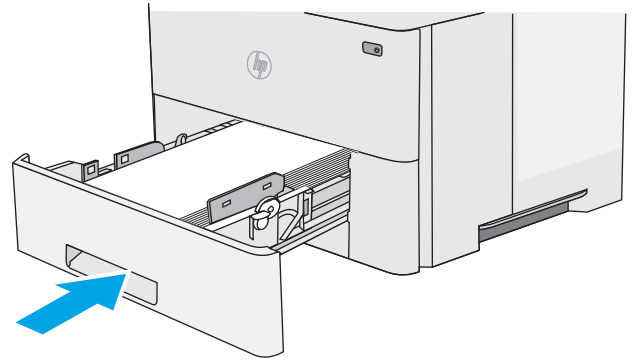
3. Kiểm tra và đảm bảo thanh dẫn giấy phía sau được điều chỉnh lề khớp với khổ giấy chính xác. Nếu cần thiết, kẹp chốt tháo và di chuyển thanh dẫn giấy phía sau tới vị trí chính xác. Thanh dẫn phải khớp vào đúng vị trí.



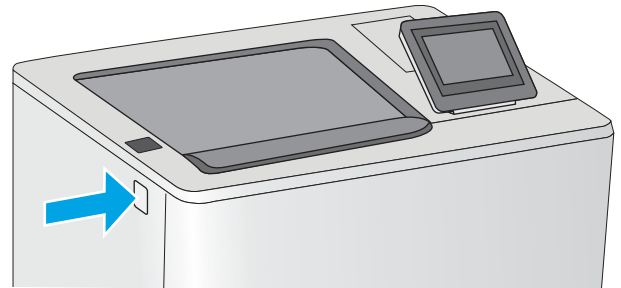
4. Nạp giấy vào khay. Kiểm tra chắc chắn rằng tập giấy đã được đặt phẳng tại tất cả bốn góc và rằng phần trên của tập giấy nằm dưới mức bảo chiều cao tối đa được phép.



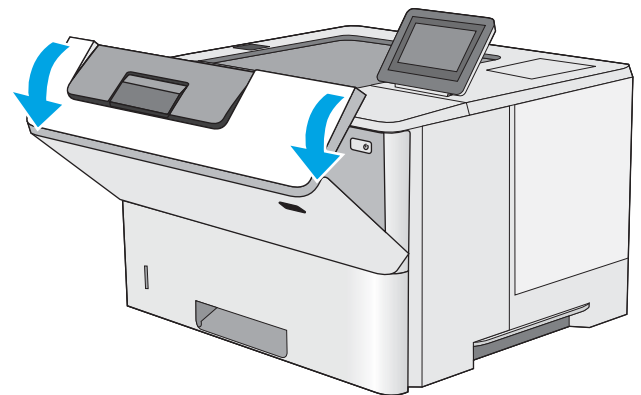
5. Lắp lại và đóng khay.



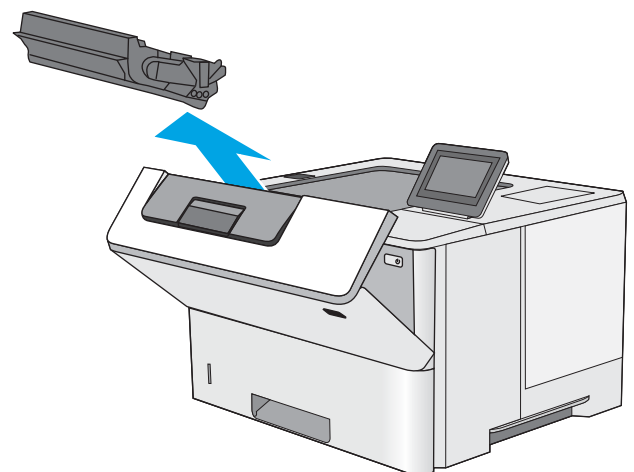
6. Nhấn nút tháo nắp trên cùng ở phía bên trái của máy in.



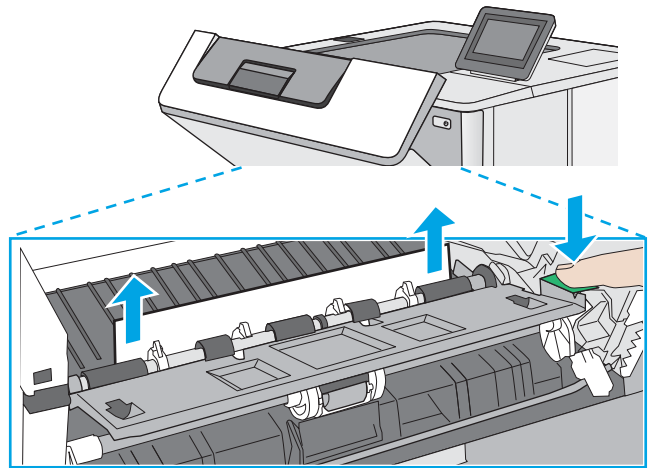
7. Mở cửa trước.



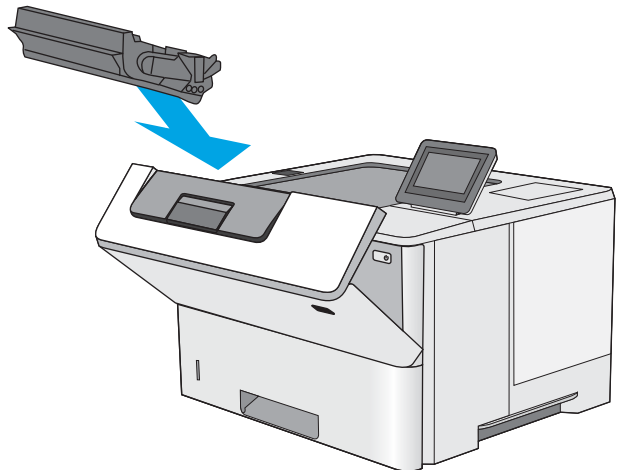
8. Tháo hộp mực in.



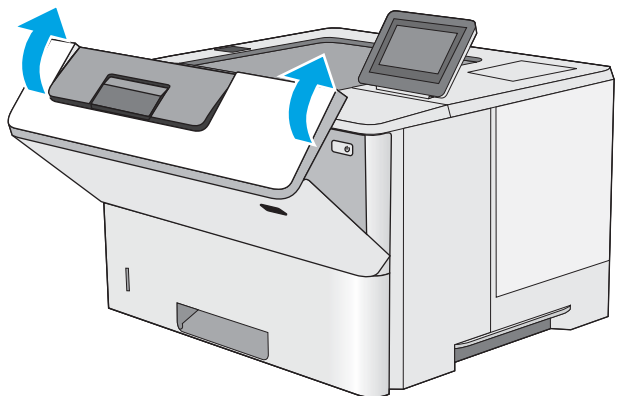
9. Nhấc nắp tháo kẹt giấy và từ từ rút giấy bị kẹt ra. Đừng xé rách giấy.



10. Lắp lại hộp mực in.



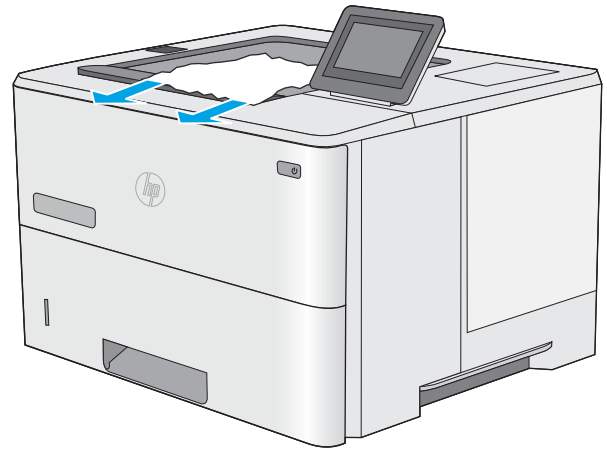
11. Đóng cửa trước.



Gỡ bỏ giấy kẹt ở ngăn giấy ra—13.E1

Sử dụng quy trình sau đây để kiểm tra giấy tại tất cả vị trí có thể bị kẹt ở ngăn giấy ra. Khi bị kẹt giấy, bảng điều khiển hiển thị một hình động để hỗ trợ gỡ giấy kẹt.

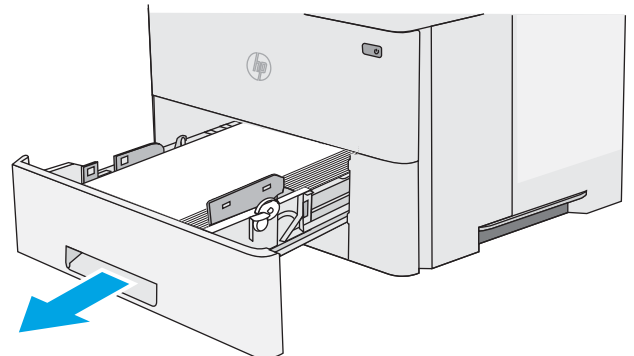
1. Nếu nhìn thấy giấy trong ngăn giấy ra, nắm lấy cạnh trên và tháo nó ra.



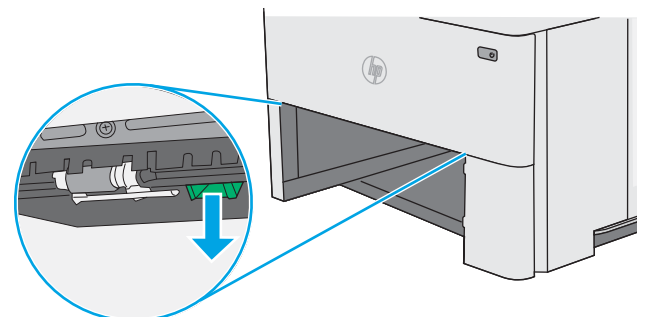
Gỡ giấy bị kẹt trong bộ in hai mặt—13.CX.XX, 13.DX.XX

Sử dụng quy trình sau đây để kiểm tra giấy tại tất cả vị trí có thể bị kẹt ở trong bộ in hai mặt tự động. Khi bị kẹt giấy, bảng điều khiển hiển thị một hình động để hỗ trợ gỡ giấy kẹt.

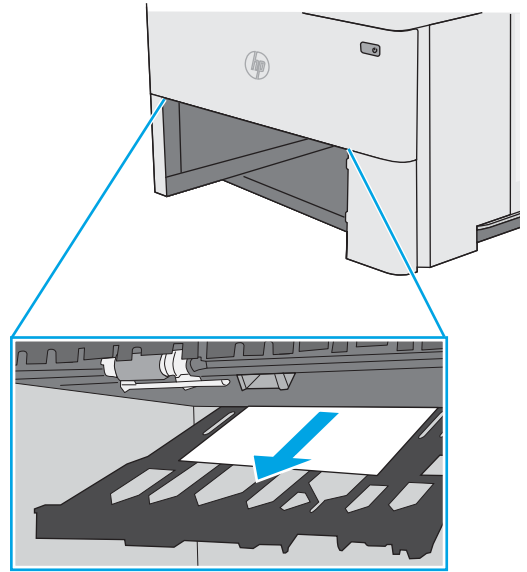
1. Tháo Khay 2 ra khỏi máy in.



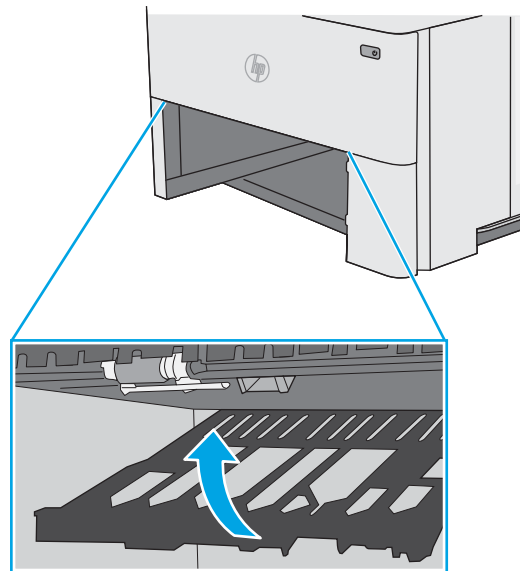
2. Kéo hướng về phía trước trên thẻ chặn màu xanh lá cây bên trong khu vực khay để nhả bàn in hai mặt.



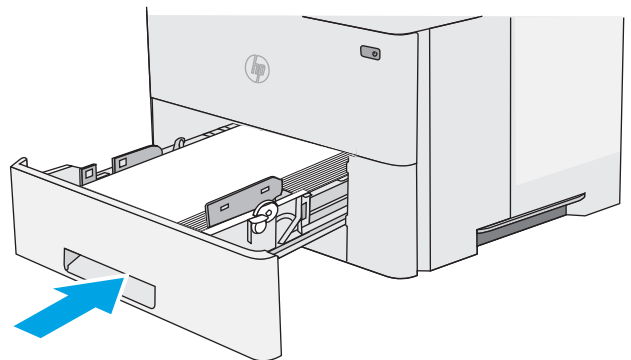
3. Lấy hết giấy bị kẹt ra.



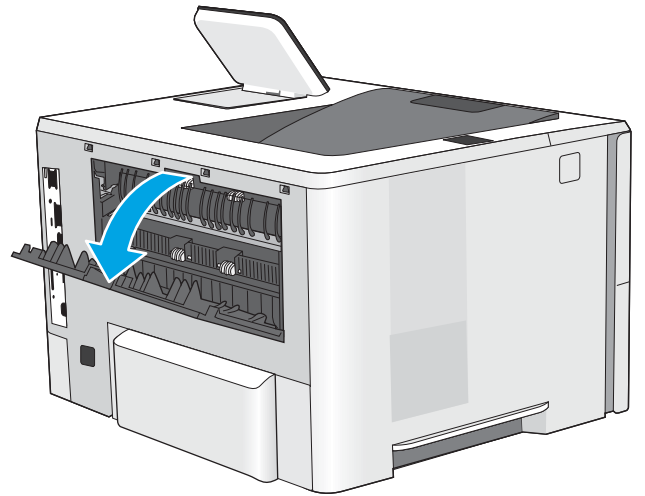
4. Đóng bàn in hai mặt.



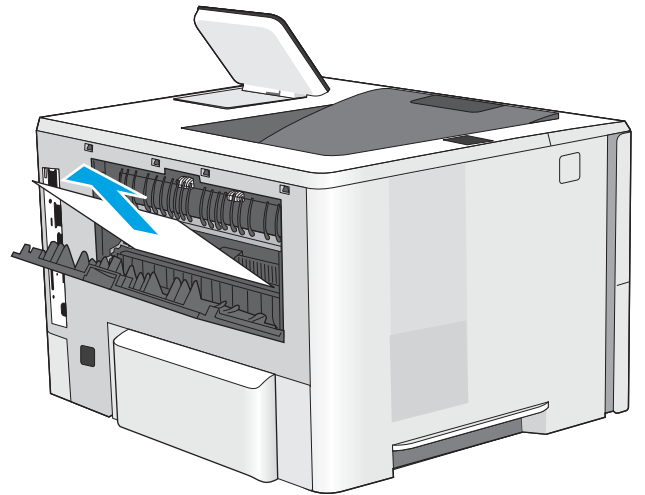
5. Lắp lại và đóng khay.



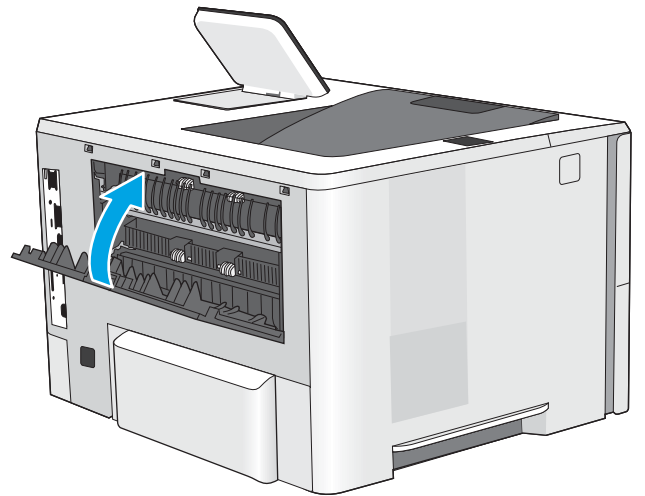
6. Mở cửa sau.



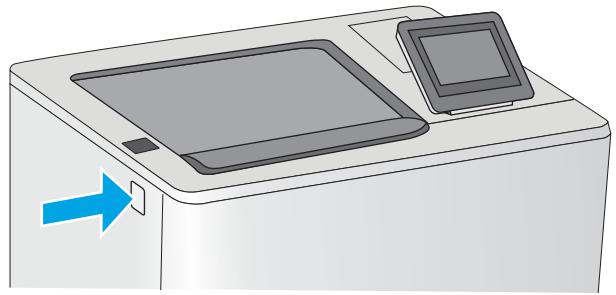
7. Lấy hết giấy bị kẹt ra.



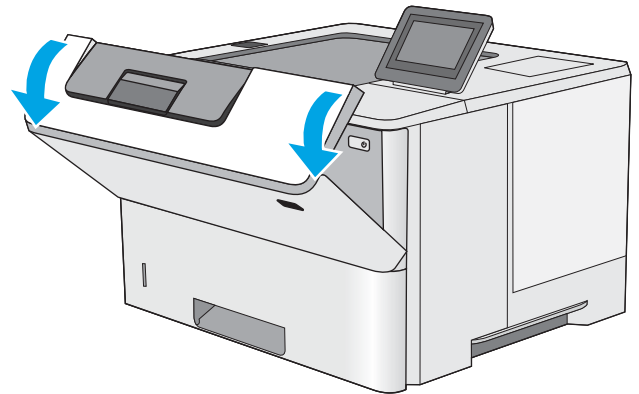
8. Đóng cửa sau lại



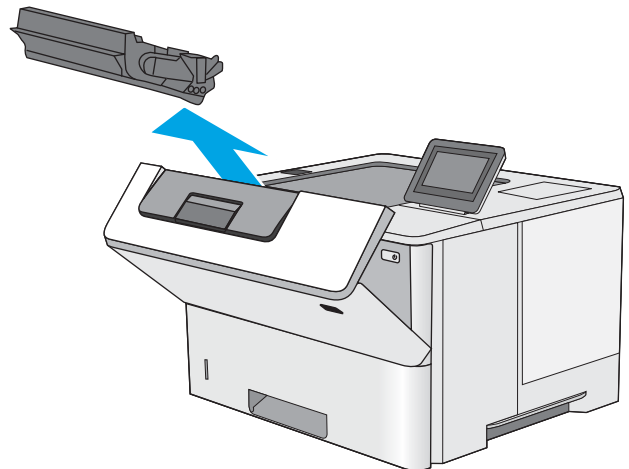
9. Nhấn nút tháo nắp trên cùng ở phía bên trái của máy in.



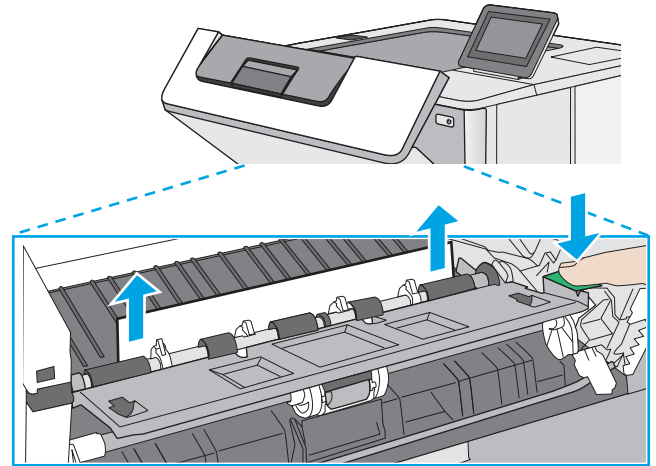
10. Mở cửa trước.



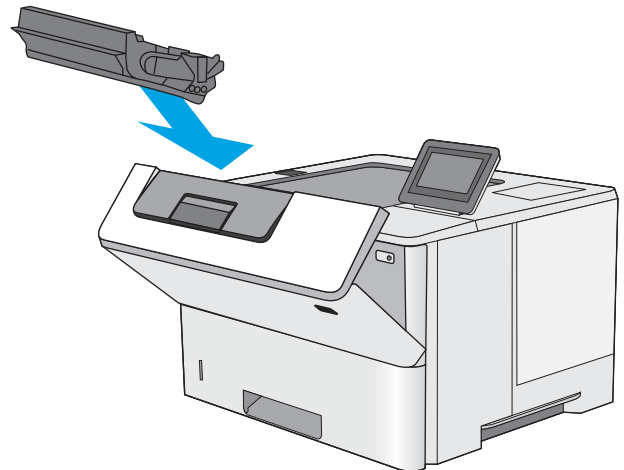
11. Tháo hộp mực in.



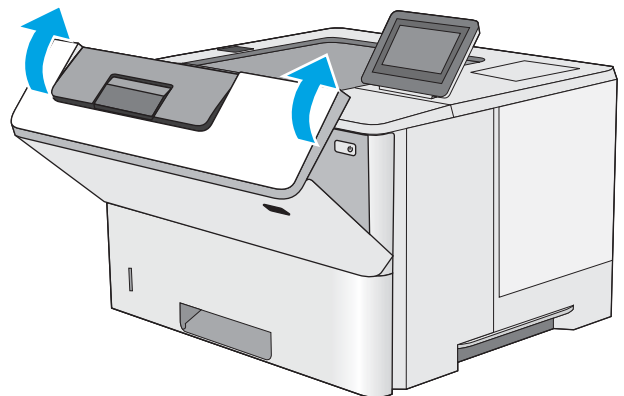
12. Nhấc nắp tháo kẹt giấy và từ từ rút giấy bị kẹt ra. Đừng xé rách giấy.



13. Lắp lại hộp mực in.



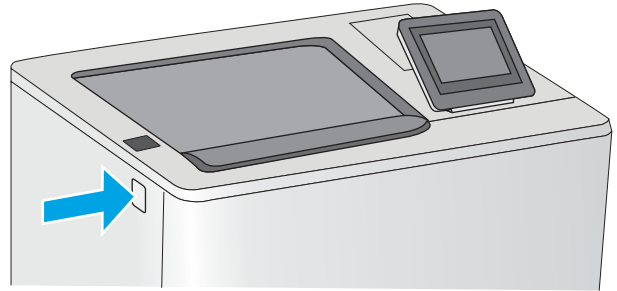
14. Đóng cửa trước.



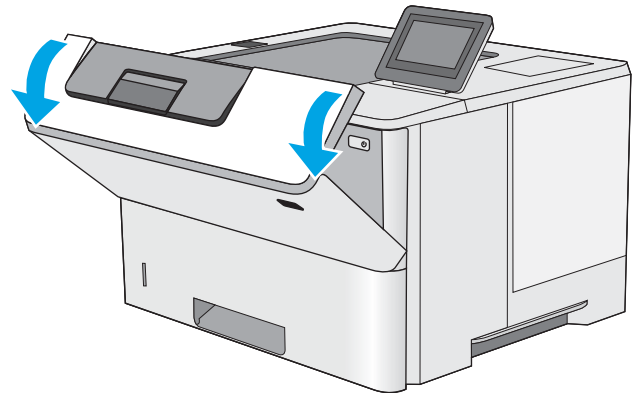
Gỡ bỏ giấy kẹt ở khu vực hộp mực in

Sử dụng quy trình sau đây để kiểm tra giấy tại tất cả vị trí có thể bị kẹt ở khu vực hộp mực. Khi bị kẹt giấy, bảng điều khiển hiển thị một hình động để hỗ trợ gỡ giấy kẹt.

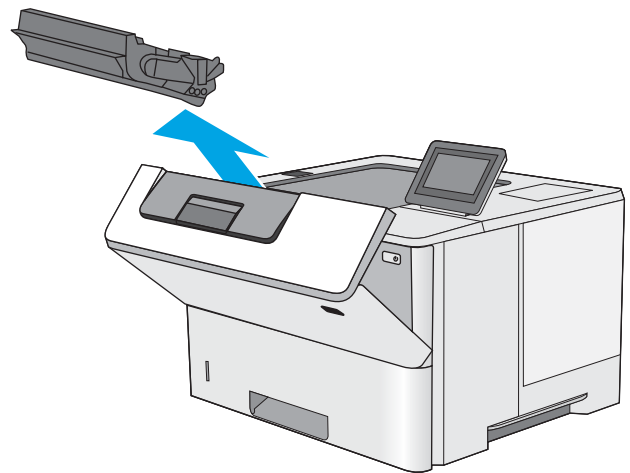
1. Nhấn nút tháo nắp trên cùng ở phía bên trái của máy in.



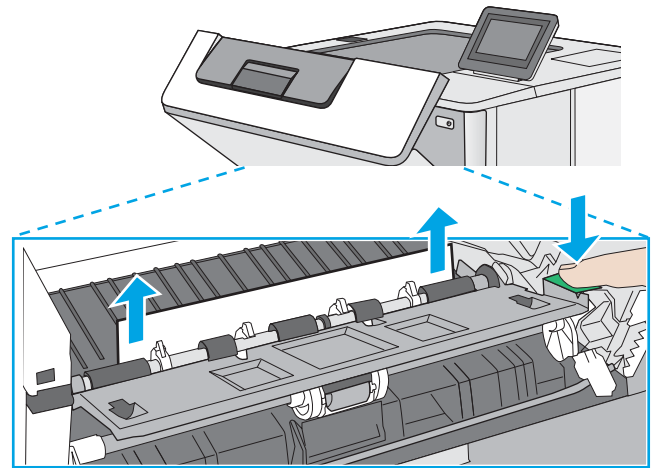
2. Mở cửa trước.



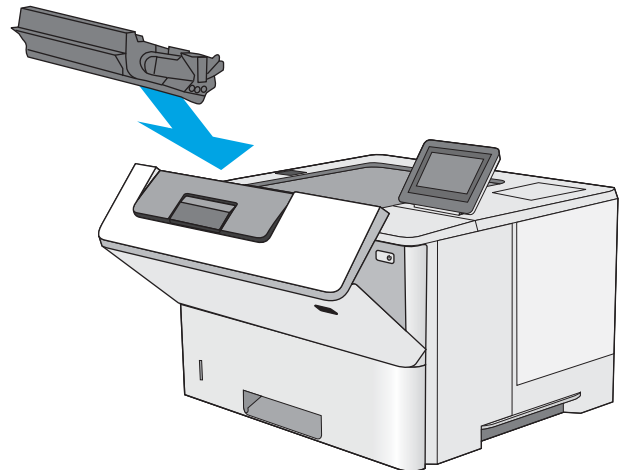
3. Tháo hộp mực in.



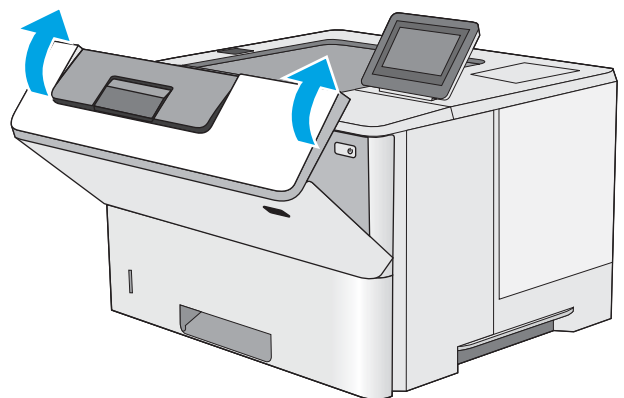
4. Nhấc nắp tháo kẹt giấy và từ từ rút giấy bị kẹt ra. Đừng xé rách giấy.



5. Lắp lại hộp mực in.




6. Đóng nắp trước.

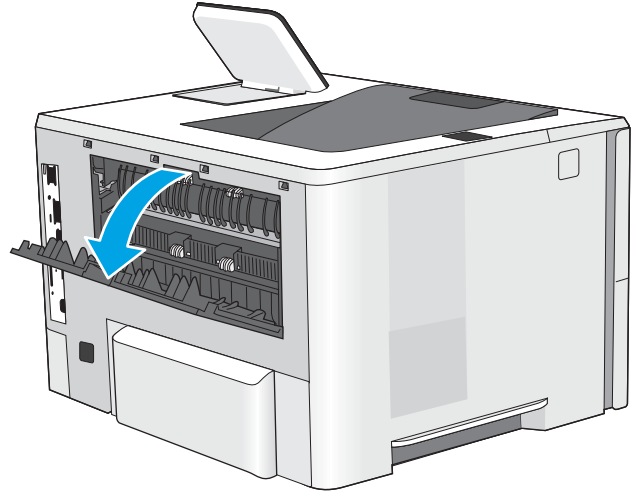


Gỡ giấy kẹt trong cuộn sấy—13.B9, 13.B2, 13.FF

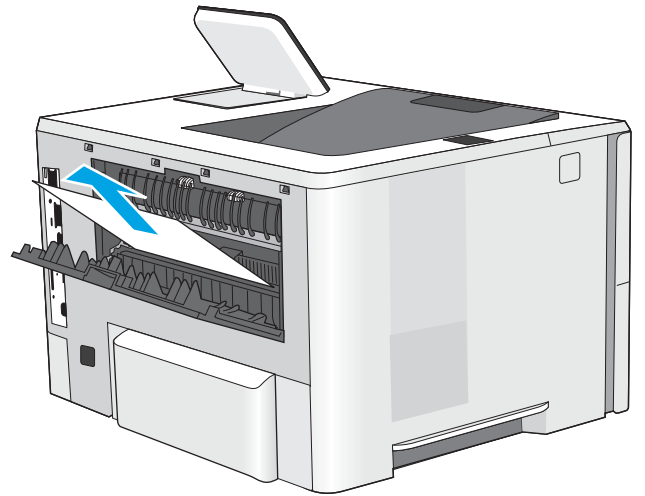
Sử dụng quy trình sau đây để gỡ bỏ giấy kẹt trong cửa phía sau và khu vực cuộn sấy. Khi bị kẹt giấy, bảng điều khiển hiển thị một hình động để hỗ trợ gỡ giấy kẹt.

 **GHI CHÚ:** Cuộn sấy có thể nóng trong khi đang sử dụng máy in. Hãy chờ cho cuộn sấy nguội trước khi xử lý kẹt giấy.

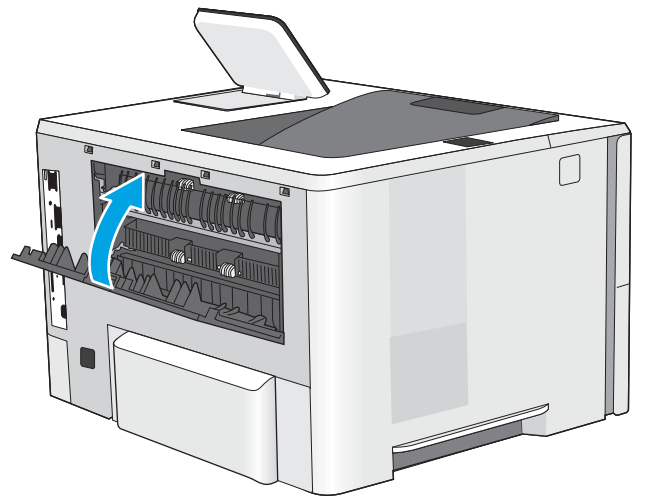
1. Mở cửa sau.



2. Lấy hết giấy bị kẹt ra.



3. Đóng cửa sau lại



Xử lý vấn đề về chất lượng in

- [Giới thiệu](#)
- [Xử lý sự cố về chất lượng in](#)

Giới thiệu

Sử dụng thông tin dưới đây để xử lý sự cố về chất lượng in, kể cả các sự cố về chất lượng hình ảnh.

Các bước xử lý sự cố này có thể giúp khắc phục những lỗi sau đây:

- Trang trống
- Trang đen
- Giấy bị quăn
- Các dải đậm hoặc nhạt
- Đường sọc đậm hoặc nhạt
- In mờ
- Nền xám hoặc in đậm
- In nhạt
- Bột mực không bám dính
- Không có bột mực
- Lốm đốm bột mực
- Hình ảnh bị lệch
- Vết bẩn
- Đường sọc

Xử lý sự cố về chất lượng in

Để giải quyết các sự cố về chất lượng in, hãy thử các bước sau đây theo thứ tự trình bày.

- [Cập nhật chương trình cơ sở của máy in](#)
- [In từ một chương trình phần mềm khác](#)
- [Kiểm tra cài đặt loại giấy cho lệnh in](#)
- [Kiểm tra tình trạng hộp mực in](#)
- [In một trang làm sạch](#)
- [Kiểm tra hộp mực in hoặc hộp mực bằng mắt thường](#)
- [Kiểm tra môi trường in và giấy](#)
- [Thử trình điều khiển in khác](#)
- [Kiểm tra thông số cài đặt EconoMode \(Chế độ tiết kiệm\)](#)
- [Điều chỉnh mật độ in](#)
- [Xử lý lỗi hình ảnh](#)

Để khắc phục lỗi hình ảnh cụ thể, xem phần Xử lý lỗi hình ảnh.

Cập nhật chương trình cơ sở của máy in

Thử nâng cấp chương trình cơ sở của máy in.

Xem www.hp.com/support để biết thêm thông tin.

In từ một chương trình phần mềm khác

Hãy thử in từ một chương trình phần mềm khác. Nếu trang được in đúng, vấn đề nằm ở chương trình phần mềm mà bạn đã sử dụng để in trước đó.

Kiểm tra cài đặt loại giấy cho lệnh in

Kiểm tra cài đặt loại giấy khi in từ một chương trình phần mềm và các trang đã in có các vết bẩn, in mờ hoặc đậm, giấy bị quăn, lổm đổm bột mực, bột mực không bám dính, hoặc một số vùng nhỏ không có bột mực.

- [Kiểm tra cài đặt loại giấy trên máy in](#)
- [Kiểm tra cài đặt loại giấy \(Windows\)](#)
- [Kiểm tra cài đặt loại giấy \(macOS\)](#)

Kiểm tra cài đặt loại giấy trên máy in

Kiểm tra cài đặt loại giấy trên bảng điều khiển máy in và thay đổi cài đặt nếu cần.

1. Mở khay ra.
2. Kiểm tra và đảm bảo rằng khay được nạp đúng loại giấy.
3. Đóng khay giấy.
4. Làm theo các hướng dẫn trên bảng điều khiển để xác nhận hoặc sửa đổi các cài đặt loại giấy cho khay.

Kiểm tra cài đặt loại giấy (Windows)

Kiểm tra cài đặt loại giấy cho Windows và thay đổi cài đặt nếu cần.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in, rồi bấm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn).
3. Nhấp vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).
4. Từ danh sách thả xuống **Paper Type** (Loại giấy), nhấp vào tùy chọn **More...** (Khác).
5. Mở rộng danh sách tùy chọn **Type is:** (Loại là:).
6. Mở rộng danh mục các loại giấy mô tả tốt nhất loại giấy của bạn.
7. Chọn tùy chọn cho loại giấy mà bạn đang sử dụng và nhấp vào nút **OK**.
8. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính tài liệu). Trong hộp thoại **Print** (In), hãy bấm vào nút **OK** để in lệnh in.

Kiểm tra cài đặt loại giấy (macOS)

Kiểm tra cài đặt loại giấy cho macOS và thay đổi cài đặt nếu cần.

1. Nhấp vào menu **File** (Tập tin), sau đó nhấp vào tùy chọn **Print** (In).
2. Trong menu **Printer** (Máy in), hãy chọn máy in.
3. Theo mặc định, trình điều khiển máy in sẽ hiển thị menu **Copies & Pages** (Bản sao & Trang). Mở danh sách menu thả xuống, sau đó nhấp vào menu **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).
4. Chọn một loại từ danh sách thả xuống **Media Type** (Loại phương tiện).
5. Nhấp vào nút **Print** (In).

Kiểm tra tình trạng hộp mực in

Thực hiện theo các bước sau để kiểm tra lượng mực ước tính còn lại trong hộp mực in và tình trạng của các bộ phận bảo trì có thể thay thế nếu có thể.

- [Bước một: In trang tình trạng mực in](#)
- [Bước hai: Kiểm tra tình trạng mực in](#)

Bước một: In trang tình trạng mực in

Trang tình trạng mực in cho biết tình trạng hộp mực.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Reports** (Báo cáo) và chọn biểu tượng **Reports** (Báo cáo).
2. Chọn menu **Configuration/Status Pages** (Trang Cấu hình/Trạng thái).
3. Chọn **Supplies Status Page** (Trang tình trạng mực in) và chọn **Print** (In) để in trang.

Bước hai: Kiểm tra tình trạng mực in

1. Nhìn vào báo cáo tình trạng mực in để kiểm tra phần trăm lượng mực còn lại của hộp mực in và trạng thái của các bộ phận bảo trì có thể thay thế nếu áp dụng.

Các vấn đề về chất lượng in có thể xảy ra khi sử dụng hộp mực in đã hết. Trang tình trạng mực in cho biết khi nào mực in gần hết. Sau khi mực in HP đã đạt tới ngưỡng gần hết, có nghĩa là bảo hành bảo vệ đặc biệt của HP cho mực in đó đã chấm dứt.

Không cần thay thế hộp mực in ngay trừ khi chất lượng in không còn chấp nhận được. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn chấp nhận được.

Nếu bạn xác định rằng bạn cần thay thế hộp mực in hoặc các bộ phận bảo trì có thể thay thế khác, trang tình trạng mực in sẽ liệt kê các số bộ phận HP chính hãng.

2. Kiểm tra xem liệu bạn có đang dùng hộp mực HP chính hãng không.

Hộp mực in HP chính hãng có chữ "HP" ở trên đó, hoặc có logo HP trên đó. Để biết thêm thông tin về việc nhận diện các hộp mực HP, hãy truy cập www.hp.com/go/learnaboutsupplies.

In một trang làm sạch

Trong quá trình in, các hạt bụi, mực in, giấy có thể tích tụ bên trong máy in và có thể gây ra các vấn đề về chất lượng in như vết hoặc đốm mực in, vết bẩn, đường hoặc các vết dầu lặp đi lặp lại.

Làm theo các bước sau đây để làm sạch đường dẫn giấy của máy in.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Support Tools** (Công cụ hỗ trợ) và chọn biểu tượng **Support Tools** (Công cụ hỗ trợ).
2. Chọn các menu sau đây:

- [Maintenance \(Bảo trì\)](#)
- [Calibration/Cleaning \(Cân chỉnh/Làm sạch\)](#)
- [Cleaning Page \(Trang làm sạch\)](#)


3. Chọn **Print (In)** để in trang.

Thông báo **Cleaning...** (Làm sạch...) sẽ hiển thị trên bảng điều khiển của máy in. Quá trình làm sạch kéo dài khoảng vài phút. Không tắt máy in cho đến khi hoàn tất quá trình làm sạch. Khi hoàn tất, hãy hủy bỏ trang đã in.

Kiểm tra hộp mực in hoặc hộp mực bằng mắt thường

Thực hiện theo các bước này để kiểm tra từng hộp mực in.

1. Lấy hộp mực in ra khỏi máy in.
2. Kiểm tra chip bộ nhớ xem có bị hỏng hóc không.
3. Kiểm tra mặt trống hình màu xanh lá cây.

 **THẬN TRỌNG:** Không chạm tay vào trống hình. Dầu vân tay trên trống hình có thể ảnh hưởng đến chất lượng in.

4. Nếu bạn thấy bất kỳ vết xước, dầu vân tay hoặc hỏng hóc nào khác trên trống hình, hãy thay hộp mực in.
5. Lắp lại hộp mực in và in một vài trang để kiểm tra xem vấn đề đã được khắc phục chưa.

Kiểm tra môi trường in và giấy

- [Bước một: Hãy sử dụng giấy đáp ứng thông số kỹ thuật của HP](#)
- [Bước hai: Kiểm tra môi trường](#)
- [Bước ba: Đặt canh chỉnh khay riêng lẻ](#)

Bước một: Hãy sử dụng giấy đáp ứng thông số kỹ thuật của HP

Một số sự cố về chất lượng in xảy ra do dùng giấy không đáp ứng đúng thông số kỹ thuật của HP.

- Luôn dùng loại và trọng lượng giấy mà máy in này hỗ trợ.
- Dùng giấy có chất lượng tốt và không bị rách, không bị răng cưa, cắt, khắc, lõm đốm, vật thể nhỏ, hạt bụi, quăn góc, bị khuyết, có kẹp giấy và quăn hoặc cong cạnh.
- Dùng giấy chưa in.
- Dùng giấy không chứa vật liệu kim loại, như chất liệu lấp lánh.
- Dùng giấy dành riêng cho máy in laser. Không dùng giấy chỉ dành cho máy in Inkjet.
- Không được dùng giấy quá thô. Dùng giấy nhẵn mịn hơn thường đem lại chất lượng in tốt hơn.

Bước hai: Kiểm tra môi trường

Môi trường có thể ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng in và là nguyên nhân phổ biến đối với chất lượng in hoặc các vấn đề về nạp giấy. Hãy thử các giải pháp sau đây:

- Di chuyển máy in ra xa khỏi các vị trí có gió lùa như cửa sổ hay cửa mở hoặc các chỗ quạt thông gió điều hòa.
- Đảm bảo máy in không tiếp xúc với nhiệt độ hoặc độ ẩm nằm ngoài khoảng thông số kỹ thuật của máy in.
- Không đặt máy in trong không gian kín như tủ hộp.
- Đặt máy in trên bề mặt bằng phẳng và vững chắc.
- Loại bỏ bất cứ thứ gì chặn quạt thông gió trên máy in. Máy in cần được thông gió tốt ở tất cả các cạnh, bao gồm cả phần đỉnh của máy in.
- Bảo vệ máy in tránh các mảnh vụn trong không khí, bụi, hơi nước, dầu mỡ hoặc các yếu tố khác có thể tồn dư lại bên trong máy in.

Bước ba: Đặt canh chỉnh khay riêng lẻ

Làm theo các bước sau khi văn bản hoặc ảnh không được đặt ở giữa hoặc canh chỉnh đúng trên trang in, lúc in từ các khay cố định.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng [Settings](#) (Cài đặt) và chọn biểu tượng [Settings](#) (Cài đặt).
2. Chọn các menu sau đây:

- **Copy/Print** (Sao chép/In) hoặc **Print** (In)
 - **Print Quality** (Chất lượng in)
 - **Image Registration** (Đăng ký ảnh)
3. Chọn **Tray** (Khay) và chọn khay để điều chỉnh.
 4. Chọn **Print Test Page** (In trang kiểm tra), sau đó làm theo các hướng dẫn trên các trang in ra.
 5. Chọn **Print Test Page** (In trang kiểm tra) lần nữa để xác nhận các kết quả, sau đó điều chỉnh thêm nếu cần thiết.
 6. Chọn **Done** (Xong) để lưu các cài đặt mới.

Thử trình điều khiển in khác


Hãy thử sử dụng trình điều khiển in khác khi in từ một chương trình phần mềm và trang đã in có các dòng chứa hình ảnh không mong muốn, bị mất chữ, bị mất hình ảnh, định dạng sai hoặc thông chữ bị thay đổi.

Tải xuống bất kỳ trình điều khiển nào sau đây từ trang web của HP: www.hp.com/support/ljM507.

Trình điều khiển HP PCL.6	Nếu có, trình điều khiển in máy in chuyên biệt này hỗ trợ các hệ điều hành cũ hơn như Windows® XP và Windows Vista®. Để biết danh sách các hệ điều hành được hỗ trợ, hãy truy cập vào www.hp.com/go/support .
Trình điều khiển HP PCL 6	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt này hỗ trợ các hệ điều hành Windows 7 trở lên có hỗ trợ trình điều khiển phiên bản 3. Để biết danh sách các hệ điều hành được hỗ trợ, hãy truy cập vào www.hp.com/go/support .
Trình điều khiển HP PCL-6	Trình điều khiển in máy in chuyên biệt này hỗ trợ các hệ điều hành Windows 8 trở lên có hỗ trợ trình điều khiển phiên bản 4. Để biết danh sách các hệ điều hành được hỗ trợ, hãy truy cập vào www.hp.com/go/support .
Trình điều khiển HP UPD PS	<ul style="list-style-type: none"> • Nên dùng để in với chương trình phần mềm Adobe® hay với các chương trình phần mềm đồ họa chuyên sâu khác • Hỗ trợ khi in trong trường hợp cần mô phỏng postscript hoặc hỗ trợ thông chữ nhấp nháy postscript
HP UPD PCL 6	<ul style="list-style-type: none"> • Nên sử dụng khi in trong tất cả các môi trường Windows • Cung cấp tốc độ, chất lượng in tổng thể tốt nhất và hỗ trợ tính năng máy in cho hầu hết người dùng • Được phát triển để tương thích với Graphic Device Interface (GDI) của Windows cho tốc độ tốt nhất trong môi trường Windows • Có thể không tương thích hoàn toàn với các chương trình phần mềm tùy chỉnh hoặc của bên thứ ba dựa trên PCL 5

Kiểm tra thông số cài đặt EconoMode (Chế độ tiết kiệm)

HP không khuyến nghị việc sử dụng thường xuyên Chế độ tiết kiệm (EconoMode). Nếu Chế độ Tiết kiệm được sử dụng thường xuyên, nguồn bột mực có thể dùng được lâu hơn so với các bộ phận máy móc khác trong hộp mực in. Nếu chất lượng in bắt đầu giảm và không còn chấp nhận được, hãy cân nhắc thay thế hộp mực in.

 **GHI CHÚ:** Tính năng này khả dụng với trình điều khiển in PCL 6 dành cho Windows. Nếu bạn không đang sử dụng trình điều khiển đó, bạn có thể bật tính năng này bằng cách sử dụng Máy chủ web nhúng của HP.

Hãy làm theo các bước này nếu toàn bộ trang quá đậm hoặc quá mờ.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn máy in, rồi bấm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn).
3. Nhấp vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng) và xác định vùng **Print Quality** (Chất lượng In).
4. Nếu toàn bộ trang quá đậm, hãy sử dụng cài đặt này:

- Chọn tùy chọn **600 dpi**, nếu có.
- Chọn hộp chọn **EconoMode** (Chế độ Tiết kiệm) để bật chế độ đó.

Nếu toàn bộ trang quá mờ, hãy sử dụng cài đặt này:

- Chọn tùy chọn **FastRes 1200**, nếu có.
 - Bỏ chọn hộp chọn **EconoMode** (Chế độ Tiết kiệm) để tắt chế độ đó.
5. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu). Trong hộp thoại **Print** (In), hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.

Điều chỉnh mật độ in


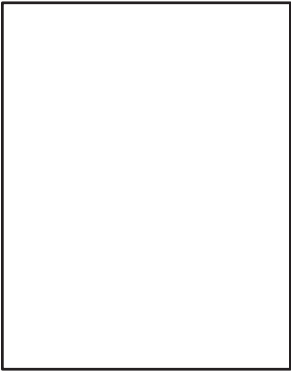

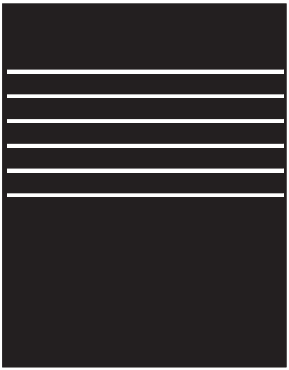
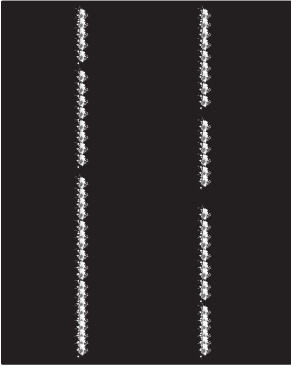
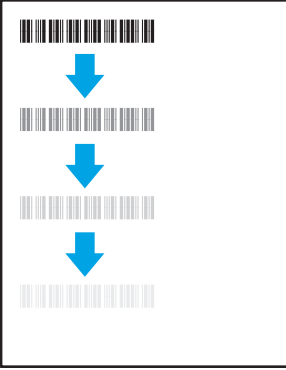
Sử dụng bảng điều khiển máy in để điều chỉnh mật độ in.

1. Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, di chuyển đến ứng dụng **Settings** (Cài đặt) và chọn biểu tượng **Settings** (Cài đặt).
2. Mở các menu sau đây:
 - **Copy/Print** (Sao chép/In) hoặc **Print** (In)
 - **Print Quality** (Chất lượng in)
 - **Toner Density** (Mật độ bột mực)
3. Di chuyển con trượt đến **Less** (Ít hơn) hoặc **More** (Nhiều hơn) để có được cài đặt mật độ mong muốn.

Xử lý lỗi hình ảnh


Xem lại ví dụ về lỗi hình ảnh và các bước giải quyết lỗi này.

Bảng 6-1 Bảng tham khảo nhanh về lỗi hình ảnh

Mẫu	Mô tả	Giải pháp khả thi
Bảng 6-8 In nhạt thuộc trang 131 	Bảng 6-6 Nền xám hoặc in đậm thuộc trang 130 	Bảng 6-4 Trang trống — Không in thuộc trang 128 
Bảng 6-3 Trang đen thuộc trang 128 	Bảng 6-2 Lỗi dải vạch thuộc trang 127 	Bảng 6-10 Lỗi đường sọc thuộc trang 133 
Bảng 6-5 Lỗi hãm ảnh/cuộn sáy thuộc trang 129 	Bảng 6-7 Lỗi sắp xếp hình ảnh thuộc trang 130 	Bảng 6-9 Lỗi đầu ra thuộc trang 132 

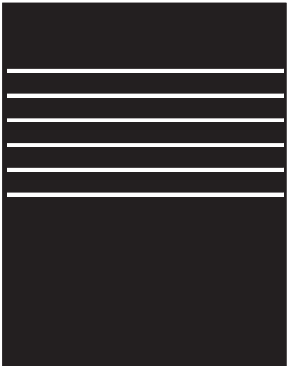
Có thể giải quyết các lỗi hình ảnh, bất kể nguyên nhân nào, bằng các bước giống nhau. Đầu tiên, sử dụng các bước sau đây để giải quyết các vấn đề lỗi hình ảnh.

1. In lại tài liệu. Về bản chất, lỗi chất lượng in có thể thỉnh thoảng xảy ra hoặc hoàn toàn biến mất khi thao tác in được tiếp tục.
2. Kiểm tra tình trạng của hộp mực hoặc các hộp mực. Nếu hộp mực ở tình trạng **Very Low** (Gần hết) (tức là đã qua thời gian sử dụng định mức), hãy thay hộp mực.
3. Đảm bảo các cài đặt chế độ in khay và trình điều khiển phù hợp với vật liệu in được nạp vào khay. Thử sử dụng ram giấy khác hoặc khay khác. Thử sử dụng chế độ in khác.
4. Đảm bảo máy in nằm trong phạm vi nhiệt độ/độ ẩm hoạt động được hỗ trợ.
5. Đảm bảo loại giấy, kích cỡ và trọng lượng giấy được hỗ trợ bởi máy in. Xem trang hỗ trợ máy in tại support.hp.com để biết danh sách các kích cỡ giấy và loại giấy được hỗ trợ cho máy in.


 **GHI CHÚ:** Thuật ngữ "sấy nóng" liên quan đến một phần của quá trình in nơi hộp mực được thêm vào giấy.

Các ví dụ sau đây mô tả giấy Letter đã đi qua cạnh ngấn máy in trước tiên.


Bảng 6-2 Lỗi dải vạch

Mẫu	Mô tả	Giải pháp khả thi
	Các đường đậm hoặc nhạt lặp lại dọc theo chiều dài của giấy và có độ rộng cách nhau lặp lại và/hoặc dải xung. Các đường này có nét đậm hoặc nhạt. Lỗi chỉ hiển thị trong khu vực tô, không hiển thị trong văn bản hoặc những vùng không có nội dung in.	<ol style="list-style-type: none">1. In lại tài liệu.2. Thử in từ một khay khác.3. Thay hộp mực.4. Sử dụng loại giấy khác.5. Chỉ dành cho kiểu máy Enterprise: Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển in, hãy truy cập vào menu Adjust Paper Types (Điều chỉnh loại giấy), sau đó chọn chế độ in được thiết kế cho một vật liệu in nặng hơn một chút so với loại bạn đang dùng. Việc này sẽ làm giảm tốc độ in và có thể cải thiện chất lượng in.6. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập support.hp.com.

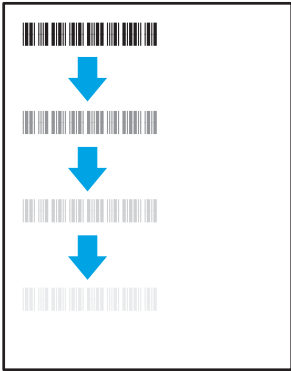
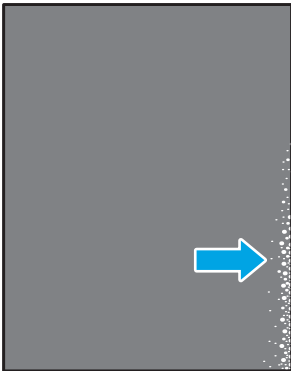
Bảng 6-3 Trang đen

Mẫu	Mô tả	Giải pháp khả thi
	Toàn bộ trang được in đều là màu đen.	<ol style="list-style-type: none">1. Kiểm tra bằng mắt thường xem hộp mực có bị hỏng không.2. Đảm bảo hộp mực được lắp đúng cách.3. Thay hộp mực4. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập support.hp.com.


Bảng 6-4 Trang trống — Không in

Mẫu	Mô tả	Giải pháp khả thi
	Trang để trống hoàn toàn và không có nội dung in.	<ol style="list-style-type: none">1. Đảm bảo đang dùng đúng các hộp mực HP chính hãng.2. Đảm bảo hộp mực được lắp đúng cách.3. In bằng hộp mực khác.4. Kiểm tra loại giấy trong khay giấy và điều chỉnh các cài đặt máy in sao cho phù hợp. Nếu cần, hãy chọn loại giấy nhẹ hơn.5. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập support.hp.com.


Bảng 6-5 Lỗi hãm ảnh/cuộn số

Mẫu	Mô tả	Giải pháp khả thi
	Độ lệch hoặc bóng mờ của hình ảnh lặp lại dọc theo trang. Ảnh lặp lại đó có thể mờ dần theo từng lần xuất hiện.	<ol style="list-style-type: none">1. In lại tài liệu.2. Kiểm tra loại giấy trong khay giấy và điều chỉnh các cài đặt máy in sao cho phù hợp. Nếu cần, hãy chọn loại giấy nhẹ hơn.3. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập support.hp.com.
	Bột mực rải dọc theo cạnh giấy. Lỗi này thường xuất hiện nhiều ở các cạnh của tác vụ có mật độ bao phủ cao và trên loại vật liệu in nhẹ, nhưng có thể xảy ra ở bất kỳ đâu trên trang.	<ol style="list-style-type: none">1. In lại tài liệu.2. Kiểm tra loại giấy trong khay giấy và điều chỉnh các cài đặt máy in sao cho phù hợp. Nếu cần, hãy chọn loại giấy sáng hơn.3. Chỉ dành cho kiểu máy Enterprise: Từ bảng điều khiển máy in, hãy truy cập vào menu Edge-to-Edge (Cạnh đối cạnh), sau đó chọn Normal (Thường). In lại tài liệu.4. Chỉ dành cho kiểu máy Enterprise: Từ bảng điều khiển máy in, chọn Auto Include Margins (Tự động bao gồm lề), sau đó in lại tài liệu.5. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập support.hp.com.


Bảng 6-6 Nền xám hoặc in đậm

Mẫu	Mô tả	Giải pháp khả thi
	Hình ảnh hoặc văn bản được in đậm hơn mong đợi và có nền xám.	<ol style="list-style-type: none">1. Đảm bảo giấy trong khay chưa chạy qua máy in.2. Sử dụng loại giấy khác.3. In lại tài liệu.4. Chỉ dành cho kiểu máy in đơn sắc: Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển máy in, hãy truy cập vào menu Adjust Toner Density (Điều chỉnh mật độ bột mực), sau đó điều chỉnh mật độ bột mực đến mức thấp hơn.5. Đảm bảo máy in nằm trong phạm vi nhiệt độ và độ ẩm hoạt động được hỗ trợ.6. Thay hộp mực.7. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập support.hp.com.


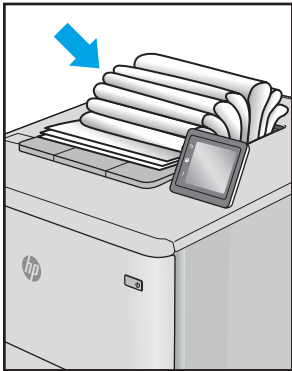
Bảng 6-7 Lỗi sắp xếp hình ảnh

Mẫu	Mô tả	Giải pháp khả thi
	Hình ảnh không nằm ở giữa hoặc bị nghiêng lệch trên trang. Lỗi xuất hiện do giấy không được đặt theo đúng cách khi bị kéo ra khỏi khay và đi qua đường dẫn giấy.	<ol style="list-style-type: none">1. In lại tài liệu.2. Lấy giấy ra và nạp lại khay. Đảm bảo tất cả các cạnh giấy xếp đồng đều nhau ở mọi bên.3. Đảm bảo mặt trên của tập giấy ở dưới chỉ báo khay đầy. Không nạp quá nhiều giấy vào khay.4. Đảm bảo thanh dẫn giấy đã được chỉnh đúng theo khổ giấy. Không điều chỉnh các thanh dẫn giấy quá sát tập giấy. Điều chỉnh chúng theo các dấu trên khay.5. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập support.hp.com.

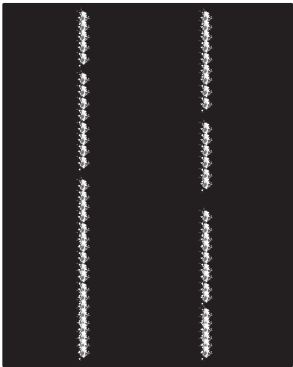
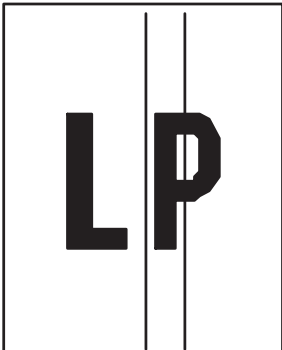
Bảng 6-8 In nhạt

Mẫu	Mô tả	Giải pháp khả thi
	Nội dung được in trên toàn bộ trang bị nhạt hoặc không rõ.	<ol style="list-style-type: none">1. In lại tài liệu.2. Tháo hộp mực, sau đó lắc để phân phối lại bột mực.3. Chỉ dành cho kiểu máy in đơn sắc: Đảm bảo cài đặt EconoMode đã tắt trên cả bảng điều khiển máy in và trong trình điều khiển in.4. Đảm bảo hộp mực được lắp đúng cách.5. In Trang tình trạng mực in và kiểm tra thời gian và cách sử dụng hộp mực.6. Thay hộp mực.7. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập support.hp.com.

Bảng 6-9 Lỗi đầu ra

Mẫu	Mô tả	Giải pháp khả thi
	<p>Cạnh giấy in ra bị quăn. Cạnh quăn có thể dọc theo bên ngắn hay dài của giấy. Có thể có hai kiểu quăn:</p> <ul style="list-style-type: none">• Quăn vào: Đường cong giấy hướng về phía được in. Lỗi xuất hiện trong các môi trường khô hoặc khi in các trang mật độ bao phủ cao.• Quăn ra: Đường cong giấy hướng cách xa phía được in. Lỗi xuất hiện trong các môi trường độ ẩm cao hoặc khi in các trang mật độ bao phủ thấp.	<ol style="list-style-type: none">1. In lại tài liệu.2. Quăn vào: Từ bảng điều khiển máy in, chọn loại giấy nặng hơn. Loại giấy nặng hơn tạo ra nhiệt độ cao hơn để in. Quăn ra: Từ bảng điều khiển máy in, chọn loại giấy nhẹ hơn. Loại giấy nhẹ hơn tạo ra nhiệt độ thấp hơn để in. Thử bảo quản giấy trong một môi trường khô trước khi dùng hoặc sử dụng giấy mới hoàn toàn.3. In ở chế độ in hai mặt.4. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập support.hp.com.
	<p>Giấy không xếp chồng đúng trong khay giấy ra. Chồng giấy có thể không đều, bị lệch, hoặc các trang có thể bị đẩy ra khỏi khay và rơi trên sàn. Lỗi xảy ra do một các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none">• Giấy bị quăn nhiều• Giấy trong khay bị nhàu nát hoặc méo mó• Không phải loại giấy tiêu chuẩn, ví dụ như phong bì• Khay giấy ra quá đầy	<ol style="list-style-type: none">1. In lại tài liệu.2. Kéo dài phần mở rộng của ngăn giấy ra.3. Nếu là lỗi do giấy bị quăn nhiều, hãy hoàn tất các bước xử lý sự cố cho "Giấy ra bị quăn".4. Sử dụng loại giấy khác.5. Sử dụng giấy mới hoàn toàn.6. Lấy giấy ra khỏi khay giấy ra trước khi khay quá đầy.7. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập support.hp.com.

Bảng 6-10 Lỗi đường sọc

Mẫu	Mô tả	Giải pháp khả thi
	Các đường dọc nhạt thường kéo dài qua chiều dài của giấy. Lỗi chỉ hiển thị trong khu vực tô, không hiển thị trong văn bản hoặc những vùng không có nội dung in.	<ol style="list-style-type: none">1. In lại tài liệu.2. Tháo hộp mực, sau đó lắc để phân phối lại bột mực.3. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập support.hp.com. <p>GHI CHÚ: Cả đường sọc dọc đậm hoặc nhạt có thể xảy ra khi môi trường in nằm ngoài phạm vi nhiệt độ hoặc độ ẩm được chỉ định. Tham khảo các thông số kỹ thuật môi trường của máy in để biết các mức nhiệt độ và độ ẩm cho phép.</p>
	Các đường dọc đậm xuất hiện dọc theo chiều dài của giấy. Lỗi có thể xảy ra ở bất kỳ chỗ nào trên trang, trong khu vực tô hoặc những vùng không có nội dung in.	<ol style="list-style-type: none">1. In lại tài liệu.2. Tháo hộp mực, sau đó lắc để phân phối lại bột mực.3. In một trang làm sạch.4. Kiểm tra mức bột mực trong hộp mực.5. Nếu sự cố vẫn còn, hãy truy cập support.hp.com.

Giải quyết sự cố xảy ra với mạng có dây

- [Giới thiệu](#)
- [Kết nối vật lý kém](#)
- [Máy tính không thể giao tiếp với máy in](#)
- [Máy in đang sử dụng liên kết và cài đặt in hai mặt không đúng cho mạng này](#)
- [Các chương trình phần mềm mới đã gây ra sự cố tương thích](#)
- [Máy tính của bạn hoặc máy trạm bị cài đặt sai](#)
- [Máy in bị tắt, hoặc các cài đặt mạng khác bị sai](#)

Giới thiệu

Một số loại vấn đề có thể cho biết có sự cố truyền tín hiệu mạng. Các vấn đề này bao gồm các sự cố sau:

Kết nối vật lý kém

1. Hãy kiểm tra xem máy in có được cắm vào đúng cổng mạng bằng cáp có độ dài phù hợp không.
2. Hãy kiểm tra xem các kết nối cáp có chắc không.
3. Kiểm tra kết nối cổng mạng trên mặt sau của máy in và chắc chắn rằng đèn hoạt động màu hổ phách nhấp nháy cho biết lưu lượng mạng và đèn báo tình trạng liên kết màu xanh lá cây vẫn sáng liên tục cho biết một liên kết mạng.
4. Nếu vẫn có vấn đề, hãy thử dùng dây cáp hoặc cổng khác trên bộ hub.

Máy tính không thể giao tiếp với máy in

1. Kiểm tra kết nối mạng bằng cách ping mạng.
 - a. Mở lời nhắc dòng lệnh trên máy tính của bạn.
 - Đối với Windows, hãy nhấp **Start** (Bắt đầu), nhấp **Run** (Chạy), gõ `cmd` sau đó nhấn **Enter**.
 - Đối với macOS, hãy truy cập **Applications** (Ứng dụng), rồi đến **Utilities** (Tiện ích) và mở **Terminal** (Thiết bị đầu cuối).
 - b. Nhập `ping` và địa chỉ IP cho máy in của bạn.
 - c. Nếu cửa sổ hiển thị thời gian hai chiều, thì mạng đang hoạt động.
2. Nếu lệnh ping báo lỗi, kiểm tra xem hub mạng có bật hay không, sau đó kiểm tra các cài đặt mạng, máy in và máy tính được cấu hình dùng chung một mạng (còn được biết đến như là mạng phụ).
3. Mở thuộc tính máy in và nhấp vào tab **Ports** (Cổng). Kiểm tra xem địa chỉ IP hiện tại cho máy in có được chọn không. Địa chỉ IP của máy in được liệt kê trên trang cấu hình máy in.
4. Nếu bạn đã cài đặt máy in bằng cổng TCP/IP chuẩn HP, hãy chọn ô **Always print to this printer, even if its IP address changes** (Luôn in vào máy in này, ngay cả khi địa chỉ IP thay đổi).

5. Nếu bạn đã cài đặt máy in bằng cổng TCP/IP chuẩn Microsoft, hãy sử dụng tên máy chủ của máy in thay cho địa chỉ IP.
6. Nếu đúng địa chỉ IP, hãy xóa máy in và sau đó thêm lại.

Máy in đang sử dụng liên kết và cài đặt in hai mặt không đúng cho mạng này

HP khuyên bạn để những cài đặt này ở chế độ tự động (cài đặt mặc định). Nếu bạn thay đổi những thông số cài đặt này, bạn cũng phải thay đổi chúng cho mạng của bạn.

Các chương trình phần mềm mới đã gây ra sự cố tương thích

Xác minh rằng mọi chương trình phần mềm mới đều được cài đặt đúng cách và sử dụng trình điều khiển in phù hợp.

Máy tính của bạn hoặc máy trạm bị cài đặt sai

1. Hãy kiểm tra các trình điều khiển mạng, trình điều khiển in và cài đặt chuyển hướng mạng.
2. Kiểm tra xem hệ điều hành có được cấu hình đúng không.

Máy in bị tắt, hoặc các cài đặt mạng khác bị sai


1. Xem lại trang cấu hình/mạng của máy in để kiểm tra tình trạng của các cài đặt và giao thức mạng.
2. Định cấu hình lại cài đặt mạng nếu cần.


Giải quyết sự cố xảy ra với mạng không dây

- [Giới thiệu](#)
- [Danh sách kiểm tra kết nối mạng không dây](#)
- [Máy in không in sau khi định cấu hình mạng không dây hoàn tất](#)
- [Máy in không in và máy tính đã cài đặt tường lửa của bên thứ ba](#)
- [Kết nối không dây không hoạt động sau khi di chuyển bộ định tuyến của mạng không dây hoặc máy in](#)
- [Không thể kết nối thêm máy tính với máy in không dây](#)
- [Máy in không dây mất liên lạc khi được kết nối với VPN](#)
- [Mạng không xuất hiện trong danh sách mạng không dây](#)
- [Mạng không dây không hoạt động](#)
- [Giảm nhiễu trên mạng không dây](#)

Giới thiệu

Dùng thông tin xử lý sự cố để giúp giải quyết các sự cố.

 **GHI CHÚ:** Để xác định có bật HP NFC, Wi-Fi, BLE hoặc các chức năng in không dây khác trên máy in của bạn hay không, hãy in trang cấu hình từ bảng điều khiển của máy in

 **GHI CHÚ:** Nếu đang bị gián đoạn mất kết nối mạng, trước tiên hãy cập nhật chương trình cơ sở của máy in. Để được hướng dẫn cách cập nhật chương trình cơ sở của máy in, hãy truy cập <http://support.hp.com>, tìm máy in của bạn, rồi tìm “cập nhật chương trình cơ sở.”

Danh sách kiểm tra kết nối mạng không dây

- Đối với máy in không hỗ trợ các kết nối có dây và không dây cùng lúc, hãy xác minh rằng cáp mạng không được kết nối.
- Xác minh máy in và bộ định tuyến mạng không dây đã được bật và có điện. Đồng thời đảm bảo rằng bộ thu tín hiệu mạng không dây của máy in đã được bật. (Đèn báo mạng không dây sáng liên tục khi máy in được kết nối với mạng không dây và nhấp nháy khi máy in đang dò tìm mạng không dây.)
- Xác minh rằng số nhận dạng do dịch vụ đặt (SSID) là chính xác:
 - Để có kết nối không dây đến mạng của bạn, hãy xác nhận rằng thiết bị di động của bạn đang kết nối đến đúng bộ định tuyến/điểm truy cập.
 - Để có kết nối Wi-Fi Direct, hãy in một trang cấu hình để xác định SSID của máy in.

Nếu bạn không chắc liệu SSID có chính xác hay không, hãy chạy lại thiết lập mạng không dây.

- Với các mạng bảo mật, hãy xác minh rằng thông tin bảo mật là chính xác. Nếu thông tin bảo mật không chính xác, hãy chạy lại thiết lập mạng không dây.

- Nếu mạng không dây hoạt động chính xác, hãy thử truy cập vào các máy tính khác trên mạng không dây. Nếu mạng có truy cập Internet, hãy thử kết nối với Internet qua kết nối mạng không dây.
- Xác minh rằng phương thức mã hóa (AES hoặc TKIP) của máy in giống với phương thức mã hóa dành cho điểm truy cập không dây (trên các mạng sử dụng bảo mật WPA).
- Xác minh rằng máy in nằm trong phạm vi của mạng không dây. Đối với hầu hết các mạng, máy in phải nằm trong phạm vi 30 m so với điểm truy cập không dây (bộ định tuyến mạng không dây).
- Xác minh rằng các vật cản không chặn tín hiệu của mạng không dây. Loại bỏ bất kỳ vật kim loại lớn nào giữa điểm truy cập và máy in. Đảm bảo các cột, tường hoặc các trụ chống đỡ có chứa kim loại hoặc bê tông không ngăn cách máy in và điểm truy cập không dây.
- Xác minh rằng máy in được đặt cách xa các thiết bị điện có thể gây nhiễu tín hiệu của mạng không dây. Nhiều thiết bị có thể gây nhiễu tín hiệu của mạng không dây, trong đó gồm có động cơ, điện thoại không dây, camera hệ thống an ninh, các mạng không dây khác và một số thiết bị Bluetooth.
- Xác minh rằng trình điều khiển in đã được cài đặt trên máy tính.
- Xác minh rằng bạn đã chọn đúng cổng máy in.
- Xác minh rằng máy tính và máy in kết nối với cùng một mạng không dây.
- Nếu môi trường của bạn có nhiều tín hiệu mạng không dây và bạn cần máy in hỗ trợ mạng dải kép trên cả hai tần số 2,4 GHz và 5 GHz, hãy lắp đặt phụ kiện máy chủ in HP Jetdirect 2900nw.
- Đối với macOS, xác minh rằng bộ định tuyến không dây hỗ trợ Bonjour.

Máy in không in sau khi định cấu hình mạng không dây hoàn tất

1. Hãy chắc chắn là máy in đang được bật và ở trạng thái sẵn sàng.
2. Tắt mọi tường lửa của bên thứ ba trên máy tính của bạn.
3. Đảm bảo rằng mạng không dây hoạt động chính xác.
4. Đảm bảo rằng máy tính của bạn hoạt động chính xác. Nếu cần, hãy khởi động lại máy tính.
5. Xác nhận bạn có thể mở Máy chủ web nhúng của HP từ một máy tính trên mạng.

Máy in không in và máy tính đã cài đặt tường lửa của bên thứ ba

1. Cập nhật tường lửa bằng bản cập nhật mới nhất hiện có của nhà sản xuất.
2. Nếu chương trình yêu cầu truy cập tường lửa khi bạn cài đặt máy in hoặc cố gắng in, hãy đảm bảo bạn cho phép chương trình chạy.
3. Tạm thời tắt tường lửa, sau đó cài đặt máy in không dây trên máy tính. Bật tường lửa khi bạn đã kết thúc quá trình cài đặt không dây.

Kết nối không dây không hoạt động sau khi di chuyển bộ định tuyến của mạng không dây hoặc máy in

1. Đảm bảo rằng bộ định tuyến hoặc máy in kết nối với cùng một mạng mà máy tính kết nối với.
2. In một trang cấu hình.
3. So sánh số nhận dạng do dịch vụ đặt (SSID) trên trang cấu hình với SSID trong cấu hình máy in của máy tính.
4. Nếu hai số này không giống nhau, thiết bị hiện không kết nối với cùng một mạng. Định lại cấu hình thiết lập mạng không dây cho máy in.

Không thể kết nối thêm máy tính với máy in không dây

1. Đảm bảo rằng các máy tính khác nằm trong phạm vi của mạng không dây và không có vật cản nào chặn tín hiệu. Đối với hầu hết các mạng, phạm vi của mạng không dây nằm trong vòng 30 m của điểm truy cập không dây.
2. Hãy chắc chắn là máy in đang được bật và ở trạng thái sẵn sàng.
3. Đảm bảo rằng không có nhiều hơn 5 người dùng Wireless Print Direct cùng một lúc.
4. Tắt mọi tường lửa của bên thứ ba trên máy tính của bạn.
5. Đảm bảo rằng mạng không dây hoạt động chính xác.
6. Đảm bảo rằng máy tính của bạn hoạt động chính xác. Nếu cần, hãy khởi động lại máy tính.

Máy in không dây mất liên lạc khi được kết nối với VPN

- Thông thường, bạn không thể kết nối với VPN và các mạng khác cùng một lúc.

Mạng không xuất hiện trong danh sách mạng không dây

- Đảm bảo bộ định tuyến không dây được bật và có điện.
- Mạng có thể bị ẩn. Tuy nhiên, bạn vẫn có thể kết nối với mạng bị ẩn. Đảm bảo rằng bộ định tuyến/điểm truy cập đang thông báo SSID bằng cách kiểm tra SSID trong các mạng khả dụng mà thiết bị di động của bạn nhìn thấy được.

Mạng không dây không hoạt động

1. Đối với máy in không hỗ trợ các kết nối có dây và không dây cùng lúc, hãy đảm bảo rằng cáp mạng đã ngắt kết nối.
2. Để xác minh liệu mạng có mất kết nối hay không, hãy thử kết nối các thiết bị khác với mạng.
3. Kiểm tra kết nối mạng bằng cách ping mạng.
 - a. Mở lời nhắc dòng lệnh trên máy tính của bạn.

- Đối với Windows, hãy nhấp **Start** (Bắt đầu), nhấp **Run** (Chạy), gõ `cmd` sau đó nhấn **Enter**.
 - Đối với macOS, hãy truy cập **Applications** (Ứng dụng), rồi đến **Utilities** (Tiện ích) và mở **Terminal** (Thiết bị đầu cuối).
- b. Nhập `ping` theo sau là địa chỉ IP của bộ định tuyến.
 - c. Nếu cửa sổ hiển thị thời gian hai chiều, thì mạng đang hoạt động.
4. Đảm bảo rằng bộ định tuyến hoặc máy in kết nối với cùng một mạng mà máy tính kết nối với.
- a. In một trang cấu hình.
 - b. So sánh số nhận dạng do dịch vụ đặt (SSID) trên báo cáo cấu hình với SSID trong cấu hình máy in của máy tính.
 - c. Nếu hai số này không giống nhau, thiết bị hiện không kết nối với cùng một mạng. Định lại cấu hình thiết lập mạng không dây cho máy in.

Giảm nhiễu trên mạng không dây

Các mẹo sau có thể giảm nhiễu trên mạng không dây:

- Để thiết bị không dây cách xa các vật thể kim loại lớn như tủ đựng hồ sơ và các thiết bị điện tử khác như lò vi sóng và điện thoại không dây. Những vật thể này có thể làm gián đoạn tín hiệu vô tuyến.
- Để thiết bị không dây cách xa kết cấu gạch đá lớn và các kết cấu xây dựng khác. Những vật thể này có thể hấp thụ sóng vô tuyến và làm giảm cường độ tín hiệu.
- Đặt bộ định tuyến không dây vào vị trí trung tâm trong đường ngắm của các máy in không dây trên mạng.

Bảng chú dẫn

A

AirPrint 57, 60

B

bảng điều khiển

định vị 4

định vị các tính năng 4

định vị các tính năng trên bảng điều khiển 2,7 inch 6

định vị các tính năng trên bảng điều khiển màn hình cảm ứng 9

trợ giúp 90

bàn phím

định vị 4

bàn phím số

định vị 6

bảo mật

đi kèm 12

ổ cứng được mã hóa 83, 85

bảo mật IP 83, 85

bảo vệ các hộp mực 32, 37

bảo vệ hộp mực 32, 37

bộ định dạng

định vị 4, 5

bộ nhớ

đi kèm 12

bộ phận

tổng quan 29

bộ phận thay thế

số bộ phận 30, 31

Bonjour

nhận diện 70

Bộ phận Chăm sóc khách hàng

của HP 90

C

các hệ điều hành được hỗ trợ 13

cài đặt sao chép

Máy chủ web nhúng của HP

70, 72

cài đặt in

Máy chủ web nhúng của HP

70, 72, 73

cài đặt quét

Máy chủ web nhúng của HP

70, 72

cài đặt gửi kỹ thuật số

Máy chủ web nhúng của HP

70, 72

cài đặt fax

Máy chủ web nhúng của HP

70, 72

cài đặt bảo mật

Máy chủ web nhúng của HP

70, 72, 75

cài đặt mạng

Máy chủ web nhúng của HP

70, 72, 76

cài đặt in hai mặt qua mạng, thay

đổi 78

cài đặt tốc độ liên kết qua mạng,

thay đổi 78

cài đặt

xác lập lại về cài đặt gốc (mặc định) 92

cài đặt EconoMode (Chế độ tiết

kiệm) 118, 119

cấu hình chung

Máy chủ web nhúng của HP

70, 72

công cụ xử lý sự cố

Máy chủ web nhúng của HP

70, 72, 74

công tắc nguồn

định vị 4

cổng

định vị 4, 5

cổng giao tiếp

định vị 4, 5

cổng nối, cài đặt mặc định 78

cổng nối mặc định, cài đặt 78

cổng USB, tùy chọn

số bộ phận 30

cuộn giấy

kẹt giấy 102

cửa sau

định vị 5

kẹt giấy 102

Các khay 550 tờ

kẹt giấy 102

Cài đặt trình điều khiển Mac

Job Storage (Lưu trữ lệnh in)

53

Cổng in USB 2.0 tốc độ cao

định vị 4, 5

Cổng LAN

định vị 4, 5

Cổng RJ-45

định vị 4, 5

Cổng USB

định vị 4, 5

bật 61, 62, 66, 67

CH

chân đế

số bộ phận 30

chất lượng hình ảnh

kiểm tra tình trạng hộp mực

in 118, 119, 121

chế độ in sẵn đầu đề khác 20,

22, 23, 26

chip bộ nhớ (bộ mực)

định vị 41

chính sách hộp mực 32, 33

chủ đề màu
thay đổi, Windows 118

D

danh sách kiểm tra
kết nối không dây 136
danh sách liên kết khác
Máy chủ web nhúng của HP
70, 72, 77
Dịch vụ web HP
bật 70, 72, 75

Đ

điện
tiêu thụ 12, 17
đặt hàng
mực in và phụ kiện 30
Địa chỉ IPv4 78
Địa chỉ IPv6 78

E

Ethernet (RJ-45)
định vị 4, 5
Explorer, phiên bản được hỗ trợ
Máy chủ web nhúng của HP
70

GI

giải quyết sự cố
tổng quan 89
giấy
chọn 118, 119, 123
kẹt giấy 102, 103
nạp khay 1 20
nạp khay 2 và các khay 550
tờ 23
Hướng khay 1 20, 21
Hướng khay 2 và các khay 550
tờ 23, 25
giấy, đặt hàng 30
giấy đặc biệt
in (Windows) 46
giấy trong suốt
in (Windows) 46

H

hệ điều hành, được hỗ trợ 12, 13
hiệu chỉnh
màu 118
hoãn chế độ nghỉ
cài đặt 86

hộp mực
số đặt hàng 41
số bộ phận 41
thay thế 41
hộp mực in
bộ phận 41
cài đặt ngưỡng còn ít 94
số đặt hàng 41
số bộ phận 30, 31, 41
sử dụng khi còn ít 94
thay thế 41
hộp mực HP chính hãng 32, 33
hỗ trợ
trực tuyến 90
hỗ trợ khách hàng
trực tuyến 90
hỗ trợ kỹ thuật
trực tuyến 90
hỗ trợ trực tuyến 90
HP ePrint 57
HP Web Jetadmin 88

I

in
lệnh đã lưu 53
tài liệu trên ổ USB flash 64
tổng quan 45
tờ phụ kiện lưu trữ USB 61
in di động, phần mềm được hỗ
trợ 12, 15
in di động
Thiết bị Android 57, 60
in hai mặt
cài đặt (Windows) 46
Mac 50
Windows 46
in hai mặt
thủ công (Mac) 50
thủ công (Windows) 46
in hai mặt thủ công
Mac 50
Windows 46
in hai mặt tự động
cài đặt (Windows) 46
in riêng 53
in trên cả hai mặt
cài đặt (Windows) 46
thủ công, Windows 46
Mac 50
Windows 46

Internet Explorer, phiên bản được
hỗ trợ
Máy chủ web nhúng của HP
70

In easy-access USB 61
In giao tiếp cận trường 57, 58
IPsec 83, 85

J

Jetadmin, HP Web 88

K

kẹt giấy
cuộn sấy 102
cửa sau 102
khay tiếp giấy dung lượng lớn
2.000 tờ 102
ngăn giấy đầu ra 102
nguyên nhân 102, 103
tự động điều hướng 102, 103
vị trí 102
Các khay 550 tờ 102
Khay 1 102
Khay 2 102
kết nối nguồn
định vị 4, 5
kích thước, máy in 12, 16
Kết nối và in bằng NFC 57, 58
Khay 1
hướng giấy 20, 21
kẹt giấy 102
nạp phong bì 27
Khay 2
kẹt giấy 102
Khay 2 và các khay 550 tờ
hướng giấy 23, 25
nạp 23

KH

khay
định vị 4
đi kèm 12
dùng chế độ in sẵn đầu đề
khác 22, 26
sức chứa 12
khắc phục sự cố
kẹt giấy 102, 103
kiểm tra tình trạng hộp mực
in 118, 119, 121
mạng không dây 136
vấn đề nạp giấy 96

khay giấy
số bộ phận 30
tổng quan 19
khay giấy 550 tờ
số bộ phận 30
khay nạp tài liệu
vấn đề nạp giấy 96
khóa
bộ định dạng 83, 85
khóa, khe cáp trên bộ định dạng
định vị 5

L

làm sạch
đường dẫn giấy 118, 119
lệnh, đã lưu
tạo (Windows) 53
Cài đặt Mac 53
in 53
xóa 53, 56
lệnh đã lưu
tạo (Windows) 53
tạo (Mac) 53
in 53
xóa 53, 56
loại giấy
chọn (Mac) 50
lưu lệnh
với Windows 53
lưu trữ, lệnh
Cài đặt Mac 53
lưu trữ lệnh in 53

M

mạng
được hỗ trợ 12
cài đặt, xem 78
cài đặt, thay đổi 78
cổng mặc định 78
mặt nạ mạng con 78
tên máy in, thay đổi 78
Địa chỉ IPv4 78
Địa chỉ IPv6 78
HP Web Jetadmin 88
mạng cục bộ (LAN)
định vị 4, 5
mạng không dây
khắc phục sự cố 136
màn hình cảm ứng
định vị các tính năng 4, 9

màu
hiệu chỉnh 118
mặc định
chọn (Windows) 46
mặt nạ mạng con 78
máy chủ in không dây
số bộ phận 30
Máy chủ web nhúng
mở 78
thay đổi cài đặt mạng 78
thay đổi tên máy in 78
Máy chủ web nhúng (EWS)
các tính năng 70
gán mật khẩu 83, 84
kết nối mạng 70
Máy chủ web nhúng (EWS) của
HP
các tính năng 70
kết nối mạng 70
Máy chủ web nhúng của HP
cài đặt sao chép 70, 72
cài đặt in 70, 72, 73
cài đặt quét 70, 72
cài đặt gửi kỹ thuật số 70, 72
cài đặt fax 70, 72
cài đặt bảo mật 70, 72, 75
cài đặt mạng 70, 72, 76
cấu hình chung 70, 72
công cụ xử lý sự cố 70, 72, 74
danh sách liên kết khác 70,
72, 77
mở 78
nguồn cung cấp 74
thay đổi cài đặt mạng 78
thay đổi tên máy in 78
trang thông tin 70, 72
Dịch vụ web HP 70, 72, 75
Máy in
tổng quan 1

N

nạp
giấy vào Khay 1 20
giấy vào Khay 2 và các khay
550 tờ 23
nút bật/tắt
định vị 4

Netscape Navigator, phiên bản
được hỗ trợ
Máy chủ web nhúng của HP
70
Nút thông tin
định vị 9
Nút Back (Quay lại)
định vị 6
Nút Clear (Xóa)
định vị 6
Nút Folder (Thư mục)
định vị 6
Nút Help (Trợ giúp)
định vị 4, 6, 9
Nút Màn hình chính
định vị 4, 6, 9
Nút OK
định vị 6
Nút Sign In (Đăng nhập)
định vị 4, 9
Nút Sign Out (Đăng xuất)
định vị 4, 9
Nút Stop (Dừng)
định vị 6

NG

ngăn, giấy ra
định vị 4
ngăn giấy đầu ra
định vị 4
xử lý kẹt giấy 102
nguồn cung cấp
đặt hàng 30
cài đặt ngưỡng còn ít 94
số bộ phận 30, 31
sử dụng khi còn ít 94
thay hộp mực in 41
tổng quan 29
Máy chủ web nhúng của HP
74
nguy cơ điện giật tiềm ẩn 3

NH

nhãn
in (Windows) 46
in trên 28
nhãn
hướng 28
nhãn, nạp 28

nhiều trang trên một tờ
 chọn (Mac) 50
 chọn (Windows) 46
 in (Mac) 50
 in (Windows) 46
nhiều trên mạng không dây 136,
139

O

ổ cứng
 được mã hóa 83, 85
 số bộ phận 30
ổ USB flash
 in từ 64

P

Phần mềm HP ePrint 57
Phụ kiện NFC
 số bộ phận 30

PH

phong bì
 hướng 20, 21
phong bì, nạp 27
phương tiện in
 nạp vào Khay 1 20
phụ kiện
 đặt hàng 30
 số bộ phận 30
 tổng quan 29
phụ kiện lưu trữ USB
 in từ 61

Q

quản lý mạng 78
quản lý máy in
 tổng quan 69

S

số bộ phận
 bộ phận thay thế 30, 31
 hộp mực in 30, 31
 nguồn cung cấp 30, 31
 phụ kiện 30
số sản phẩm
 định vị 4, 5
số sê-ri
 định vị 4, 5
sự cố nạp giấy
 giải quyết 96, 98

sử dụng điện
 1 watt hoặc ít hơn 86
sử dụng năng lượng, tối ưu hóa
86

T

tốc độ, tối ưu hóa 86
tùy chọn màu
 thay đổi, Windows 118
Thiết bị Android
 in từ 57, 60
TCP/IP
 định cấu hình thông số IPv4
 theo cách thủ công 78
 định cấu hình thông số IPv6
 theo cách thủ công 78

TH

thay thế
 hộp mực in 41
thông số kỹ thuật
 điện và âm thanh 12, 17
thông số kỹ thuật 12
thông số kỹ thuật về điện 12, 17
thông số kỹ thuật về âm thanh
12, 17

TR

trang mỗi phút 12
trang thông tin
 Máy chủ web nhúng của HP
 70, 72
trang web
 hỗ trợ khách hàng 90
 HP Web Jetadmin, tải về 88
trình điều khiển in, được hỗ trợ
12
trình điều khiển, được hỗ trợ 12
trọng lượng, máy in 12, 16
trợ giúp, bảng điều khiển 90
trợ giúp trực tuyến, bảng điều
 khiển 90

W

Wi-Fi Direct Print 12, 15, 57, 58

X

xác lập lại cài đặt gốc 92
xóa
 lệnh đã lưu 53, 56

xử lý sự cố
 mạng có dây 134
 vấn đề về mạng 134

Y

yêu cầu hệ thống
 tối thiểu 12
 Máy chủ web nhúng của HP
 70
yêu cầu về trình duyệt
 Máy chủ web nhúng của HP
 70
yêu cầu về trình duyệt web
 Máy chủ web nhúng của HP
 70